

Tô Hoài

Chùa Giải Oan



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ





Tô Hoài

Tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 7-9-1920 tại quê nội Hà Đông, lớn lên ở quê ngoại làng Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội.

Các bút danh khác: Mai Trang, Mất biển, Thái Yên, Vũ Đột Kích, Hồng Hoa

Các giải thưởng văn học:

- Giải nhất Tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1956 (*Truyện Tây Bắc*)
- Giải A Giải thưởng Hội văn nghệ Hà Nội 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*)
- Giải thưởng Hội nhà văn Á-Phi 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*)
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học - nghệ thuật (đợt I-1996)
- Giải Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội 2010

Chùa Giải Oan

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Tô Hoài, 1920-

Chùa giải oan : truyện ký / Tô Hoài ; m.h. Kim Ngân. -T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011.

172tr. ; 20cm.

Nội dung : Tình đời gió bay ; Ra Đồng Bắc ; Chùa giải oan ; Quê Lâm Hà ;...

1. Truyện ký 2. Văn học Việt Nam — Thế kỷ 20.

895.922334 — dc 22

T627-H68

ISBN 978-604-1-00267-8

Chùa giải oan



8

934974

103646

Tô Hoài

Chùa Giải Oan



NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

Mục lục

<i>... Tình tình gió bay...</i>	7
<i>Quê Lâm Hà</i>	25
<i>Một ngày Trường Sơn</i>	39
<i>Làng mới trên núi</i>	87
<i>Háng Bla</i>	105
<i>Ra Đông Bắc</i>	126
<i>Đông Hưng</i>	143
<i>Bãi Cháy</i>	151
<i>Chùa Giải Oan</i>	155
<i>Quảng Châu</i>	163

LỜI GIỚI THIỆU

10 truyện ký trong tập *Chùa Giải Oan* của nhà văn Tô Hoài. Nhà xuất bản Trẻ xin giới thiệu cùng bạn đọc lần này có cùng một mạch với 10 truyện ký của tập *Nhớ quê*.

Chúng tôi mong những trang văn thấm đượm tình người, tình đất, tình văn của Tô Hoài sẽ mãi mãi nuôi lớn chúng ta tình tự quê hương.

Nhà xuất bản Trẻ

... Tình tình gió bay...

Chế Lan Viên vốn trực tính. Cái tính trực của anh có kẻ thích người ghét, người lợi dụng, nhưng khi trò chuyện thì ai cũng hồi hộp, chờ đợi một câu anh nói, một ý gì đó thế nào cũng khác thường. Có một hôm bàn về sáng tác, họp chi bộ hay công đoàn, không nhớ. Một anh đột nhiên đứng dậy bưng mặt kêu hu hu:

· Ôi giới ơi, Khơrutsốp nó đem di hài Stalin ra khỏi lăng rồi. Từ tối hôm qua, tôi... tôi... tôi tự tử đây. Tôi chết, tôi phải chết, tôi chết...

Mọi người còn ngơ ngác về cái câu khóc lóc thình lình nọ, thì Chế Lan Viên đứng lên, nghiêm nghị vỗ tay vào mặt anh ấy, thông thả nói:

- Này anh, anh nhìn lại đi, anh dương ngó với những người đứng đắn cả. Không được nói dối. Tôi thách anh dám đi thất cổ đấy.

Chúng tôi khoái vì câu nói đóng đinh vào mặt người ta của ông Chế. Chưa ai ngờ được như thế, hay là có ngờ ra thế thì cũng ngậm miệng không dám thốt lên lời. Ô hay, nhưng mà sao cái cảm tưởng với với tươi vui đầu xuân của tôi lại bị vẩn cái chuyện của thời ngày ngày nuốt chửng mì lược, mì xào muối này nọ. Không, dầu cho người bạn đã khuất núi, nhưng câu nói của anh hôm ấy, thì ai ngó đấy đều nghe rồi đồn thối, các cụ đã đúc thành ca dao tục ngữ nghìn năm bia miệng thì chẳng bao giờ bỏ đi được. Mà đời mới, mà cuộc sống khấm khá, con rồng Thăng Long của cả nước đang bay lên thì cũng vẫn còn người man trá, người nói điều nhiều là đảng khác, chỉ những người thẳng thừng như anh bạn thì khí nào cũng hiếm. Cho nên àu cũng là chuyện để đời vậy.

Cái Tết này Hà Nội lạnh đúng Tết, rét cóng cá, không mưa bụi lất phất, nhà nhà ê hể bánh chưng, cá kho chả chía như trẻ con ngày vẫn tính đếm, vẫn mong đợi. Trời hanh hao, không phải lo trời nồm thịt cá thiu mốc. Cảnh đầm ấm phong lưu thật quen, nhưng ở đâu mỗi người cứ như lâu lắm mới gặp. Tết nhất hả hê, thôi rồi những cái năm cùng tháng tận xếp hàng mua chia nhau được chục chiếc lá dong, công đoàn xẻ cho lạng mỳ chính Thái đích thị hiệu "cái muối", nhưng cũng cứ phải đổ ra ném xem có bị lừa chết tiệt nào trộn đường Tây vào không. Thôi rồi, đã thôi rồi.

Nhưng tôi lại nhớ quán, nhớ lâu nhớ mới. Chưa dứt đi được, còn nhớ hồi ấy lắm kẻ yêu người thù Khorutsôp. Buổi sáng đến cơ quan ngồi nghe trưởng phòng đọc báo Nhân Dân, phục tài mồm mép và mẹo làm trò lạ mà vui của ông Khor. Ông Khor sang Mỹ, trên diễn đàn Liên Hiệp Quốc ông rút giày đập chan chát xuống bàn như ông đập vào mặt những đế quốc thực dân đương ngồi hóng mát lên dưới kia. Người quý ông, chỉ nghe đọc thế đã cười vãi nước mắt, sướng đến mất ngủ. Nhưng cũng là đọc tin, những người không ưa ông, thấy ông Khor chia các ban chấp hành thành hai vế, một nửa lo ngô và lúa chẳng biết ông có ăn ngô không, nhưng ông thích ngô hơn lúa mì, và một cánh chuyên trách công nghiệp, thì nhiều người nhao nhao chửi ông. Bảy giờ tôi đương theo học một lớp chính trị và triết học. Một ông bạn cùng tổ tôi tức lắm. Trưởng cao cấp nhiều người có tuổi đi học, tiếng thì oai, nhưng thực ra, được ân huệ nâng cao nhận thức xong thì vế hưu thôi. Đến những hôm thi vấn đáp và làm bài tập thì cụ ấy báo cáo ban giáo vụ rằng: "Tôi học đâu sáng ra đến đấy, cả đời tôi làm cách mạng rồi, học rồi còn phải vấn đáp gì nữa."

Tôi nhớ những năm kháng chiến chống Pháp, bảy giờ tôi còn một bà dì. Hồi ấy, các chợ tản cư ở Phú Thọ bốn phía rào tre, binh dân học vụ kiểm soát người mù chữ ngặt lắm. Ai không biết chữ, cấm không được vào chợ. Thế mà dì Hiếng tôi một chữ bẻ đôi không có, hàng ngày chợ búa vẫn ra vào như không. Dì tôi gạt mảnh giấy người ta bắt đọc thử, và chỉ nói mỗi một câu: "Tôi không biết chữ, nhưng

thằng cháu tôi thừa chữ, cả nước biết tên biết tiếng, tôi còn học làm gì nữa, các cậu không biết hà?" Chắc hiểu vì ngại lời thôi với bà lão gàn bát sách, hay vì câu nói khác đời, thế là chú dân quân mở cái ngáng tre, cho bà lão te tái đi qua.

Bởi câu nói cũng trái khoáy của cụ bạn cùng tổ mà tôi nhớ lan man thế thôi. Các đồng chí giáo vụ cũng không giữ cụ học viên lại, không cho điểm vấn đáp và tờ giấy trắng kiểm tra được trả lại, nhưng trước khi về buồng, cụ còn quay ra, bằng rầu rĩ nói:

- Tôi ấy à, tôi bây giờ mà đến Mạc Tư Khoa, thế nào tôi cũng đâm chết Khrutsốp. Nó phá đảng rồi còn gì. Tôi đã mài sẵn con dao đây.

Nhiều đêm đến tận khuya, cụ còn kéo chúng tôi ngồi rì rầm bàn bạc. Kể ra thì ông định đi thật cố hay ông muốn đâm Khrutsốp đều cũng nói năng bông phèng cả. Nhưng câu chuyện của ông đồng môn của tôi còn dễ thương, chứ như cái ông thất cố bằng mồm kia thì tởm. Chỉ có Chế Lan Viên mới thản nhiên sì cho, không cần bịt mũi.

Lần ấy, tôi đến Matxcơva, tình cờ thế nào được biết cụ bạn học đã mài dao rập tâm làm thịt Khrutsốp cũng sang vào dịp ấy. Ông được đi nghỉ ở Sôchi. Tối ấy, xem ba lê, nhà văn Marik bạn tôi chỉ chỗ góc rạp và nói:

- Vợ chồng ông Khrutsốp cũng mua vé đi xem ba lê như chúng ta, kia kia.

Nếu bạn không mách, tôi cũng không thể nhận ra. Tôi vốn kém nhận mặt người. Và chẳng, ngoài đường ở các

thành phố châu Âu nhiều người béo và phần nhiều quần
lành áo tốt tựa nhau, khó nhận ra người sang hèn thế nào.
Ông Khơ bị cách chức lâu rồi. Tôi tò mò nhìn ông cuộc
sống đời thường ấy, lại nghĩ đến cụ bạn đã mài dao định
đâm chết ông. Tôi bật cười so sánh. Cụ bạn tôi thì già, lại
quá gầy. Matxcova đương lạnh dưới độ ẩm về đêm. Chắc
là cụ nằm nhà khách sử quá, nhờ người đi mua bánh mì
gối và trứng luộc, bởi cụ sợ mùi bơ, pho mát và cụ thuê
người xếp hàng mua miếng vải đầu thừa đuôi theo ở cửa
hàng phế phẩm. Rồi tôi được biết cụ cũng chẳng đi Xôchi.
Cụ bảo ở biển còn rét hơn, mà ở đây đã rét sắp chết thế
này. Chắc cái việc thù tiêu Khơrutsốp thì cụ cũng bỏ qua
lâu rồi.

Những chuyện tâm phảo, ba giai tử xuất, sao tôi lại cứ vấn
vơ giữa lúc đương vui thế này. Đã lâu mới thấy một cái Tết
vừa ý, một giêng hai ra giêng hai. Ngoài đường bông chốc
lại mưa dây mưa dợt, bụi mưa không ướt áo. Trên những
cánh đồng cao chưa làm mùa quanh chân tre, cây lá bánh
khúc nở hoa vàng chan chứa long lanh trong làn phấn mưa
trắng trắng. Mùa này may ra người thành phố mới được
ăn bánh khúc thật chứ không phải chỉ ăn tiếng rao đêm
“bánh khúc”, còn bánh thì nặn bằng củ su hào và cải rau
muống bằm. Lá khúc mọc hoang trên những mảnh ruộng
cao cạnh chân tre, trẻ con ngắt cả hoa cả lá đem về già ra,
cũng như lá gai, lá khúc, bánh gai, bánh khúc, những cái
hoang dại mà đậm đà vị quê, không ngon lành gì mà gợi
nhớ kỷ niệm ấu thơ.



Tôi đi trong mưa phơi phơi, vắng tiếng pháo. Nghĩ thế thôi, tôi mơ màng tiếng trống đình, tiếng chuông khánh đến chùa, từ thuở nhỏ đã không thiết tiếng pháo.

Nhất là bây giờ, tiếng pháo hồm của, khoe tiến nó là tiếng súng “con gà tức nhau tiếng gáy.” Chẳng quan tâm đến thiên hạ nô nức, xưa nay tôi không mua pháo đốt pháo Tết. Bây giờ người không biết cứ nói rằng tiếng pháo phong tục xa xưa. Phải, tết vẫn xưa nay có pháo nhưng không phải bánh pháo rơm đời, nhà kia ba thước thì nhà ta phải năm thước và như bây giờ pháo nhồi thuốc súng, đốt pháo như bắn súng. Ngày trước không phải làng nào phố nào, nhà nào cũng có pháo đêm giao thừa. Nhà nào có nhà ấy đốt, chẳng ghen, chẳng xấu hổ, chẳng vênh. Nghe pháo, người khói pháo thơm nhà ai cũng như nhà ta. Bọn trẻ thì mua pháo tép bằng gang tay, mỗi quả như cái ống lòng ngỗng, tháo rời cầm tay châm hương đốt đi dẹt. Mấy đêm giữa tháng giêng cả vùng thanh phủ Thanh Oai kéo về Bình Đà xem hội làng đốt cây bông và pháo thăng thiên đầu cánh đồng. Vậy thôi.

Tết thành thời, ẩm áp không có tiếng súng pháo cũng được. Rồi ra thành phong tục mới. Có những cái cũ trở thành cái mới, như mới. Ngày mừng bốn đã ngấy ngán thịt thà, người ta ăn cuốn và bún thang. Bọn trai trẻ đi đánh chén cháo lòng tiết canh mở sớm thế như ngày trước, hơn trước. Không phải đến hội Lim, chùa Thầy mới thấy. Mà quán có ngay trong đồng vào làng La, bên gốc cây trời cổ

thụ gần chỗ “bia bà” của mấy người rở tiền dựng lên cúng vái, có lẽ tiết canh màu hồng điều, màu tiền thánh dễ nhìn tính phù hộ, càng phát tài càng.

Khách ăn nhậu bây giờ túy lúy, ba vạ, bó cẳng gà, miếng vó bò tương gừng, say khướt cò bợ bất kể sớm chiều. Các cụ ta xưa chỉ nhắm tiết canh cháo lòng vào buổi sáng, đã tự nhiên từ bao đời. Con lợn bán chợ khi nào cũng được mổ từ tinh mơ, lòng gan luộc, tiết canh được đánh ngay từ lúc tờ mờ sáng. Cái cổ hũ, khúc lòng trắng, miếng nấm còn bốc hơi nghi ngút trên bát mắm tôm, thì, dưới cái chảo đại váng nước suýt ngấu mỡ vẫn sôi sùng ùng ục. Chứ ai lại bữa phứa cháo lòng tiết canh sáng ngày tối đêm, thức ăn cái uống sống đã ủ ề ruồi muỗi cả trưa chiều. Những kẻ chi bây giờ đất hàng, khách thì nuốt đại như vô hít bã mía. Những hàng thịt chó được đặt tên là “khu công nghiệp chó” trên đê Nghi Tâm kia đâu phải con chó vàng, chó mực chợ Canh và những bợm nấu bệp tại ba ở Đông Phù, Đông Mỹ. Chẳng qua là người ăn cứ ào ạt tủa đến thì quanh đấy, ở Dân Cáp, ở Quan La Sở, bà con ngồi tay trống đào, hăm quật, gõ lười cá thì mở quán chó kiếm cái phát tài trợ thời. Ô tô xe máy rập riu đến những quán Bình, các em váy ngắn lượn lơ trông xe nờ nự cười hàng xén thế là người nọ đốn kéo người kia tới.

Nhưng mà, xưa kia chỉ mấy ông lão chứ còn ai bây giờ, khi gió đông lên rét căm căm, chui vào chén thịt chó mộc trong ruột những cây rơm ven đường Cầu Khâu đi ngà ba

Vác, hưởng hết hương vị chó má đồng quê thì phải lang chạ thế, không như những nhà thịt chó lầu ba tầng ở Cầu Bươu, chỗ đường chợ Đơ sang đâu. Chủ quán đã sáng chế ra món nem chó, thịt băm viên đem hầm quán bánh đa. Người phàm ăn không biết, chữ trên thế giới này, vào hàng quán tồi nhất rẻ nhất là cái món thịt băm hấp hay rán. Bởi vì chỉ có thịt hổ lớn từ bạc nhạc đến thịt ôi, nhà hàng mới băm, mới viên đánh lửa khẩu vị khách. Cũng như chỉ có rượu tiết canh cháo lòng sáng ngày ra mới phải cách mà đánh đục lòng lợn sớm mai cũng phải băm chọn và đúng lúc, khi nước làm ròn, nước suýt bốc um lên, cái hành cái răm lúc ấy mới bỏ vào, sao mà thơm đậm, nhớ thế, nhớ đến nỗi không biết nhớ cái gì.

Ngoài giêng, nhờn nhơ trên đường xơi thịt cây thì quá đậm, mà kẻ ăn người bán chưa chuốc cái của chó má xúi quẩy trước ngày răm, cho nên nhẹ và mát ruột chỉ có cháo lòng tiết canh. Tiết canh hầm mộc, chẳng cần rắc lạc vụn. Một loạt bát úp như quán nước ngày trước úp dĩa bát đàn nước chè tươi. Có lẽ chủ quán cũng đã thừa cả những chiếc bát mẫu này. Vài chục bát sứ hoa chanh, khách chạm chân hết thì đành, không pha phách lâu thêm. Ngửa bát lên, mép bát lòng đào lượn tròn thật mát mát, tiết canh không long chân, thoát nhìn đã biết tài nhau rồi. Quả vậy, miếng tràng, miếng gan, miếng cổ hũ còn tùy cái ngon con lợn, cái thịt hôm ấy và mắm tôm ngọt, quả chanh vườn không lai, nhánh hành hoa chính cống đất Láng, không

phải rậm rờm, rau mùi vừa độ không hắc như căng mùi nước tắm, tất cả, nhà hàng chịu khó thì kén được, nhưng bát cháo sánh không đặc, miếng tiết xăn ra tươi óng ánh mới thật bởi tay người làm ăn chơi có nghề.

Vào giêng hai năm nay cũng hay, đi xa xa đằng kia lên đến Giồng trên Sóc Sơn, hay sang bà Chúa Kho bên Bắc, thế nào cũng gặp một quán tiết canh cháo lòng của một bác sành điệu, chỉ có trai tráng lui tới nhiều. Khác đâu nơi tụ hội của những kẻ trọng nghĩa khinh tài thuở ấy, mưa bụi như sương, hồng hoa màu bát tiết, mặt rượu đỏ lừ...

Chưa phải đường về, đường xuân còn đương bước tới. Cây trôi, cây thông và bụi song mây bờ rào. Cánh đồng, đình miếu, ao làng vẫn thân thương như thuở nào. Có điều bảy giờ tuệch toạc, lắm cái đến chết cười. Kiểu bát cống đặt trên ngai cái giấy "công nhận xếp hạng di tích"! Máy vị áo thụng lam, mũ phốc thất ống rước thành hoàng đi hia nhưng chăm chăm đứng bình thân. Một ông về cán bộ thông tin đứng ngoài nhìn giấy hét: "Quán tẩy sở", vị nọ phổng mặt ra rồi nhắc hia trình trọng bước lên, ông thông tin lại chúm tay làm loa: "Ấy, ày dơi "tiến tước" đã!" Thì các cụ bấy lâu ở trong công sở, ở quân ngũ bây giờ về làng ra đình chen nhau chủ tế, bói tề chiếu nhật chiếu nhì cứ bữa phứa. Lắm làng cũng thiếu các cụ thủ chòm i tờ lễ bái này phải lặn lội đi chuốc đội tế, đội kèn trống nơi khác. Nhưng cũng chưa nỡm bằng độ một tá bà nạ dòng được "ban khánh tiết" trả tiền thuê đem từ trên tỉnh về

đứng hai bên bồi tế. Đời thuở nào mà mấy mụ phe phò dấm lườn phướn lơ lửng giữa đình, khăn vành dây, áo đoạn cá vàng, dép nhựa trắng, bít tất hoa đào, quần kép bóng hần cái mông xì líp hồng vằn lên. Cũng bình thân, chấp tay nghiêm mặt “Hương báai” theo nhịp hô của ông thông tin.

Nhưng mà cứ là vui, là tung bùng lên, tung bùng lên. Người ta nói ở bên nước Nhật, khi ố ạt canh tân đàn ông ra đường phải thắt nơ đen, mặc áo vét đuôi tôm, tất cả đều Âu hóa, đến lúc giàu có nhất thế giới rồi mới quay lại phục cổ, gặp nhau thì chào cúi đầu sát đất, vào nhà ngồi xếp bằng tròn, uống trà. Rồi ta sẽ phát triển hơn, ta sẽ đẹp hơn, những cái bây giờ lộn xộn ... cũng chẳng sao, chẳng sao ... Người mình vốn dễ tính, có của ăn của để là được. Không còn ăn đói làm già, công của lãn lộn, keng rồi mà chín mười giờ tổ ấy còn đợi nhau ngoài đầu đồng. Bây giờ khác, tập thể thoải mái. Thế là mừng rồi. Mùa xuân đương tới. Ta đương đi chơi xuân đây.

Cháo lòng tiết canh xong, đôi chân rượu xui tôi đạp xe vung lên, vừa đạp vừa thở mà vẫn mãi mê, từ chùa Hàng Tổng ở chợ từ ngoài Bình Đà vào đến dốc Thanh Bồ thì quay lại. Nghe nói năm ngoái chùa Hương cửa tiền trông xe, tiền dò dử lắm. Ngại phải xô xát việc dương trần, quên cả chùa cả phật. Thôi để đến tháng hoa mơ trắng núi, một mình tĩnh vắng vào ngắm nghĩ đường lên tiên có lẽ hay hơn. Ngày trước, bạn tôi là Song Hồ bút hiệu Hương Hát Tiên Ông, quê ở Đốc Tín, đã dẫn tôi đi chơi qua suốt mùa

hoa mơ, từ chùa hang ra suối Yến, sang chùa Tuyết còn man mác đến tận bây giờ.

Không vào chùa Hương, thế mà tôi bon lên tận Lai Châu. Bỏ cái thư ở bưu điện Điện Biên cho bè bạn các nơi xanh mát thấy tôi đương đi giữa cánh đồng Mường Thanh đây. Khoác lác thời, Lai Châu chiến trường xưa thì thiên sơn vạn thủy đến khi có cái ô tô hai cầu thì cũng phải ba ngày cật lực, nói chi mới năm kia máy bay đi buổi đực buổi cái cũng mất hai tiếng nhồi lên thụt xuống trong mây, bây giờ, khi tôi còn đương ghé nhìn núi non miéng vàng miéng trắng như con bò vá, đã thấy mặt nước hồ Pa Khoang, đã thấp thoáng đôi Him Lam rồi. Hà Nội Điện Biên mất có 45 phút, chưa hết hai lon bia.

Tôi vui, đương vui. Mùa xuân này Điện Biên nhộn nhịp trở nên thành phố tỉnh lỵ. Lố nhố Tây đeo ba lô, Tây đi xe đạp đầy đường. Một lũ Tây cò, Tây cậu xuống rửa mặt sông Nậm Rốm, hình như chúng nó lại đem về một bi đồng nước con suối lịch sử thua trận cho người đã được sống sót lấy khước. Tôi cũng như Tây, tôi lên đồi A1, tôi xuống hầm Đờ Cát nhưng tôi có cái tò mò và kỷ niệm của một người làm lịch sử thời ấy, của người chẳng giống vẻ mặt lặng lẽ bây giờ của các ông lái dưới pho buồn đông hồ treo tường đương đếm tiền, và đến lúc nhìn hũ rượu tam xà trên bàn thật chó anh em thị trấn thết, tôi đã lại hớn hờ ra đi.

Mà nhiều chuyện vui chuyện lạ gặp mấy lần. Hôm lên cao nguyên Sìn Hồ nghe kể chuyện: có ba người dân tộc

Mông bỏ đi từ ngày Pháp thua trận, bây giờ về chơi thành những ông Việt kiều ở Pê Nang quốc tịch Malaysia. Các ông nói tiếng Anh, thất cả vật sặc sỡ nhưng theo đạo Tin Lành và nằm kéo liến cả chục điều thuốc phiện vẫn ngon.

Cánh đồng Điện Biên, các triền núi trập trùng bao quanh đất du lịch phen dậu biên giới lâu đời. Tôi vào nhà ông Nọi người Thái - cái người sống sót sau cơn diên máy bay Pháp ném bom diệt cả làng Long Nhai giữa trận Điện Biên. Tây du lịch đến vùng xã Thạch Xương thế nào cũng về nhà ông Nọi uống rượu nhắm thịt nướng chấm nước "nặm pịa" phân lòng ở ruột con dê, rồi nằm đệm trên sàn gác. Bão hạt "mắc khém" hăng ngon hơn hạt cải "mù tạc" Angiêri, lại đòi ngủ ổ rơm chuồng trâu vì bên Tây Âu chưa được ngửi mùi nước đái trâu bao giờ. Nhà ông Nọi thành một thứ "boong ga lô" đặc biệt giữa làng rừng.

Quý nhất cái bạt thiệp và lịch lãm của lão Hoàng Văn Nọi. Ông già người Thái ấy bôn ba xốc vác từ tấm bé, khi mới học cầm con sào chống xuống dòng thác. Thôi cứ tính Lai Châu có sông Đà chảy qua, huyện Điện Biên có sông Nậm Rốm ra ngoài kia hợp lưu với sông Mê Kông bên Lào ở đầu tỉnh Luông Phabăng, rừng núi ấy bao nhiêu sông suối thì chiếc sào buôn bè của ông Nọi chống đủ. Rồi từ xã viên lên chủ nhiệm, lên chủ tịch, lên huyện ủy. Bây giờ già rồi vẫn quắc thước đi phăng phăng, nói choang choang như hò hét giữa ghềnh thác và vẫn quyền biến, tháo vát như khi đương sức xuôi ngược. Ngôi nhà của ông Nọi bế

thế hơn cả cái nhà sàn gần đấy của ông cố phó chủ tịch quốc hội Lò Văn Hạc xưa kia đã từng làm quan châu, năm trước tôi đã có lần ghé thăm. Có khi đêm ngày trên sàn nhà ông Nội đệm trái liên khít, cả trăm người khách tây, đám được ngủ dưới trăng, sương mù bay ngoài song cửa sổ.

Nghe ông Nội kể chuyện ông vui ra sao, tôi cũng vui lây, không hiểu ông Nội tài tình đến thế nào mà ông đã về tận Hà Nội đón được ông bà thủ tướng Võ Văn Kiệt lên Long Nhai. Không chỉ lên chơi, lên thăm Điện Biên Phủ, mà lên để đại hội xã viên biểu quyết hoan nghênh xin kết nạp ông bà làm xã viên danh dự. Lại nhân dịp long trọng và thân thương, hợp tác xã Thanh Xương đã tổ chức lễ cưới cho chú rể Kiệt và cô dâu Cẩm, cùng buồng nhà sàn màn chắn và đệm gối cho xã viên mới như mọi đám cưới trong bản xưa nay. Tôi không biết ông bà xã viên được chia phần ruộng làm ở chân đồi nào, có khi mà rồi tôi phải hỏi cho tôi mượn chỗ đất ấy. Tôi sẽ cấy ít lúa nương và trồng sắn, trồng hóp, trồng cây tai tượng của chương trình quốc tế Pam, rồi chúng tôi chuyển lên định cư ở nơi mới. Những quê mới ấy của tôi xưa kia đã thân thuộc với những vợ chồng A Phủ, những cô Thảo Mỹ, những làng bản Mường Giơn đáng yêu và thương nhớ biết bao.

Sao mùa xuân này vui dài đến thế. Hôm ở Điện Biên về, qua cầu Thăng Long khác nào cầu Trường Giang bên thành phố Hán Khẩu sang thành phố Vũ Xương trên sông, bấy giờ những cây cầu đường sắt nối liền châu Âu với châu Á,

xuống Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh quanh năm phới phới nắng gió Thái Bình Dương.

Trong bãi giữa Tầm Xá dưới kia đến bao giờ thì sẽ có một tấm bia đá ghi lại một sự tích anh hùng. Ai có còn nhớ trong xanh xanh bãi dâu, bãi ngô, bãi mía hôm nay, bấy giờ là giữa đêm 12-7-1947, ngót năm mươi năm đã qua, trung đoàn Thủ Đô bí mật vượt vòng vây ra khỏi liên khu 1. Tiểu đoàn 101 đi trước rồi trung đoàn bộ, rồi 102, sau cùng 103. Nửa đêm, các chiến sĩ ở lại đốt lửa và bắn phá nghi binh đã ngừng hoạt động. Những người sau cùng ra ngô Phất Lộc qua cột Đống Hồ lên đê chỏ Cầu Đất. Đoàn quân đi trong đêm, đến bãi Tầm Xá có thuyền dân quân du kích đón sang Văn Hoạch, Long Tự huyện Đông Anh. Sớm 18 địch phát hiện được dấu. Bộ đội sắp sang sông thì trời sáng, đoàn thuyền máy địch đuổi lên tới. Tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Nại của tiểu đội du kích Hồng Hà khu Lãng Bạc chặn đánh địch trong bãi Tầm Xá này. Tất cả Trung đoàn Thủ Đô sang sông được an toàn hết. Nhưng cả tiểu đội du kích Nguyễn Văn Nại đã ngã xuống đến người cuối cùng.

Ở dưới bãi dâu Tầm Xá kia.

Rồi ngay đêm 18, cả trung đoàn lại mạo hiểm trở sang Thượng Hội bên Đan Phượng. Đêm 22, lễ mừng công trung đoàn ở đình làng Gối. Nguyễn Huy Tường và tôi được đi đón các chiến sĩ trong Hà Nội ra ở đây.

Tấn ngấn, bàng khuâng, vui ấy, buồn này. Trong làn gió sông đưa lên, bỗng nhớ câu quan họ:

... *"Tình tình qua cầu... tình tình gió bay..."*

Chao ôi, tôi mà cỡi áo ra hay thẳng nào đến trấn lột bây giờ thì tôi chết rét tức khắc, ngay giữa cầu, nhưng đọc thơ tình thì không ai biết mình có tuổi. Chỉ thấy thơ thổi gió bay... gió bay... Ấy đấy, thế mới là con người ta ở đời.

Về đến Hà Nội tôi nhận được một cái thư xa. Thì ra khi tôi mãi bước xuân sang trên Lai Châu thì bà ấy tới Hà Nội. "Tôi với con gái tôi đã đến Hà Nội ngày ấy... ngày ấy... Xe qua cầu vào thành phố, cái cảm tưởng đầu tiên khiến con gái tôi sợ quá, vốn nó là bác sĩ. Thấy người ta mức nước cống lên uống, và đánh răng, rửa bát, giặt quần áo, đứng tắm ngay trên miệng cống. Tôi cũng kinh. Người Hà Nội vắn dùng nước cống thế sao, hả anh?"

Tôi thật quá lạ. Tôi lại thử đi từ chân cầu Chương Dương vào trong phố xem ra làm sao mà mẹ con bà ấy lại khiếp đảm, lại nghĩ ra hình ảnh Hà Nội quái ác đến thế. Tôi mới thấy chỉ là một sự đôi bên hiểu nhầm mà thôi. Tôi thì đã quen mắt. Người ấy thì ở bên Tây từ thời nước An Nam, còn cô bé nọ thì không biết tiếng ta. Thành phố chúng ta đương khan nước. Các nhà ra nậy vĩa hè, đục đường ống xây bể chứa nước, các cống trong nhà ra và cống ven thêm cả thành phố đều cống nổi, các thứ rác bẩn, kể cả nước tiểu và phân cứ việc thông dong trôi bên bể nước ăn. Có thể thật, nhưng chỉ là thế. Nếu cứ thế này mà mẹ con bà ấy có tạt xuống Sài Gòn, dạo chơi cầu Bông, cầu Mống thế nào cũng bắt gặp những cô thiếu nữ óng ả váy đen đeo gang tay

trắng, về nhà lều chon vonngôi thà lôm bôm xuống những lạch bùn đen ngòm thì mẹ con bà khiếp đến ngất đi mất. Nhưng lần sau về nhé, Hà Nội đương lại đổi mới mà miền Nam đã cấm những cái lều cầu tiêu ngất ngưỡng đã mấy trăm năm nay còn trên sông, trên ao. Vẫn vui chứ.

Mà cũng vui. Mẹ con bà cứ về đây, ít lâu thì chắc chắn cũng lại như tôi, cái bể chứa nước và cái cống nối bên nhau, là một sự quen mắt. Cử lơ lửng con cá vàng không nọ mà có duyên, đẹp chứ sao.

Rồi tự dưng tôi lại nhớ đến cái ông ngày trước định thất cố mà bị mắng vào mặt. Cụ ấy bây giờ đã luống tuổi lắm, nghe nói rất chăm xoa bóp, ấn huyệt, thở, dưỡng sinh, lại chịu khó mỗi ngày nhai bốn cù tòi sống và chén hai bát cơm gạo lức muối vừng. Tôi không để ý. Tôi thăm cụ chỉ vì nhớ câu... *tình tình gió bay...* tôi đương hứng. Trời đất vẫn đương tình tình gió bay mà.

Cụ bắt tay tôi thật chặt, rồi khoa gậy lên. Cụ nghênh mặt, bộ râu bạc vắn rậm, quét cả vào mặt tôi. Cụ nói to:

- Đổi mới, đổi mới, độc đáo...

Tôi không táo tợn được như ông bạn tôi xưa kia. Tôi tự an ủi rằng tôi cảm như hén cũng là tôi có thái độ rồi. Tôi buồn cười mấy vị cởi cái áo đại cán về làng đội mũ phốc, đi hia, mặc áo thụng. Tôi lại thương mấy bà phe phò xì líp hống cung kính chịn dít vào đòn kiệu thành hoàng làng.

Nhưng ô hay, sao vừa thấy đây mà cái mặt ông cụ bỗng mờ bọt đi. Chỉ nghe những tiếng hô khẩu hiệu như "đổi,

đổi, độc đáo...". Rồi hoa mắt hay tôi làm sao, tôi không
trông thấy ông cụ nữa. Bây giờ bọn đầu gấu thường hay
quát người ta: "Biến đi, biến đi". Tôi muốn tống vào cái
bóng ông cụ câu ấy, nhưng tôi lại chỉ dám nghĩ trong bụng
thế. Với tôi, thế đã là bạo và thế là tôi lại tình tình tình...
gió bay lững lơ con cá vàng rồi.

1995

Quê Lâm Hà

Những ngọn tháp Chăm cuối cùng đã lấp bóng núi bên kia. Đường lên Đơn Dương kẻ trắng xóa những ống nước nhà máy thủy điện Đa Nhim. Tiếng người Ma, “Đa Nhim” là suối Nước Mắt. Những hàng nước mắt con người bao đời đã qua đèo không khi nào trở lại, trong khi người hôm nay lên thành phố cao nguyên đang thay đổi giữa rừng thông.

Chiếc xe tã chết rấp trong lùm cỏ tranh phủ kín mui, cạnh mảnh vườn cà phê nhà ai lá xanh non, dấu vết còn lại của cuộc rút chạy khỏi Tây Nguyên.

Qua một vùng sương mù. Ở đây, cứ chợt sương, chợt nắng, thất thường. Bóng mờ cột ống đo gió, khiến người đi đường biết đấy là sân bay Liên Khàng.

Gọi là Liên Khàng gần giọng người Mạ hơn Liên Khương. Liên Khương là nói theo một Ngô Đình Diệm một thời sinh Trúc Giang (Bến Tre), Bảo Lộc (Blao) Hậu Nghĩa, Tây Đức, Phước Long... Ngô Đình Diệm thích thế và đã đặt lại tên thế. Người Mạ thấy chỗ ngọn suối có nhiều ổ mối - tiếng Mạ, con mối là con khàng. Thành tên Liên (suối) Khàng.

Khu kinh tế mới của Hà Nội xây dựng trong kia. Bên Đắc Lắc, tôi đã làm quen với những khu của Nghĩa Bình, của Bình Trị Thiên. Nhiều nhà chỉ vừa lên một hai năm đã có thóc ăn và bắt đầu mua gỗ trủ làm nhà gác. Nhà ở thung lũng đan chen nhau, phải nhờ có giàn mướp, cây mít, khóm cúc vạn thọ và cây hương mới đoán ra được nhà các nơi các làng khác nhau. Ở đây cũng thế, các dân tộc Cơ Ho, Mạ, Chu Ru, Mnông, Blao, ở Đirinh xưa nay chỉ biết phát rẫy gieo ngô với trồng ớt, trồng gừng và thuốc lá, bây giờ láng giềng với hơn bốn trăm nghìn người của bốn mươi địa phương cả nước, các dân tộc lâu đời sinh sống đây đã biết làm ăn giống nhau, cũng cày trâu, đi cày và biết lấy song, mây trong rừng ra bán đổi.

Ngày trước, giữa hoang vu đã mọc lên thành phố Đà Lạt mở mang được hơn bốn nghìn mẫu rau xanh bán xuống cho Sài Gòn, Cần Thơ, Phan Rang, Nha Trang. Cả tỉnh Lâm Đồng còn hơn thế nữa. Bên kia đồi tranh có người các huyện Từ Liêm, Đông Anh, Đan Phượng, Thanh Trì, có người phố Khâm Thiên, phố Huế, phố chợ Mới Mơ....

Khu kinh tế mới Hà Nội dọc dài bên đường lên Đình Trang Thượng một xã được phong danh hiệu Anh hùng chống Mỹ của Lâm Đồng.

Tôi đang qua các vùng người Mạ, người Lạt, người Xtiêng và người ở Hải Hưng, ở Hà Nội, ở thành phố Hồ Chí Minh tới. Trên Tây Nguyên, riêng Lâm Đồng từ nhiều năm xa xưa trước đây của thế kỷ đã có người lên khẩn hoang lập ấp, nghe tên cũng biết, ấp Hà Đông, ấp Nghệ Tĩnh, làng Hữu Tiệp, xã Tùng Nghĩa, huyện Đức Trọng và các làng dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Dao, Cao Lan trong các ấp Cao Thái, Sơn, Bắc Lạng, các khu Lục Nam, Nam Sơn.

Giờ đây giai đoạn mới đang mở đầu. Cả nước tiến hành phân bố lại lao động, người Hà Nội hưởng ứng tiếng gọi của sự nghiệp xây dựng mới đã tới Lâm Đồng.



Nhưng bắt đầu chuyến đi Hà Nội trên Lâm Đồng, trước nhất, tôi đến xã anh hùng Đình Trang Thượng. Và tôi đã được nghe xã Sơn Diên anh hùng ở giáp tỉnh Bình Thuận. Suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, khu ủy cục Nam Trung Bộ đóng ở đây, chưa bao giờ Mỹ đặt chân tới được. Còn Đình Trang Thượng anh hùng, trên bờ sông Đồng Nai bên này.

Qua một dọc quanh sườn núi trọc lốc. Đây là vết đốt nương hay là những làng tập trung mà người ta đã thui

cháy trụi, rồi trở về làng cũ. Con đường đỏ như son uốn khúc giữa các triền đồi, như lưng con trâu đen xám, thuôn sâu, đi mãi mới lại gặp bóng nhà. Rồi cây ca-pốc và những gốc đu đủ cao ngang mái. Đã cả mười năm qua mà các làng chuyển dịch về làng cũ, đến chỗ ở tự do thỏa thích, như vẫn chưa xong. Người ta dần đo, người ta chọn. Bây giờ không còn phải chui rúc, đã được ở yên cả đời mà tha hồ chọn. Những chiếc xe bò cao gỗ, dùng chở tải những tấm tôn, những cột nhà, những cỗ ván vách vừa gỡ ở các nhà dài ra ...

Một ông già cời trần, tóc búi, râu dài ngang rốn đứng nhìn xuống đường. Ông điều thuốc nhả khói cuốn cuộn im lặng. Khó đoán được cụ người dân tộc nào. Chúng tôi vẫn đương trên đường lên Đình Trang Thượng.

Đình Trang Thượng, làng dân tộc Mạ và dân tộc Kho, người nào cũng đen ròn, đôi mày rậm, môi đầy đàn ông và đàn bà, ánh mắt đều thăm thẳm. Xã có đảng viên đã bốn mươi năm, từ thời chống Pháp. Dịch rào dây thép gai gom cả huyện Di Linh thành ấp chiến lược, nhưng từ những năm 1960 mười lăm năm trước giải phóng, cả xã Đình Trang Thượng đã già gạo, đi tìm bộ đội về cùng du kích nhổ bót, dịch nhảy dù chiếm lại, lại nhổ, kỳ đến không chịu đòn nổi, phải bỏ hẳn không dám trở lại nữa.

Trong kháng chiến, xã ở phân tán dọc sông Đồng Nai, giải phóng rồi cả làng họp lại trở lên về nơi ở cũ trên đỉnh đồi, làm nương, trồng sắn, cà phê, nuôi trâu bò, lợn, dê, cừu ...

Bây giờ người ta vác đồ ong ra Lán Tranh đổi củ đậu, bột đao, khoai tây. Lại cuốc lỗ làm vườn chuối. Đã biết đóng vai trâu, bắt trâu cày bừa. Đình Trang Thượng đã cải tạo được hàng nghìn mẫu ruộng nước, lúa hai vụ. Mỗi năm, Đình Trang Thượng bán nghĩa vụ ngọt trăm tấn chè. Chủ tịch xã K'Sùng kể như thế.

Đã đến đầu làng, đi vào khu trường học, trụ sở ủy ban, hội trường, nhà trạm xá, hợp tác xã mua bán. Lá cờ đỏ sao vàng trên ngọn cột loa đài truyền thanh, mấy năm nay cờ vẫn treo quanh năm cả ngày cả tháng mừng giải phóng. Không ai muốn cất đi. Tận núi bên Đắc Nông trông sang cũng thấy cờ bay. Màu cờ trên nền rừng càng rực rỡ hơn.

Những ông già người Mạ, người Kho gặp trong làng đều một vẻ trầm ngâm như ông già lúc này trông thấy bên đường. Ở mỗi đầu xóm thường có những ông già đứng trầm ngâm yên, bên đám trẻ riu rít.

Đến lúc hỏi mới biết nhiều ông già thoát tiên gặp không phải người Mạ, người Kho mà đây là các cụ dân tộc Nùng cùng với các cháu ra đón khách, đón im lặng thế. Xã Tân Châu toàn Nùng di cư 1954 ngoài Móng Cái vào. Các làng Nùng, làng Thái, làng Mường di cư được Mỹ tin cậy cho ở chỗ hiểm hóc chặn du kích, nhưng tất cả các làng ấy đều đã trở thành cơ sở cách mạng. Tân Châu Nùng có cả chi bộ Đảng. Khi còn trong bóng tối, thành ủy Đà Lạt đã nhiều lần bí mật đóng ở đây, không một lần nào bị lộ.

*
* *

Trận mưa rào tới bởi, mù mịt, không còn trông thấy móm núi Voi trên đường về huyện. Mưa Đà Lạt rất phù. Nhưng ngay bên kia thác Fren, trời lại nắng xanh trong.

Chỗ đường nhựa chúng ta tránh mưa đây. Ngày mới giải phóng, cũng vào một chiều giữa cơn mưa to thế này, bọn “phun-rô” trên núi xuống bắn một cán bộ phụ nữ, một phó chủ tịch xã. Khu kinh tế mới Hà Nội, năm mới đến, mấy người đi kiếm củi bị mất tích. “Phun-rô” đặt súng cối, ngay sườn núi Voi, bắn xuống thị trấn Nam Ban.

Tôi đã được nghe các đồng chí cùng đi kể như thế. Nhưng sáu năm qua, từ năm 1980 không còn tăm hơi bọn kẻ cướp đâu nữa. Khu kinh tế mới Hà Nội phát triển vững, một trung đoàn tự vệ tay cây tay súng sẵn sàng. Không thể tưởng tượng nhanh chóng đông vui đến thế. Mười năm lập hai nông trường, xây dựng 18 hợp tác xã nông lâm nghiệp. Cả khu gồm hơn hai trăm nghìn khẩu. Chỉ có một trăm năm mươi hộ bỏ về, đi nơi khác.

Khu kinh tế mới Hà Nội đã định hình qua bước đầu quan trọng. Kon Pang (Nam Ban) và Lán Tranh hơn bốn trăm nghìn mẫu, cách nhau 48km xa hơn từ bờ hồ Gươm lên thị xã Sơn Tây. Suối Cam Ly, nhánh sông Đắc Dàng đổ thác nước rào rào ngay trước cửa hàng ăn uống thị trấn Kon Pang. Chen lẫn giữa làng xóm, thị trấn, vườn ruộng Hà Nội ở Lâm Đồng là các xã Nơ Tron Hạ, xã Đạ Đờn, lâm trường Phi Liêng, đi từ huyện Đức Trọng sang huyện Di Linh ra thành phố Đà Lạt.

*
* *



Những khoảng vườn thành phố cứ xanh tươi trải ra đến huyện lỵ Lạc Dương. Cây hồng trĩu quả chín đỏ lẫn với màu hoa liễu bồ, hoa ớt, hoa giấy đỏ hây. Sông Krông Nô chảy vào vùng dân tộc Chin ở quanh chân núi Bà cao nhất dãy núi Lang Biang Lạc Dương như cái ngõ gió đầu thành phố, ở đây quanh năm đốt sười rế ngo (thông). Và xưa người ta chỉ độc đi chặt thông bán củi. Bây giờ bắt chước bà con kinh tế mới, người Chin cấy ruộng lúa nước, trồng ngô, làm vườn cà phê. Khang trang, nhà vách gỗ, thơm ẩm mùi rế thông như bếp củi pơ-mu người Mông. Cung cách làm ăn mới đem lại no đủ, và gắn bó mọi người.

Lạc Dương ở ven nội Đà Lạt, lại giáp núi. Nơi hiểm yếu này xưa kia đã là một chi khu quân sự của địch. Mà cũng là địa điểm mà Mỹ nung nấu nhiều âm mưu sâu xa.

Nhiều xóm người Chin và người Mạ theo đạo Tin Lành. Đời sống cơ cực, nhưng người tầng lớp trên lại được gửi đi học xa tận bên Pháp, bên Mỹ. Năm trước, ta đã bắt, đã gọi hàng được “bộ trưởng” trong “chính phủ Phun-rô” quê ở Lạc Dương.

Đây là những u ám hôm qua. Bây giờ, chúng tôi ngồi giữa xóm trong căn nhà mái thấp tránh gió và chống lạnh, chung quanh sum suê vườn cà phê, ngô, hạt tiêu và tiếng thông reo rạt rào. Nhà này của Kà Nghi Hèo, trước đã nhiều khóa làm nghị sĩ Hạ nghị viện Sài Gòn. Năm nay Kà Nghi Hèo 47 tuổi, chủ nhiệm hợp tác xã mua bán. Sổ sách hợp tác xã xếp ngay ngắn trên bàn. Chúng tôi trò chuyện về các

cung cách làm sao hợp tác xã bán ra được đủ nước mắm, kim chi và đồ chơi trẻ con, để người ta khỏi phải mua đất của con buôn. Kà Nghi Hèo hiểu biết rộng, giọng nói dịu dàng, thân tình. Người Chín ngăm ngăm đen, con mắt thờ ơ hiền từ, dáng nét rất Nam Á. Chẳng mấy lúc, chúng tôi đã uống rượu như cùng nhà với nhau, không mấy may xa lạ. Tưởng như năm nào ở làng khu du kích đồng bào Mông trên Háng Bla, vùng núi huyện Phù Yên ở Sơn La.



Năm ngoái, tôi lại có dịp về làng Vân ngoài cửa sông Đáy. Những chòm xóm trong chân tre Đan Phượng bờ sông Hồng, đến mùa nước lũ, mỗi nhà nổi chơi vơi như hòn đảo xa cách. Làng Vân nay đã vào Lâm Đồng, hầu như đi hết làng. Nhiệt tình “đi kinh tế mới” ở đây cũng đặc biệt, không ngờ. Nhưng khi nghe bà con kể chuyện, tôi hiểu ra. Ai nói bây giờ đất nước đã bình yên, người ở đất làng làm ăn, không phải xa quê cha đất tổ, nhưng người ở Vân nghĩ khác.

“Ngày xưa cha ông chúng tôi đã từ đóng ra bãi, bây giờ chúng tôi từ bãi đi lập nghiệp thời chủ nghĩa xã hội. Có được giải phóng ta mới được đi xa thế này, đi đâu cũng đất nước mình, đi đâu người Kẻ Vân chúng tôi cũng đi.”

Và người làng Vân đã đi đã làm như thế. Cả chòm cả chi họ, cả nhà trường và giáo viên, cả chi bộ Đảng cùng đi, dần dần điển hình một làng kinh tế mới của Hà Nội.

Nên nói thế nào về quang cảnh di kinh tế mới, chẳng phải bây giờ mới có. Đạo trước, hai hàng huyện ở Hưng Yên, ở Thái Bình đã lên phát hoang vùng cao Nà Sản, Phong Thổ ở Tây Bắc, rồi không đương đầu nổi với quá nhiều cái khó mà lại tan về. Nhưng cũng lại được biết, trong gian khổ sáng kiến sáng tạo của người càng linh hoạt phong phú.

Lần kia, tôi lên huyện Phong Thổ trên Lai Châu, buổi trưa qua bản Thèn Sin vừa lúc hợp tác xã tan hợp, thấy đi ra mấy cụ ống quần sồi nâu nhạt; nhuộm vò cây, thật lạ với màu xống áo chàm quen mắt ở đây. Hình như các cụ đọc ra những nét phân vân ở vẻ mặt tôi, các cụ nói: “Dân khai hoang đây mà, Thái Bình đấy”

“Cả gia đình nhà ta lên ạ?” - Tôi hỏi. Một nụ cười: “Không, không đâu. Con cháu cày cuốc gieo trồng xong xuôi rồi về công các ông lão lên ở chòi trông nương, không cho con khi con nhím ra phá. Đến vụ gặt, con cháu lại lên gặt. Đứa nào muốn lập gia đình quê mới thì cứ việc, khối đứa “đoàn kết dân tộc” ở đây rồi đấy. Trai trẻ mới bay nhảy được thế, chứ mấy người già chúng tôi chỉ còn sức ngồi đan bịch đựng thóc trông nương lúa thôi”. Một cụ nói, như kết luận: “Ấy cứ thế mà chắc chắn, đất nước ta chẳng đâu là xa xôi cả”.

Cái triết lý sâu sắc ở câu nói giản dị. Ngày nay, lên Tây Bắc, từ huyện Sông Mã Hoàng Liên Sơn ra Đoan Hùng, dọc sông Thao, sông Lô, gặp biết bao gia đình đi khai hoang

ngày ấy, định cư xen kẽ với làng xóm ở đây, tường chốc lát mà đã êm ấm trong ngoài ba mươi năm nay rồi. Thành tích ấy do cách mỗi người mỗi nơi sáng kiến biết làm ăn.

Bây giờ, bà con các huyện Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh, hầu như không bảo nhau mà đi kinh tế mới, ai cũng biết tự lo thích ứng trước nhất, và người ta đã thạo làm thế nào.

Tôi đã được đưa tiên đoàn xe vận tải đường dài về đón người đi tận đầu làng. Hợp tác xã sắp cho mỗi hộ từ lưỡi mai, lưỡi cuốc. Huyện cấp màn, chiếu mới. Rồi lại tiến lưng gạo bị phát ăn qua vụ... Nhưng tôi cũng đã gặp những người đi thật khác nhau.

Dịp hè này, tôi vào nghỉ ở biển Nha Trang. Trên chuyến tàu liên vận, ngồi ghế cạnh tôi có một thanh niên. Trông có thể đoán anh là giáo viên, là cán bộ công tác vùng đồng bằng ngoài sông Hồng. Giọng kẻ bề nặng chịch, bộ quần áo ka-ki màu xỉ bên vững, chiếc mũ cối đã cũ được giữ cẩn thận còn đủ quai xanh rờ đã nặng chằng kèm mọi thứ đựng bên trong. Rồi tôi được biết anh là kỹ sư nông nghiệp ở huyện Hải Hưng.

- Anh vào công tác phía Nam?

- Tôi đi kinh tế mới, bác ạ!

Anh vui chuyện kể:

- Đợt này sáu huyện chúng tôi đi đủ chỉ ủy và cán bộ ngành. Một đội sản xuất cứng nhé, có cả tổ khoa học kỹ thuật. Có thể thì đến nơi mới bắt tay vào việc ngay được.

- Anh đi một mình?

- Cả gia đình, bác ạ!

- Nhà tôi cũng cùng vào, nhà tôi là giáo viên, giáo viên đi theo học sinh ...

Anh cười, nói khôi hài, thoải mái lạ lùng:

- Ấu Cơ thời nay với một con đi với đoàn. Còn Lạc Long Quân với một con, bố con tôi lịch du cho biết đường đất ấy mà. Chả là vì tôi đọc tài liệu thấy nói cái ông bác sĩ Yéc-xanh ngày trước ở Nha Trang mà mày mò trèo lên rừng lặn lội nửa năm tìm ra đất Đà Lạt tốt lành cho Tây nghỉ mát, mình là người nước mình, thua người ngoài sao được, bác nhỉ?

Hợp tác xã nông lâm nghiệp Thanh Trì hay khu Thanh Trì, mọi người cũng quen gọi thế. Giữa huyện Đức Trọng, huyện Đa Hoai đang xuất hiện càng nhiều những cái tên cũ mà hoàn toàn mới trên đất này. Các thị trấn và đường Thanh Trì, Từ Liêm, Hoàn Kiếm, Ba Đình, công viên Thủ Lệ giữa những Lán Tranh, Cam Ly, Đa Đồn ... Mỗi cái tên mới công việc đều chan chứa hình ảnh thơ mộng, đượm bao nhớ thương và mong ước. Sau cùng tất cả đều trong huyện mới, huyện Lâm Hà - Lâm Đồng Hà Nội!

Lên hiên nhà anh Kha, bí thư chi bộ hợp tác xã Thanh Trì trông ra xung quanh rõ ràng rất Thanh Trì mà cũng thật cao nguyên. Nếp nhà gỗ lợp ngói chắc chắn mới xây năm ngoái, bên kho chứa mấy tạ bột dong riêng và cà phê đầu vụ đợi bán. Lại còn gác dưới mái một lăm thóc. Đằng kia

thấp thoáng bóng nước dầy ao cá của Đổ Tiên Hào mới đào. Tôi quen anh Hào từ lâu. Hào đã vào đợt đầu, dân đo, trở ra lại vào và bây giờ vào ở hẳn, đào ao, làm nhà. Anh mời tôi: “Tôi khơi sông cá, lạch cá kiểu vườn ao Nam Bộ. Rượu nhắm cá lóc nướng vắt chanh, mềm môi thật. Nhiều tâm sự lắm, khi nào thông thả, anh vào chơi.”

Yên Duyên, Linh Đàm, Pháp Vân... Những tên làng cổ xưa được đặt mới ở đây, mỗi chữ mang một nỗi nhớ, chứ ở quê gốc thì tốt tươi thênh thang sao được như những khu Thanh Trì, Đông Anh, Gia Lâm đã huy hoạch ở Lâm Hà. Đã nền nếp ăn nên làm ra như nhà anh Kha, như quyết tâm của anh Hào đem nghề cá Thanh Trì vào đây, ai ai cũng như thế.

Đằng xa, một đoàn người dòng dài trên dốc. Đây là người các làng xuống thị trấn Nam Ban. Có người đi cả ngày đường chỉ mua chai rượu cấm, ăn bát phở cửa hàng mậu dịch. Người Mạ ở Phi Tô bịt kín đồ ong bỏ vào gùi đặt các giống cây thuốc nhuộm lên trên, ra hợp tác xã Từ Liêm đổi lấy giống khoai tây, mua rổ rá, và những cái guốc xỏ mũi trâu. Cô gái để trần ngực, váy sặc sỡ như xống áo đi hội. Những ông già tay xách dao “xà gặt” lạng lê rít tẩu thuốc, bước thông thả, có khi đi cả buổi đường về làng kinh tẻ mới để bảo đồng bào dạy cho học cho trâu biết cày, cho người trông sẵn, biết ủ khoai tây.

Nhưng có ai nhớ những con người âm thầm ấy đã là những anh hùng cực dũng cảm. Chiến sĩ du kích K Vết ở

Buôn Tạch ngoài Lộc Bắc năm 1971 bắn một phát súng trường hạ chiếc máy bay lên thẳng HU 1A. Trung tướng Các-xi Ki-xi cùng bộ tham mưu sư đoàn “kỵ binh bay” của Mỹ chết cháy ở máy bay ấy.

Trong cuộc vui bên lửa đêm nào, ai đã được nghe câu hát cổ trăm hùng:

*Người khổng lồ N Xút chia trời cách đất
Rắn Nao Grai khơi nguồn con suối
Con heo bới đá thành ngọn núi
Gà trống Rốc cào đất ngăn ra từng quả đồi
Nước chảy, cá trong suối càng đông...*

Câu hát kể sự tích người Mạ ra đời từ khi có trời có đất. Lâm Đồng hoang sơ, mà giàu có, mà cổ kính, giấu trong lòng di tích những nền văn hóa kỳ vĩ. Đất lành chim đậu, quê mới Lâm Hà quây quần đủ người các huyện của Hà Nội về.

Một ngày Trường Sơn

Tặng Nguyễn Văn Bổng

Huế

Đâu đâu cũng đương khác trước. Trước kia, những địa danh heo hút Nà Lục, Bản Nghìu trên biên giới sang thị trấn Long Châu khuất nẻo địa đầu Trung Quốc, đối diện với những bản Ma Mèo, Khơ Đa lơ thơ trong rừng trúc gần Đồng Đăng - vệt đường núi như sợi chỉ đứt của các thời chi qua lại những người cách mạng Trung Quốc, Việt Nam và thoáng bóng con hổ, con báo đêm hôm thì vào những ngày này, các cửa khẩu Đồng Đăng, Chi Ma,

Phục Hòa, Bình Mãng (Cao Bằng), Bình Liêu, Thán Pún, Ca Long (Quảng Ninh) đã trở thành những nơi sầm uất đêm ngày, hàng nghìn xe cộ nối đuôi, cả những tốp xe mang biển số từ các thành phố Cần Thơ, Biên Hòa ra.

Thì Huế cũng đang trong những nhịp độ sôi nổi đối khác ấy. Nhưng Huế đối mới vẫn đượm những nét khác. Dầu cho núi Ngự Bình đã trọc hết rừng thông từ thời chiến tranh, nhưng trên núi nghỉ mát Bạch Mã, ngoài cửa Thuận và ở cửa những con sông Bồ, sông Ô Lâu, sông Hương đổ vào phá Tam Giang cũng như Huế, Huế đương khác Huế mà Huế vẫn trầm tư. Suốt khuya Nô-en, đường phố Sài Gòn xe máy lao chóng mặt thì đêm đến, trong ánh đèn xanh dịu, khuôn mặt Huế vẫn phảng phất hơi thở sông Hương và nghe mơ hồ tiếng mưa trên cảnh phượng ngoài lan can cửa sổ.

Ở Huế, lúc này cũng đang đông khách du lịch. Con số người các nước tới thăm Huế 1992 là 27.000 người. Huế đã quen các vị khách này, gọi bằng cái tên thân mật và ngộ nghĩnh "những Tây balô". Ở nhà trọ của tỉnh, cạnh buồng tôi, chập tối có một cặp ông bà già đến, mới thoáng biết mặt, sáng sớm hôm sau đã biến mất từ lúc nào. Đi đâu cũng gặp các người chớp nhoáng này, trong đại nội, chùa Từ Đàm, vườn Phan Bội Châu, ngoài chợ Đông Ba và nhất là ngôi xóm quanh quán hàng cơm hến rẻ tiền đặc sản sông Hương. Họ đi qua khách sạn Hương Giang để nhìn biết cái nơi mà khách tỷ phú bỏ hàng nghìn đôla để ăn ngủ

như vua trong một đêm, những khách đeo balô chỉ đi qua để nhìn thôi.

Chúng tôi lên đôi Dương Xuân vân cảnh chùa Huế, vào chùa Từ Hiếu, ra Bảo Quốc rồi về chùa Thiên Lâm dùng bữa cơm chay canh xơ mít với cháo thường ngày của nhà chùa - hôm ấy mưa, cái mưa Huế tưởng không bao giờ dứt. Chúng tôi mơ màng quên thời gian trong những ngôi chùa u nhã giữa vườn cây và hoa, cây khế cổ thụ ngoài trăm tuổi còn sai trĩu quả vàng mọng, những cây trà bạch, trà đỏ và hoa ngâu, hoa mộc càng thơm trong nước mưa tươi tắn.

Ngày ấy tôi chỉ là những người ở tuổi đương mơ mộng và thêm đi. Đò sông Hương - những cái đò tôi trọ, giường chiều tuếnh toàng như cái lều trên mặt nước, chứ không phải những con đò giường đệm và chiếu hoa cũng nhan nhản đấy. Nhiều con đò tôi trọ chỉ là chỗ ngả lưng cho người nhớ độ đường nhẹ túi. Ở mặt nước, ngày ngày lên bờ chơi dây dó và quán cơm hến chợ Đông Ba là nơi đến ngày hai bữa. Đêm nằm xuống gác cả hai chân lên mạn thuyền, nhìn bóng nước thấp thoáng đèn đóm, các đò bán cháo cá, nem nướng và xôn xao tiếng đàn, tiếng hát của những xa xa. Nhớ nhất nửa đêm về sáng, những câu mái đẩy cát lên như tiếng ma đưa trong những thuyền chờ cau, chờ cùi mạn ngược về chợ, tiếng nỉ non lạnh ngắt dài theo tiếng chèo thơm, nước mùi cỏ thạch sương bồ từ đầu nguồn đưa về.

Tà tà bóng ngả trăng chênh. Giọng hò xa vọng... Chẳng

có ai để nhớ để thương để giận mà cũng đâm ra buồn tủi thương nhớ vu vơ. Đến lúc trời dửng sáng, sáu nhịp cầu Tràng Tiền như những chiếc lược ngà trắng nhạt úp xuống chải tóc cho dòng sông. Nguyễn Bình đã nhìn cầu, thấy vậy, một sớm mai.

Đêm nay sông Hương tối trời và có sóng, cái sóng nhỏ nhỏ hiem hoi mà tôi chưa được thấy ở đây bao giờ. Thuyền qua dưới chân đồi chùa Linh Mục. Nhìn lên chỉ còn bóng những cành trúc rủ xuống mặt nước - sông nước miền Trung mới có được cái êm ả bờ cây và mặt nước liền nhau như thế. Con đò thì tình tứ “đời anh đấy” nhưng mà vô duyên làm sao, máy nổ rầm rầm đẩy thuyền đã phá tan loăng tất cả, qua dưới cầu Bạch Hổ le lói chuỗi đèn cũng thế thôi, mãi cho tới khi cái mái im tiếng xình xịch thả cho con đò xuôi về trong im vắng mới nhớ được mình đang chơi trên sông. Mấy ngày mưa Huế chưa dứt nỗi nhớ, chẳng biết nhớ ai, bây giờ nghe cô ca sĩ hát đến những câu “trời mưa trên phố Huế” khiến cho chàng Tô Nhuận Vỹ ngơ ngẩn cả người thì, cái rượu làng Chuồn của Vô Quê đem theo làm cho tôi chẳng buồn quay mặt vào theo các bạn vỗ tay như ở hội nghị tán thưởng câu hát đẹp và buồn. Tôi vẫn ngẩn ngơ nhìn ra đêm sông nước. Tôi nói trống không với tôi rằng: “Nhớ ơi! Thương ơi! Dường như ngày trước, năm mươi năm xưa cũng đã có lần được nghe bà cháu hát, ông cháu đàn như đêm nay đây.”

A Lưới

Các chiến sĩ và các nhà chuyên môn còn bàn cãi. Chắc chắn thế. Mọi kinh nghiệm khoa học, tâm lý, giáo dục cùng với vô vàn kỷ niệm. Con đường Trường Sơn của cuộc kháng chiến chống Mỹ ngày nay nên bắt đầu từ đâu. Làng Hố, đèo Mụ Giạ hoặc vượt qua tận ngoài vùng rừng núi đá Nho Quan, hay Hòa Bình.

Hãy biết cây số 0 lên Trường Sơn bây giờ tạm được đặt ở đầu cầu Đắc Krông trên sông Ba Lòng. Ngã ba đường 9 lên Khe Sanh, rẽ trái là bước vào cột kilômét đầu tiên đường Trường Sơn.

Các bạn chỉ cho tôi ngày trước các đường Trường Sơn - đường chống Pháp và đường chống Mỹ, đi vát lưng núi bên kia ngọn sông Ba Lòng. Bây giờ đường Trường Sơn trong giai đoạn mới tráng nhựa phẳng lỳ, hai ba làn xe chạy. Những chùm hoa phách tím nhợt nhợt ngoài cửa xe. Không còn đâu cái khó nhọc thướt ấy. Nhưng những bờ lũy bao cát bột lính Mỹ trên đỉnh núi Động Ong Gio, Động Chi còn trắng nhợt, như nhắc nhở, nhắc nhở. Và những xác xe tăng như những bộ xương trâu, xương voi chóc lại thấy nhô chồm mũi vỡ cạnh họng súng đã sứt mẻ trên bụi lau lá bóng mượt. Các làng người Tà Ôi, người Pa Di, khi rồi việc nương, vẫn đi đào dây thép gai, vò đạn đại bác khuôn vế xếp thay gạch thành tường đầu ngõ. Ở sân bay các nơi, cả sân Ai Tử mệnh mông, cũng được người ta

đào bới, xếp dọn cẩn thận từng chống vành xe, xích xe, vò đạn ngay ngắn, nghiêm chỉnh, chất cao như gò. Tám năm đã qua rồi.

Một tấm bảng xi măng cao ven đường với hàng chữ 10km đường hữu nghị Việt Nam - Cu Ba. Cán bộ kỹ thuật và các chiến sĩ Cu Ba đã làm lưu niệm chúng ta mười cây số đầu tiên đường lớn Trường Sơn. Vòng quanh trái đất, múi giờ Việt Nam cách Cu Ba mười hai tiếng trên mười hai tiếng. Một bên ngày, một bên đêm, mà quang đường làm cho lúc nào cũng thấy nhau. Ý nghĩa hình ảnh đoạn đường Cu Ba thật lớn lao.

Sông Ba Lòng, mùa cạn. Nước trong vắt lặng lẽ quanh chân đá. Hoa phách tím nhạt lốm đốm lưng núi, như rừng Việt Bắc. Hoa phách nở, mùa tra đậu nương.

Chỉ một quang sang đèo cách đường 9, đã bỏ lại sau lưng ngọn gió Lào khô nóng mùa gió Lào bắt đầu mấy hôm nay rồi. Khe Sanh dưới kia là cái họng hút gió ngày đêm dạt dào như triều, như hun. Cái gió ác nghiệt từ Khe Sanh triển miên tuôn xuống. Thành phố Đông Hà còn ngọt ngọt nóng bức hơn nữa, vì sắt thép xác xe tăng địch chống đóng khắp nơi. Nhưng chợ Đông Hà trong nắng quái gay gắt, vẫn đông vẫn đầy chòm nón người đứng người đi xuống tận mép sông Hiếu.

Thung lũng dài mở ra giữa những triền núi vây bọc. Bên kia nước Lào, bên này thành phố Huế, ở giữa cánh đồng A Lưới, A So trải dài như đường Tuần Giáo và gặp cánh đồng

Mường Thanh. Như đứng ở Ba Khe bắt đầu nhìn xuống Mường Lò, trên đèo Bán Thái trông ra cánh đồng Mường Tấc ở Phù Yên.

Làng Tà Lau, người Ba Di. Thuốc lá phơi từng xâu từng sào vàng rộm ngoài cửa. Một đám con trai xúm quanh trên nhà sàn. Cậu nào cũng đen giòn, tóc dây xoắn tít, vạm vỡ, vui chuyện.

- Hỏi Mỹ vẫn ở đây à?

- Vừa về mấy năm thôi. Chạy lên tận A Vương nước Lào. Về mới trồng cây mít đấy.

Những cây mít xanh rờn, xanh đen đầu xóm đương lên mơn mơn.

Các xóm người Pa Cô, người Pa Di ở vun lại từng chòm. Các làng người Huế lên, vườn cây bao quanh mái tranh. Những mảnh ruộng đã làm, nước và lúa óng ánh. Những vùng hoang nghe được tiếng gió rào rạt qua bụi lau. Miến Tây Thừa Thiên, dòng nhất dân tộc Pa Cô rồi đến người Tà Uất, người Pa Di. Người Tà Uất ở vùng cao, người Pa Cô trong rừng thưa. Người Pa Di sống ven rừng ruộng. Tất cả đều khuất vào thung lũng sâu. Cách Huế vài chục cây số, mà hầu như không ai biết Huế bao giờ.

Nhưng người các dân tộc ở A Lưới, A So đã biết đi đưa đường cho cán bộ qua lại từ thời kháng chiến chống Pháp. Tới 1964, A Lưới có binh trạm, xe vận tải cơ giới, thế mà người ở đây vẫn cặm cùi gùi, vẫn lừa cả đàn voi đi khiêng vác gạo, và đạn.

Nhớ như hôm qua, câu chuyện đánh không đoàn kỵ binh bay trên thung lũng A Lưới.

I Kê Mui, phó chủ tịch huyện A Lưới kể:

“Từ 1957, sân bay A Lưới làm liên lạc nối một dây căn cứ Mỹ từ Khe Sanh, làng Vây, A Lưới, A So liên tới Đắc Lay, Đắc Tô. Lúc nào cũng ồn ào tàu bay trên đầu.

1959, nguy tố chức tổ cộng, đồn dân làm ấp chiến lược.

1960, bắt đầu càn quét lòng bất cán bộ.

1965, 1967 Mỹ rải chất độc hóa học.

Rồi B.52 đánh từ 1967...

Tôi vào ở hợp pháp với dân, đi làm đồn A Lưới. Cứ đào đỏ cả vùng, chỗ ấy bây giờ còn gọi là bột Đỏ. Nhưng rồi mỗi phát tên thuốc độc, du kích giết một địch, mỗi ngày giết một tên. Chúng nó không đi tuần được. Ngồi trong đồn cũng sợ. Anh Vai làm du kích, anh hùng Vai đấy, anh lên vào đồn. Nó đặt mìn chỗ này, anh Vai vác mìn ra đặt chỗ khác. Mìn nó lại nổ chết người Mỹ.

Nó phải rút A Lưới.

Tết Mậu Thân ta đánh Huế rồi, Mỹ đem sư đoàn kỵ binh bay lên đây, nhảy xuống chốt các đỉnh núi. Nhiều như châu chấu. Du kích chẳng biết kỵ binh bay là thế nào, thấy máy bay là bắn, bắn tầng dưới, tầng trên, ngắm cái nào dễ ăn bắn trước. Cả tháng, rơi hàng trăm chiếc bà già, lên thẳng, đacôta rụng toàn máy bay đổ quân. Một mình cô A Ken bắn được nguyên cả cái máy bay lên thẳng rơi giữa cánh đồng. Rồi A Ken hy sinh vì bom B.52. Tháng sau có bộ đội

về, chỉ bán có mấy phát tên lửa. Chúng nó bốc nhau bay đi hết.”

I Kê Mui còn kể nguồn gốc lâu năm của tinh thần A Lưới. “Các dân tộc ở A Lưới đã làm một hội đâm trâu ăn thề ở A Đen từ đầu 1958. Thề nhiều việc lắm. Thề làng này từ nay thôi không giết làng kia. Từ nay, trai lấy vợ không phải đem đến nhà gái trâu thịt, cháo xào thịt, dao cắt tiết, ché đựng tiết, búa bổ sọ trâu. Nhà vợ không thách chiêng đồng đen. Lấy một vợ, không lấy hai vợ, không bán con. Ai theo địch thì giết ngay. Bao nhiêu cái lạc hậu bỏ hết. Các trưởng làng (A Lý) cũng về cả với ta. Anh Mao bị bắt, nó đánh đến chết. Anh Mao chịu chết, không nói câu nào. Anh Mao đã thề với cách mạng ở A Đen rồi. Hai đại đội thanh niên xung phong đi đường dây. Hai người được phong anh hùng đường dây là Cù Dục và A Nun. Huyện A Lưới chúng tôi có bốn anh hùng. Cù Dục và A Nun với các anh hùng du kích Can Lịch và Vai.

Nó rải chất độc hóa học, ác lắm. Xưa kia, từ A Lưới lên A So toàn đi trong rừng già. Chất độc hóa học giết chết hết rừng, mặt đất trắng phếch tro ra. Bây giờ chưa phải đã tan cái hại chất độc đâu. Cày máy không cày được, gầy lười, ở dưới mặt đất, gốc tùng, gốc cọ còn khắp. Phải có xe húc lên mới cày được. Nhưng mà chẳng ai chịu bó tay và ngồi đợi xe húc. Cuốc, thuổng, cái rìu, con dao với bàn tay người phá hoang. Các làng ở vùng tản cư trở lại, chỉ đem theo về ba con bò mua ở Lào. Bây giờ cả huyện có 1.800

bò, hơn 4.000 lợn. Đào ao cá. Hố bom cũng thả được cá. Ba xã có một cửa hàng thương nghiệp. Bệnh viện huyện 100 giường."

Một buổi sáng, tôi đi chợ bột Đồ trên A So. Ngoài bến đầu chợ, những chiếc xe hàng đợi khách về Đông Hà, về Huế. Chợ núi ở đây cũng như chợ Pác Soong trên Cao nguyên Bô La Viên bên Lào, người bán người đổi đông hơn người mua. Áo trắng, nón bài thơ, biết là đáng yêu điệu cô gái Phong Điền. Nhìn lại, khuôn mặt xương xương trắng, đôi mắt Huế say say...

Phó chủ tịch huyện I Kê Mui chỉ cho tôi cái đôi đất cỏ mọc xanh um. Cũng như những đôi cỏ tranh quanh đây. Nhưng bột Đồ đây.

Tôi quen mặt với các đồn bột đã chiến của Pháp ngày trước có lô cốt, có tháp canh xi măng cốt sắt. Nhưng đồn Mỹ khác hẳn, chỉ có hầm hố, bao cát, tăng bạt. Khi đi, nó gỡ lều, cuốn dây thép gai, trút cát ra lấy bao ni-lông đem đi bằng hết. Ở A Túc, A So, A Lưỡi vết sân bay chỉ còn hình khung cỏ mọc. Và những cái sọ máy bay lên thẳng còn trơ lại. Lăn lóc trong cửa hàng thuốc của huyện, những cái đầu lâu máy bay hóa thành kiếp cái ghế cho người ta ngồi chơi, ngồi đợi mua thuốc.

Vào thăm làng A Ngo.

Chủ tịch Dệ và bí thư Khuôn Nguồn đều người Tà Ôi. Các anh bảo cả làng A Ngo tránh bom, chạy ba ngày lên Lào. Đến năm trở về đông đủ, thêm một lũ con cái, thành ra 294 hộ, trên một nghìn khẩu cá tháy.

Sự sống của một vùng đất mới không gì đáng yêu bằng cái trường học. Có thầy và cô người dân tộc Pa Cô. Nhiều thầy cô dưới Huế lên. Các thầy cô theo gia đình đi kinh tế mới, thành người làng. Tiếng trẻ đọc bài riu ran. Một em bé điu cả em đến lớp. Chữ cô giáo viết phấn thật rõ nét gãy gọn trên bảng đen.

Cơ quan huyện A Lưới nuôi một con nai ngoài sân. Cái chuông đeo cổ nai, con nai ăn cỏ tha thẩn như con bò. Tiếng chuông loong coong chốc lại lặng im. Nai đứng dừng, ngược lên nhìn người qua lại.

Sự bình yên đương đến. Con nai đeo chuông ở với người. Bên kia A So, lâm trường trồng thông ươm hàng vạn cây thông. Từ đây suốt tới huyện Tà Ôi, huyện Calu tỉnh Saravan nước Lào, cuộc sống đương trở lại. Ban chiều thăm nông trường ươm thông gặp cô kỹ sư Bạch người Tày quê ở cầu Bản Trại ngoài Thất Khê Lạng Sơn. Cô Bạch lấy chồng người dân tộc Pa Cô. Anh chị tốt nghiệp kỹ sư một khóa trường Đại học Lâm nghiệp Việt Bắc. Bây giờ vợ chồng về công tác đây.

Từ Thất Khê Tràng Định cùng nhau vào xây dựng tổ ấm ở A Lưới, ai mà đoán được đường đời con người.

Đất A Lưới, đất rừng hoang, rừng bị triệt hạ, bây giờ trồng được thông ba lá. Thông lên non tơ, xanh biếc. Đây là niềm vui của vợ chồng cô kỹ sư Bạch.

Huyện Giàng

Đã sang đến huyện Giàng, miền tây Quảng Nam - Đà Nẵng. Ghềnh nước ngọn sông Thu Bồn cuốn cuộn xiết vào đá, réo lên. Chưa có lũ, nước trong như mặt đá. Bên kia sông, nửa đêm trước, người làng Ngót lội suối sang bắt được con hổ trên một tạ.

Trước kia, đây là cửa ngõ vùng giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngày đêm liên miên bom đạn. Bây giờ chỉ thấy thị trấn Thành Mỹ êm đềm ven rừng. Quán mậu dịch bán cà phê, nước đá chanh, mỳ Quảng. Những cô bán hàng người Đà Nẵng và Quảng Bình lên. Xe vận tải đường dài, xe cân cầu, xe chở gỗ đổ nối đuôi. Chiếc cát-xét chạy ắc quy thánh thót tiếng nhạc, vừa xa lạ vừa đầm ấm giữa đời rừng.

Huyện ủy viên Bút huyện Giàng, kể:

“Năm 1962, làng Mực huyện tôi bắn rơi cái máy bay đầu tiên. Nó lên ném bom xuống ruộng người gặt lúa. Một phát đạn khẩu “mát” của du kích xé nó ra. Ba trực thăng đến cứu phi công nhảy dù. Xã đội trưởng Vuếch ở Cà Tồi đến đợi đánh tận nơi. Trực thăng vừa xuống ngang mặt, bắn cháy luôn. Chiếc thứ hai xuống, cháy nốt. Thế là ta bắt được thẳng phi công. Nhưng rồi chúng nó lên bắn phá suốt đêm. Hôm sau lại đổ quân. Đánh nhau cả tháng. Chúng tôi bắn rơi bảy máy bay lên thẳng nữa.

Rồi đến rải chất độc hóa học. Máy bay L19 chúi xuống làm chỉ điểm. Bốn khẩu súng trường du kích bắn tập trung.

Nó đâm đầu xuống đất. Bốn khẩu lại quay sang bắn chiếc khác. Không chiếc nào dám xuống thấp nữa. Trên cao, nó tung thuốc vàng mù mịt khắp vùng.

Tỉnh thần huyện Giàng chúng tôi ấy a? 1970, một trung đoàn chủ lực tấn công tiêu diệt huyện lỵ Thượng Đức xong rút về qua đây. Không có gạo. Chúng tôi đưa cả trung đoàn về các xã, chia mỗi nhà nuôi một bộ đội. Như thế, suốt ba tháng. Ở Giàng, cả đến các em nhỏ cũng biết giã gạo, gùi gạo đi với bộ đội. Huyện Giàng có một xã anh hùng, xã Chà Vồn đấy.

Một xóm làng Ngót người Pa Cô ở trên bờ suối. Làng này trước đã tản cư lên Sa Tời biên giới Lào. Các chị đi nương về, lưng gùi nặng trĩu. Mẹ con riu rít, quanh lán khói thuốc lá tỏa. Mỗi ngày, có xe đò lên xuống Đà Nẵng. Đu đủ, thơm, chuối, bắp, mật ong, thuốc lá... đưa về thành phố. Nhiều nhà bán của vườn có tiến, sắm xe đạp, làm nhà tường gạch, như nhà ngoài phố."

Cả xóm vừa đi nương về. Sau những tấm vách nan thưa, bếp đò lửa. Nhà nào cũng có bàn, ghế, tủ. Một nhà ba chiếc xe đạp. Có tiến, mua thêm xe đạp, treo chơi ở nhà để ngắm.

Nhà trưởng thôn Ráy ở giữa xóm. Người khác khổ, gày gù, đôi mắt nhanh nhẹn. Máy đứa con nhỏ lú rú xung quanh. Không biết trưởng thôn này năm trước có bắn rơi chiếc máy bay nào. Nhưng tôi cứ tưởng nếu đến xóm ban ngày, thế nào cũng trông thấy ở đâu đây ít ra cũng có một hai cái sọt máy bay lên thăng lặn lóc.

Trường thôn Ráy nói: “Chúng tôi sắp làm thêm trường học để trẻ con làng Ngót, làng Rô được cùng học cho gần. Thầy giáo trên huyện đã về ở từ lúc đương làm trường. Tôi không gặp thầy giáo. Thấy giáo đi họp. Thấy giáo người Đà Nẵng, ở nhà trường thôn. Tôi trong thấy vách trong có cái giường con chỗ thầy giáo nằm. Cũng cọc tre, nan tre như mọi giường trong nhà. Nhưng giường thầy giáo bé hơn, cái giường một cho thầy giáo có thể trường thôn Ráy mới đóng và chiếc chiếu được cuộn lại gọn ghẽ.”

Nơi trung đoàn bộ hiện nay đóng, năm trước còn là căn cứ của 472. Trong chiến tranh, sư 472 vừa mở đường, vừa đánh như tất cả các sư trong binh đoàn. Bắn rơi 52 máy bay, diệt hàng nghìn ngụy và phi Lào, phi Thái. Chuẩn bị cho tổng tấn công, sư 472 năm 1974 về phụ trách quăng đường từ Hiên, giăng đi Đắc Pét tất cả trên 400 cây số đường ô tô, đường gùi thồ, đường giao liên.

Sư 472 đương chuyển quân ra biên giới phía Bắc. Nhiệm vụ mới: làm đường sắt Lạng Sơn. Các chiến sĩ phục vụ nhà khách đều quê ở Quảng Trạch.

Mấy cô nói đùa: “Chúng em ra ngoài ấy rồi lấy chồng người Tày, hết xảy!” Câu nói vui nhưng cũng là câu nói chỉ bước đường đầu cũng đi tới của một sư đoàn vinh quang có 15 đơn vị anh hùng.

Đêm nay, mưa rào và nước suối xuống thác ào ào. Hải - tham mưu phó trung đoàn - kể chuyện, câu chuyện công việc của một binh đoàn công binh vạn năng. Làm đường,

bảo vệ đường và đánh địch, cùng lúc xây dựng và phát triển phong trào ở cơ sở. Bao nhiêu gian truân mà cũng thật hàng ngày. Như trận mưa rào đầu mùa, thế nào cũng tới và rồi sẽ tạnh.

Dãy nhà này của sư đoàn bộ đã làm từ trong kháng chiến. Máy bay địch nhiều lần tới ném bom. Chất độc hóa học thả xuống, khắp rừng vàng vọt suốt tháng. Nhưng sông có khúc, người có lúc, rồi rừng lại xanh rì, uy nghiêm như đêm nay, như bao giờ, như thác nước reo xuống lòng đá, khi găm thét, khi rào rào, khi róc rách.

Gian nhà khách ba gian nhỏ bé này, như mọi nếp nhà các vùng quê, ở đây đã có những cuộc họp cán bộ Quảng Nam - Đà Nẵng với các ủy viên Bộ Chính trị vào chuẩn bị chiến trường, cất khúc. Quảng Nam - Đà Nẵng trong chiến dịch tổng tấn công mùa xuân.

Ngôi sao hôm lóng lánh đã xế xuống phía làng Ngọt trên bờ suối. Tôi trông lên rừng núi phía nào cũng tưởng như còn phảng phất con đường gùi thổ, con đường giao liên, con đường kín, con đường xanh của những năm gian khổ.

Đắc Lay

Từ phía bắc lên Tây Nguyên phải qua Đắc Pét, huyện lỵ Đắc Lay. Rồi liên tiếp vượt các vùng núi đá và ngọn sông, con suối, Đắc Xe, Đắc Pơ Cô, Đắc Xút, Đắc Uy... Đắc là nước, là suối, Ya là nước, là suối. Đâu cũng gặp.

Một quăng suối lớn đổ xuống trắng xóa - mặc dầu còn đương mùa kiệt. Có phải vì vậy mà suối tên là Khe Hoa, làn nước tung lên như hoa ban, hoa trầu nở trắng quanh năm. Bên sườn đông Trường Sơn, đã qua ngọn sông Giăng, sông Bùng đổ xuống sông Thu Bồn. Rồi đi trên ngọn sông Ya Pa đổ xuống đồng bằng thành sông Ba chảy ra biển Đông ở Tuy Hòa. Những dãy núi Ngọc Linh, Ngọc Huy, Ngọc Crinh, Chư Pa trên cao nguyên Kon Tum và Plây Ku, những ngọn Chư Ly, Chư Yang trên cao nguyên Đắc Lắc. Trên mái nhà các cao nguyên, mọi sông suối đều chia hai ngả, nửa vào biển Đông, nửa sang sông Cửu Long.

Giữa núi đá cao gieo xuống những làn nước trắng tinh. Những cây săng lẻ, cây khộp chết đứng như tre chết dóc. Chỉ còn lác đác những cây thông. Rồi tới những cánh rừng thông nguyên sinh, dễ thương đã mọc ở đây từ khi vùng đất này sinh sôi thành rừng. Điều lạ kỳ, bao nhiêu rừng rậm ở A Lưới, ở Phước Sơn, các thứ chất độc màu da cam, màu trắng đã phá trụi. Nhưng những cánh rừng thông vẫn đứng im như cả nghìn năm trước như thế. Chất độc hóa học diệt được đủ thứ, nhưng cũng không giết nổi cây dong rừng hoa đỏ lẻ tẻ mặt đất. Rừng thông đại ngàn này sống sót, hay chất độc hóa học kia cũng không vạt nổi.

Những tiếng bom, tiếng đại bác bao nhiêu năm đã đuổi hết thú rừng, trốn khỏi Trường Sơn ngày đêm chuyển động vấp vấp theo làn sóng bom, gió bom. Bây giờ, người đi rừng lại gặp đàn khi, đàn voi. Khi và voi tránh bom ở rừng

xa, đã về. Trên vách đá, tôi nghe đàn vượn lại ra hú vang động từ mờ sáng.

Huyện lỵ Phước Sơn giữa hoang vu cỏ tranh và giữa nắng chang chang trên đường Đắc Lay, qua vùng căn cứ địa quanh núi Ngọc Linh. Huyện Đắc Lay có 150 kilômét biên giới với Lào, giáp ranh huyện Sơn Say tỉnh A Tô Pơ và huyện Đắc Trưng tỉnh Sa Ra Van nước bạn. Những nhóm dân tộc người Xê Đăng, người Giẻ Triêng, người Hà Lăng làm rẫy, chỉ có vùng tây Trà Mi trên gần đỉnh Ngọc Linh, người Xê Đăng biết làm lúa nước ruộng bậc thang. Còn thì đâu đâu cũng phát, đốt, chọc tia khắp các nương.

Đời sống cổ sơ thế. Nhưng cụ Đinh Mút đã cùng người Xê Đăng nổi lên đánh Pháp từ nửa thế kỷ trước.

Qua rừng đại ngàn từ Phước Sơn men quanh chân núi Ngọc Linh, thế là đã vào Gia Lai Kon Tum.

Giữa đường ấy, có lối rẽ lên nhà tù Đắc Lay ngày xưa. Đường cộc thời Pháp thuộc chỉ vào đến nhà tù Đắc Lay giữa rừng.

Con đường đá từ nhà tù Đắc Lay xuống Đà Nẵng, Quy Nhơn, Kon Tum công trình mồ hôi và máu của biết bao nhiều người tù ở Lao Bảo, ở Đắc Lay, ở Kon Tum, ở Buôn Ma Thuột.

Những câu thơ *Tiếng hát đi đày* 1942 của Tố Hữu tưởng như còn nhỏ máu.

Đường lên Đắc Sút, Đắc Pao
Đèo leo ngọn tháp, cầu treo mặt ghềnh
Đìu hiu mấy ải đồn canh
Lòng đau lại nhớ các anh những ngày...
Chao ôi, xưa cũng chốn này đây
Thân bạn vui xương dưới gốc cây
Roi vọt rớt tay bầy lính rợ
Máu dầm khoái mắt lũ đồn Tây
Một hòn đá đỏ bao hòn huyết
Một khúc cầu đây mấy khúc thây
Hỡi những anh đầu qua trước đó
Biết chăng còn lắm bạn đi đày
Đường lên đỉnh núi Đắc Lay
Heo heo gió lạnh, sương dày vắng chim

Cuộc sống chuyển động dữ dội từ ngày ấy. Sau những câu thơ, là cuộc sống, là cách mạng, là hôm nay.

Những câu chuyện đời người tiếp theo *Tiếng hát đi đày* không thành thơ, nhưng chứa chất một tinh thần thơ của một trường ca hùng vĩ.

Chút nắng còn rớt lại trên đỉnh ngọn Ngọc Linh. Sắp tới Đắc Pét mà vẫn chỉ thấy quanh co gập ghềnh giữa dốc "Lò xo" với cỏ tranh bao vây.

Chẳng bao lâu, những rặng núi cao đã khuất sau lưng. Dừng lại, nghe tiếng suối xa xa rồi. Đêm nghe suối càng xa. Ở Đắc Lay, bắt đầu vào đêm cao nguyên thoáng dang và trời đêm đen thẫm, lung linh sao sáng rợn.

Plây Ku

Từ Đắc Lắc, thật sự vào quang cảnh Tây Nguyên.

Đắc Tô... Sa Thấy... Sân bay dã chiến của Mỹ chống chèn giữa ngã tư Sa Thấy còn nguyên đường băng, cỏ lau phát phơ hoa trắng. Những đồi tranh, những rừng le mênh mông, lúp xúp đến chân trời. Những mảng đồi tranh kéo dài. Không cần cỏi như vùng bán sơn địa, không nhấp nhô mảng đá mảng cây vụn vặt như Việt Bắc, Tây Bắc, ở đây, vạt rừng cao nguyên và đồi tranh cứ làn thẳng, làn nghiêng mãi, đôi chỗ thấp thoáng một quầng rừng le, rồi lại tiếp theo, cỏ tranh mượt mà, xanh ngát trong bụi đỏ cuộn cuộn.

Khắp cao nguyên bụi cuốn đỏ lừ. Những cơn xoáy mù mịt dang xa đưa lại, tất cả mọi sinh hoạt chui vào trong bụi đỏ lảm lụi. Những ngày này sắp bước vào mùa mưa, nắng chói chang gay gắt, bụi đỏ sẫm khắp mặt đất. Cột nhà sàn đỏ tới lưng vách. Chân voi, vòi voi, chân ngựa, cả đến mặt người cũng tấp bụi đỏ.

Thế rồi đến Tân Cảnh.

Chỗ kia sân bay dã chiến, chỗ kia đồn Tân Cảnh, khu “trại con gái” lính mỹ. Nhưng chỉ thấy cỏ tranh và bụi đỏ. Nhìn kỹ mới gặp mẩu dây thép gai, những cái vỏ đồ hộp lớn nhón, lăn lóc như hòn đá đỏ, như những con cóc vừa bò ở đâu ra. Chỉ có cái đầu lâu tàu bay, dù lấp tận bụi cỏ dang xa cũng thoáng thấy được cái trán bằng kền nhô lên, bóng nhoáng. Lại sọ máy bay lên thẳng! Chỗ nào cũng có cái đầu lâu hoa, cái bóng ma của nó.

Đắc Tô Tân Cảnh đây. Từ 1972, bốn tiếng Đắc Tô Tân Cảnh đã vang khắp đất nước. Làm thế nào xe tăng ta xuất hiện được ở đây. Khắp Đắc Tô Tân Cảnh, xung quanh Tân Cảnh, mênh mông đến ngợp mắt những dải đồi cỏ tranh, cả đến những con đường cũng liền với cỏ tranh, lẫn vào cỏ tranh. Từ Kon Tum lên, địch đã rải chất độc hóa học đốt trụi cây ngoài hai trăm thước mép đường, đến nay trơ trụi thế, mà con đường vẫn ù trong bóng cỏ tranh. Cả những cánh rừng xa tít cuối trời, nhìn chỉ thấy ngọn cỏ lướt trên mí mắt. Những chiến sĩ xe tăng đã từ đấy xông ra.

Xác xe bọc sắt, các loại đại bác của địch gãy ngoẹo nằm từng cỗ, lại ngổn ngang đầu lâu máy bay... Đã trông thấy đằng kia huyện lỵ Tân Cảnh mái tôn, mái đỏ nhấp nhô cao nguyên. Tiếng máy xẻ gỗ vang vang đâu đây. Những cánh đồng vỡ hoang trồng mía đã được máy vụ mía cho nhà máy làm đường của huyện ngay trên bờ sông Pô Cô.

Lại những người đi trên đường, những làng xóm mới hai bên. Những con người đương xây dựng Tây Nguyên, những người Tây Nguyên hôm nay, các làng dân tộc Gia Lai, Ê Đê, Mnông trở lại đất quê. Chiếc nhà sàn lừng nổi nhau, cột sàn phía cao phía thấp, lòng sàn phẳng lạng, đôi khi uốn lượn, xa trông cả nếp nhà như con tê tê đương bò. Từng đám người đi nương, cả nhà cùng đi. Trẻ con chạy lon ton lên trước. Khói thuốc lá trong các miệng tẩu tỏa ra, phơ phất, xanh um...

Cuộc đời cao nguyên cùng với cuộc sống các dân tộc biến đổi từ mấy chục năm nay. Đã từ năm xưa nhiều nhà,

những vùng ở Quảng Trị, ở Huế, ở Quy Nhơn, ở Quảng Ngãi, ở Phan Rang đã lên đây lập nghiệp. Trồng cây mít trồng trong vườn có thể đoán được tuổi nhà. Người ta vẫn giữ phong tục hay, người tới đâu, trước nhất trồng mít. Bao nhiêu năm sau, gỗ mít ấy sẽ lên cột, lên vách, lên mái. Trên khắp đất nước ta, chỉ đến Tây Nguyên mới thấy những căn nhà hai tầng gỗ ghép, từ ván sàn đến lan can, đến bậc thang. Những tòa nhà gỗ trầm mặc hòa với bóng rừng thông, cảnh sắc riêng của các làng và các thị trấn, và thành phố cao nguyên.

Rồi mấy năm nay, bao nhiêu con người từ Hưng Yên, Thái Bình, Hà Tây, đi xây dựng quê hương mới. Đã đến đây, những làng xóm, những con người sinh hoạt theo lối xã hội mới. Ở đâu cũng như tiếp tục mọi công việc vẫn làm. Đại hội nông dân. Ban quản trị hợp tác xã. Thanh niên phụ trách đội kỹ thuật, đội gồng. Các cụ lập đội trồng cây. Từng tổ giúp nhau, lần lượt làm nhà, đào giếng. Trồng mít, trồng cau và trồng cây ngâu, cây táo,... lai tạo những cây giống ở quê nhà. Ngay từ vụ đầu đã thật sự là một tập thể nông dân đi làm ăn nơi đất mới. Rồi trụ sở Ủy ban nhân dân Đắc La. Làng nào cũng có trường học, có nhà trẻ. Bưu điện Đắc Còi treo thùng thư ngoài gốc mít. Các hợp tác xã, các nông trường, từ Tân Cảnh về Kon Tum, một quang cảnh như các hợp tác xã tiến tiến ở Chư Păi, ở Krông Pa, ở Mang Giang... và rộng ra, các hợp tác xã, nông trường, các huyện, các nơi xa. Cao su ở Chư Prông, ở Ninh Đức. Cà phê Gia Rông, Gia Sao; chè Bàu Cạn, Biển Hồ, Đắc

Đoa, Đắc Đây... nên nếp làm ăn của các làng xóm đương hấp dẫn đông bào các dân tộc khắp Tây Nguyên.

Thành phố Kon Tum, hoa phượng rực rỡ in bóng trên sông Đắc Bia giữa cao nguyên xanh và trời xanh. Ở đây, đất trời cứ vừa mơ mộng vừa cau có. Những tảng sa thạch khổng lồ ở ngôi sao nào rơi xuống giữa cỏ tranh từ thiên niên kỷ nào. Những hồ nước trong ngần trên miệng núi lửa Ea Nu, Ea Prông... Nhưng cũng lại thấy chiếc cầu gỗ xinh xinh yếu điệu qua suối. Hình như nghe tiếng chuông ngân nga từ làng xa. Người Ba Na, người Gia Rai thông thả lặng lẽ gùi trên lưng những bó măng le về chợ.

Nhưng Plây Ku - thành phố tình lý đáng đáp lại khác hẳn Kon Tum.

Vẻ đẹp Plây Ku vừa gần gũi, vừa xa lạ. Làm sao mà trông hoang vu hệt như phong cảnh này đâu ở nơi đồng đất nước Ru, nước Bun Trung Âu. Con sông thanh thản lượn vòng chân đồi. Cỏ tranh tốt như lúa mì sắp vào máy, phủ từng lớp nối tiếp menh mông, cao thấp. Ừ mà mai kia đất cao nguyên nhất định cũng là đồi vườn, là vùng mỏ, là những khu chăn nuôi cực lớn. Khác đâu những miền đất màu mỡ giữa châu Âu kia.

Từng mảng đất đỏ ối dựng đứng bên đồi tranh. Vừa lên khỏi dốc, đã thấy Plây Ku. Trước kia Plây Ku là thủ phủ quân sự và chính trị của Tây Nguyên. Tướng tá và cổ vấn binh lính Mỹ cũng đều trụ ở đây. Những dàn ra-da đạn phèn lửa tủa lên ngang trời, bây giờ vẫn còn đứng làm vật chứng của bảo tàng vết tích tội ác một thời đã qua.

Chúng tôi dừng chân ở một cơ sở hậu cần binh đoàn Trường Sơn trong khu vực doanh trại cũ của các sĩ quan cố vấn Mỹ. Dãy nhà một tầng, cửa sổ kín mít. Còn thêm lớp mảnh dây thép chông lựu đạn căng ngoài. Mỗi phòng ở một sĩ quan không quân. Năm bảy dãy nhà liên tiếp. Cố vấn gì mà lắm thế. Thực sự là chỗ ở của bọn Mỹ lái máy bay ném bom, rải chất độc hóa học.

Căn phòng tôi ở cạnh bể bơi bây giờ là ao nuôi cá rô phi, trê phi. Trước cửa, bộ đội ta treo những giò phong lan thanh mảnh hoa trắng muốt đốm tím, thơm ngát. Chỗ đất hờ nào cũng trồng chuối. Những cây chuối len gốc nhau, buồng trĩu hàng hai chục nải, ngay đầu cửa sổ.

Khi bộ đội mới vào, ở đây chỉ trống trơ. Cửa buồng, via hè lát một mảnh tôn. Không đâu có một nhánh lá. Cái sống ăn tạm ở bờ của chúng nó. Đi ném bom về nằm thờ trước máy điều hòa, rồi lại bay đi trong mịt mù.

Những người Gia Rai, người Ba Na, người Xê Đăng, người Giẻ Triêng, người Brâu... phong tục xa lạ, con trai phải biết vót nỏ, đan gùi. Con gái dệt vải, xếp đồng cùi sười cho khéo... cái thằng Mỹ lái máy bay rải chất độc kia hiểu thế nào về những ngày Tết, ngày lễ đâm trâu, lễ bắc máng nước. Tiếng chiêng vang trong nhà rông chỉ làm nó ngồi đấy mà rợn gáy.

Những sông suối, những đăc, những ya, những bộ chiêng mười lăm, mười tám chiếc. Mà biết đánh chiêng nào, chiêng mẹ, chiêng bố hay chiêng chị, chiêng em, chiêng

cái hay chiêng giũa. Mày nện chiêng bằng nắm tay, cổ tay hay bằng dùi bọc da dái con hươu con nai...

Những ngày ở lại trong cái doanh trại kỳ quặc này tôi thường nghĩ về những điều ấy.

Trời Plây Ku dịu dịu. Thỉnh không thoáng cao trên làn cỏ tranh lượn sóng. Thành phố mát xanh bóng thông và những triền đất đỏ.

Chim bìm bịp kêu chiều xa xa, như ở nơi nào trên đất nước ta cũng nghe tiếng chim bìm bịp gọi hoàng hôn.

Buôn Ma Thuột

Thành phố trong sương mù cao nguyên.

Liên tiếp những làng mới ven đường lên lập nghiệp trên vùng cao phi nhiều. Trước mặt, trái núi Hơ Prông ngọn vuông - miệng phễu núi lửa cũ. Rồi lại mênh mông cỏ tranh, rừng le và đất đỏ. Chiếc nhà sàn nghiêng một chân thang lên bằng cây gỗ đẻo khắc, cột nhà đỏ, chân con lợn đỏ, chân tường đỏ, gốc cây mít đỏ, bánh xe đỏ, gió cuốn bụi đỏ mù mịt.

Tôi trú lại ở cơ quan bộ tư lệnh sư đoàn 470. Từ gà gáy, trên đường xuống Nha Trang xe chạy và tiếng người léo xéo ngoài kia - như đơn vị lại sắp chuyển quân. Có thể, bởi binh đoàn Trường Sơn ngày nay dương từ Trường Sơn tỏa đi các nẻo đường, có mặt khắp nơi, làm đường bộ, làm đường sắt, bắc cầu khai thác than Quỳnh Nhai, đập đập

khoan núi công trường thủy điện sông Đà, ở phố Lu, ở Phòng Mệt, ở mỏ Cao Sơn Quảng Ninh.

Sư đoàn 470, sư đầu tiên của binh đoàn Trường Sơn.

Từ khi thành lập tới ngày giải phóng, sư đoàn 470 phụ trách cầu đường suốt vùng ba biên giới sang tới Atôpơ bèn Lào. Lúc nào cũng phải chống trực thăng đổ quân, ném biệt kích, lúc nào cũng đối phó với bom B.52. Trong năm năm - kỹ sư Quảng tham mưu phó sư đoàn nói: "Chúng tôi đã bắn rơi 80 máy bay, đánh hơn năm trăm trận, diệt trên một nghìn giặc, mở trên bốn nghìn kilômét đường bộ, đường sông. Chúng tôi chuẩn bị chiến dịch Tây Nguyên rồi chiến dịch tổng tiến công, mở đường cho hàng nghìn tăng và pháo tự hành vào chiến trường đã qua đây.

Giai đoạn sau cùng thật hào hứng. Chúng tôi làm đường bí mật cho cơ giới đánh Buôn Ma Thuột. Đường qua rừng già. Bắt đầu cách Bản Đôn một quãng. Vào đến quanh Buôn Ma Thuột, mỗi cây to, chúng tôi không chặt mà cưa sẵn hai phần ba sát gốc. Lệnh xe tăng xuất trận. Xe húc lên, úi cây đổ rồi tiến vào."

Binh đoàn Trường Sơn đã chờ quân, tham gia chiến đấu tấn công Sài Gòn. Sư 470 có một trung đoàn công binh, hai trung đoàn cao xạ giải phóng Sài Gòn.

Tư lệnh Tham mưu 470 bảo tôi:

- Ở Đống Xoài, dưới Sông Bé hiện nay chúng tôi có trung đoàn 4, trung đoàn anh hùng. Chiến công chủ yếu của sư này phần lớn do trung đoàn 4 lập thành tích.

Chúng tôi háo hức đợi ngày đi Đồng Xoài.

Ca nguyên Đắc Lắc dốc nghiêng xuống đồng bằng Nam Bộ, trước tiến vào tỉnh Sông Bé và chung 200 kilômét biên giới với Campuchia. Những đồi tranh trập trùng liên tiếp cứ tự nhiên chia cắt thung lũng, sông suối hai bên. Sông Ya Hleo nhập vào sông Sê Rê Pốc, từ núi Chư Giang chảy vào Cừu Long ở Stung Treng. Bên này thì sông Hnăng, sông Hin vào sông Ba về Tuy Hòa.

Sông suối cũng như con người ở đây, thật thuần hậu, nhưng thuở nay đã không bao giờ biết khuất phục. N'Trang Lơng người Mnông đẩy quân đánh Pháp ròn rã từ 1912 cho tới 1935 - hơn hai mươi năm trời.

Các chiến sĩ ở sư đoàn bộ nói:

- Quảng gần Đắc Mìn, năm trước chúng tôi đã chặn bắt một đám "Phun-rô" định vượt biên giới sang Thái Lan.

Biết như thế, nhưng chúng tôi chỉ thấy mình đương đi qua những làng mạc các dân tộc tản cư ở rừng xa mới về, các vùng người Sài Gòn, Nha Trang lên xây dựng quê mới. Lại gặp những xe tải gỗ đi nối nhau. Những cô gái Mnông ra ven đường bán mật ong, một đàn khoan thăm dò địa chất làm việc trên đỉnh đồi. Cảnh rộn rã làm ăn như đón, như chào...

Đã qua những làng mạc có những nếp nhà gỗ táng, gỗ vách thanh mảnh quanh Buôn Ma Thuột. Đến những rừng mít, rừng ổi, rừng chanh bỏ hoang. Vết tích đón tiếp cũ của Pháp. Đã xa dần những đồng cỏ tranh mênh mông,

những rừng le loi thoi. Thấy xa xanh đen bóng rừng già cao nguyên Lang Biang đổ xuống Đà Lạt, Đơn Dương, Bảo Lộc. Trước mặt, rừng và thung lũng chen nhau tí tắp, có lúc đã mờ mờ chòm núi Bà Đen trên Tây Ninh rồi.

Tiểu đoàn 25 ở cách Đồng Xoài 11 kilômét. Chỉ huy sở tiền phương của tiểu đoàn nằm bên mặt đường bê bộn đất đỏ quanh chiếc cầu mới đầu thị trấn. Chúng tôi không ghé trung đoàn. Bởi trung đoàn trưởng Đức cũng ngày đêm ở luôn tuyến một với tiểu đoàn.

Năm 1965, trung đoàn 4 được thành lập ở Thuận Thành ngoài Hà Bắc. Các chiến sĩ trung đoàn gồm con em 17 dân tộc tám huyện trong tỉnh. Vào chiến trường, chuyển thành công binh. Mười tám năm đã qua, tới ngày nay.

1968, mở đường vượt sông A Vương xuống Quảng Nam. Dịch chận đánh ráo riết. Có khi cả tháng ăn củ nâu, cây móng ngựa. Đường vẫn thông, đường nửa xanh đường kín. Máy bay C130 rải chất độc hóa học. Chiến sĩ thông tin Phùng Hải Tuấn bắn AK hạ một chiếc. Không máy bay nào dám trở lại quang ấy nữa.

1969, làm đường qua Tà Beng. Ở Côcava phải đánh với 12 tiểu đoàn nống ra dốc Cô Tiên. Bị vây cả tháng. Công binh chuyên làm đường nay ra chiến đấu. Đánh toàn bằng bộc phá và gói thuốc nổ TNT, khi ném, khi chôn, như chôn mìn.

1970, giúp bạn mở một tuyến sang Lào hơn 300 kilômét.

1972, giúp Campuchia xong đường Kratiê dài 400 kilômét.

Mùa khô 1974 đầu 1975, trung đoàn đã chuẩn bị xong đường và cầu suốt từ Plây Ku xuống Châu Thành kể cửa Sài Gòn.

Chuẩn bị đánh Buôn Ma Thuột, nâng cấp mặt đường, bảo đảm ngấm sông Sêrêpốc. Dịch ném bom. Pháo ở bản Đôn bắn. Đêm thả biệt kích, thám báo.

Nhưng quân ta vẫn xẻ ván, kéo phà đá làm ngấm, làm cầu nổi. Hơn 500 tăng, pháo và hàng nghìn xe vận tải đã qua, chỉ trong một ngày một đêm. Tiếp cận Buôn Ma Thuột, địch không phát hiện được xe tăng ta đang tiến vào.

Mười năm chiến đấu trung đoàn 4 anh hùng đã mở 3000 kilômét đường, nâng cấp hơn 4000 kilômét, bắc 7 cầu mới. Bảo đảm đường 12 tỉnh Việt Nam, 5 tỉnh Lào, 3 tỉnh Campuchia. Hoạt động và chiến đấu trên 32 tuyến đường và mặt trận...

Ban chỉ huy tiến phương đây rồi, mấy mái nhà lán mắc ngoãm, giường đan nan le, chân giường chôn như cột nhà.

Gần sáng, tiếng xe tải phanh rít ngoài đường. Các đại đội đi làm từ lúc chưa tỏ mặt người. Làm cả ngày chủ nhật cho kịp bàn giao cầu mới và đoạn đường đã nâng cấp đứng hợp đồng với tỉnh Sông Bé.

Buổi chiều ấy, trời mưa. Các đại đội ở lại trong lán. Những chiếc xe húc, xe ủi vàng chóa đồ chống cang như con cua kênh vác chiếc càng nặng hơn người. Các chiến sĩ lái xe húc kéo về đại đội bộ nghe nói chuyện. Không phải những con người ấy chỉ biết đất cát và xi măng, mà ai cũng

có thể trò chuyện với tôi về một tập truyện, tập thơ mới xuất bản ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Trở về căn cứ tiểu đoàn, lại mưa. Vẫn mưa. Tắm trên dòng suối đỏ ngầu dưới chân cầu. Tiếng xe qua cầu nao nao gợi nhớ những chuyện ra đi. Con bìm bịp lại kêu chiều, xa với vợ ở rừng nào đấy.

Tối thứ bảy, các đại đội xem vô tuyến ngoài sân. Mới mưa, nhưng đất ẩm, khô ngay. Trời Đồng Xoài long lanh ánh sao. Tôi bỗng nghĩ đến mệnh mông rừng cao su từ đây về Tây Ninh. Đêm già từ Tây nguyên, hình dung ngọt nửa thế kỷ cuộc đời con người ở đây và cuộc đời con người cả nước đổ đến đây. Gian khổ. Nước mắt. Máu. Bao nhiêu đổi thay.

Đêm nay, vô tuyến truyền hình Hồ Chí Minh phát một chương trình cải lương. Ánh sáng trên màn ảnh như chân trời thành phố ửng lên.

Nghĩa trang Trường Sơn

Từ cây số 0 đầu cầu Đắc Krông vào tới Châu Thành, cây cột số sáu cuối, cửa ngõ thành phố Hồ Chí Minh, đường Trường Sơn dài 1530 kilômét.

Ngày cuối tháng năm, trước hôm qua cầu Đắc Krông, vào cây số đầu tiên đường Trường Sơn, tôi đã về một đêm nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn. Từ hai bờ ruộng lúa chín sớm bên sông Hiến Lương đi lên, rẽ ở Dốc Miếu. Vùng

đồn Đốc Miếu và Côn Tiên chỉ còn mẫu đất đỏ in trên nền cây bạch đàn lao xao mênh mông cỏ cần. Dây thép gai. Xác xe bông sắt. Vò đạn đại bác. Xích xe tăng đen mùn. Côn Tiên, Đốc Miếu: trận tuyến hàng rào điện tử của Mỹ mưu toan xé đôi nước ta. Bây giờ trong hoang tàn, sự sống đương trở lại. Nòng trường hồ tiêu, cà phê Côn Tiểng chợ Cam Lộ, người các làng ra bán dưa hấu và ớt đỏ ối. Những làng kinh tế mới dưới Đông Hà vừa lên. Các xóm bà con Vân Kiều đã trở về. Trong những khoanh tre và vườn mít, vườn chuối nhà ở chắc chắn xung quanh vẫn còn đất hoang. Những nơi lau lách rậm rịt chưa có người đặt chân tới, đã ngót mười năm rồi mà tự dưng vẫn có tiếng mìn nổ.

Các mộ liệt sĩ ở một khu vườn rừng tĩnh mịch. Đất trời ở đây thật là một cái gì Trường Sơn, từ quang cảnh đến ý nghĩa lịch sử và truyền thống.

Đây là thượng huyện Do Linh cũ. Nơi bắt đầu hàng rào điện tử Mác Namara. Nơi có đồn gác hai phía trên cùng hai bên sông Hiến Lương, một thời bị chia cắt - đồn Bến Tắt. Các liệt sĩ yên nghỉ ngay trên bờ sông, ngay chỗ đầu Bến Tắt.

Đương mùa nước cạn. Không phải sồn quắn cũng lội được đến chỗ nước mát hơn, bên kia bờ sông mà vãn bình yên.

Nghĩa trang Trường Sơn tọa lạc giữa vùng đồi. Dưới thung lũng có hồ thả sen. Trông mặt hồ phẳng lặng, ít ai biết ở đây cũng có chín hố bom thật sâu. Đường lên quanh

co bên hồ nước xanh xanh, hai bên hàng thông uy nghiêm và bạch đàn liễu thướt tha.

Ở khu tượng đài, thấy được tất cả. Chiến sĩ cao xạ, chiến sĩ làm đường, đồng bào các dân tộc gửi thối, chiến sĩ mở lấp van ống xăng... từng khu vực đủ mặt các binh chủng, các hoạt động đặc biệt Trường Sơn.

Một dải Trường Sơn, mười sáu năm trời, hứng hơn bốn triệu tấn bom địch. Các chiến sĩ Trường Sơn đã làm được 16 nghìn kilômét đường. Lực lượng vận tải, từ gửi thối đến xe cở lớn, xe tăng, xe bọc thép chiến đấu, ngày đêm lặn sáng sang chiều, cung ngắn, cung dài, đội hình nhỏ, đội hình lớn, không lúc nào ngớt. Lực lượng phòng không bắn rơi 1450 máy bay địch. Lực lượng bộ binh tổ chức và tham gia tất cả các chiến dịch, hai bên sườn Đông - Tây mở rộng cơ sở bảo vệ đường và địa bàn đường. Lực lượng giao liên đưa đón cán bộ, thương bệnh binh, dẫn đường, lo ăn ở cho hàng triệu triệu lượt người ra vào. Cán bộ các cơ sở, các cơ quan chỉ huy, thông tin cơ yếu, quân y, văn nghệ... Trường Sơn! Trường Sơn! Tuyển vận tải chiến lược quân sự đường Hồ Chí Minh đã được danh hiệu anh hùng. Ngày vinh quang 20 tháng năm hàng năm của binh đoàn được lấy làm ngày tưởng niệm các liệt sĩ Trường Sơn.

Mấy năm nay, đã đưa về nghĩa trang được hàng vạn hài cốt các liệt sĩ. Công việc thiêng liêng ấy vẫn được kiên trì tiếp tục.

Đền nghĩa trang Trường Sơn, thấy lồ lộ hình ảnh tinh

thần cả nước. Cả 40 tỉnh và thành phố nước ta đều có liệt sĩ nằm đây. Mỗi ngôi mộ, có bia đá, quanh năm xây viên thêm trồng hoa.

Những khu đông liệt sĩ nhất là Nghệ An, Thái Bình, Hà Nam Ninh. Các chiến sĩ quê Nghệ Tĩnh, ở Kỳ Anh, ở Võ Ninh, người đi làm giữa ruộng dưa ruộng ớt, mặc áo tơi giữa mùa hạ, ngoài bờ rào hoa dâm bụt nở chói cả mắt, có nếp nhà tranh cổ kính nền nếp, mát rượi mà tôi vừa đi qua. Chắc hẳn ở đây có Ý Yên, Thụy Anh, Diêm Điện ở Thái Bình, ở Nam Định, những vùng đồng chiêm, trưa nắng cũng thấy người vác dó, đi đặt lưới ngoài sông... Biết đâu chẳng có lần tôi ghé, tôi ở nhà liệt sĩ nào trên đường công tác, đi cải cách ruộng đất, đi xây dựng hợp tác xã, trên tất cả các nơi mà tôi đã từng tới, chẳng đã có con em nằm đây. Cái làng Nghĩa Đô nhỏ bé của tôi ở ngoại thành Hà Nội cũng có ở đây hai liệt sĩ: Nguyễn Văn Chú hy sinh tháng tám 1945, Đoàn Văn Tiến, tháng chín 1971. Những người thanh niên trạc tuổi hai mươi.

Đêm ấy cũng như đêm ở Đồng Xoài, sao mà trời đất mênh mang thăm thẳm. Các làng Vân Kiều xung quanh, lửa nường còn nhấp nháy sao sa. Các cán bộ trông nom nghĩa trang cũng đều là chiến sĩ Trường Sơn về. Người nằm yên nghĩ đời đời và người làm việc, các chiến sĩ đồng đội với tinh thần đồng đội.

Ngoài hiên nhà sàn những vì sao long lanh như giọt nước mát, lại như nháy múa. Nửa đêm vẫn nghe tiếng sáo, tiếng hát ngoài cầu treo qua Bến Tắt. Tiếng sáo đâu mà bồi hồi.



Đường Châu Mai

Con đường ngược sông Đà những ngày này dương thật nhộn nhịp. Thủy điện Sông Đà cuốn hút hàng vạn người cả nước tới cùng với một lớp cán bộ và công nhân kỹ thuật các dân tộc Mường, Thái, Tày, Dao quê dọc sông Đà thành một lực lượng công nhân được sinh ra và lớn lên với tuổi của công trình sông Đà.

Tôi đứng trên gập núi chỗ cuối làng Thịnh Lang trước, bây giờ đã mọc những xưởng máy, những tầng nhà ở của thành phố thủy điện. Đập nước ngăn sông Đà dương mọc lên ngay trước mặt. Bên kia sông, cứ cách ngày, nổ một quả mìn ba mươi tấn. Những phát mìn điện băm ba mươi, bốn mươi tấn phá núi xuống kéo gần lại ngày lấp sông.

Tháng mười hai này, con sông Đà phải chảy nhích ra. Ta cho con sông mượn dòng vào kênh mới, để lấy chỗ xây móng đập và đặt nhà máy. Ngày ấy là ngày mở đầu hội chiến thắng thiên nhiên rầm rộ nhất nước.

Ở chỗ này, trên chiến trường này, thiên nhiên chịu khuất phục để con người dựng lên bức tường ngăn nước, chặn lưu lượng lũ sông Hồng, bắt nước xả thành nguồn điện. Rồi từ bến Phương Lâm lên Vạn Yên, lên Tạ Bú, lên Mường La, hơn hai trăm cây số sông được nâng lên hai thước nước, dòng sông hóa ra con hồ dài nuôi cá và quanh năm tàu thuyền xuôi ngược.

Như thần thoại trong cổ tích! Đường ngược sông Đà

hôm nay. Mỗi vành bánh xe lăn, xe húc, mỗi nhát búa máy đập đá trong núi, tất cả khấn trương vì công trình thủy điện lớn đẹp và hùng vĩ Đông Nam Á ở đây.

Trên đường sỏi nổi, chạnh nhớ chiến trường giải phóng Tây Bắc thu đông 1952 trong kháng chiến chống Pháp. Cũng dọc sông Đà này, máu và mồ hôi nước mắt vì nước quên mình ngày ấy đã hòa trong niềm vui và kiêu hãnh của các thế hệ và của hôm nay. Ngay thị xã Hòa Bình đây đã mở đầu trận đánh địch nhảy dù, rồi các trận làng Pheo, trận cao nguyên Châu Mộc, trận Nà Sản, trận Tạ Khoa và chiến dịch sau cùng kết thúc toàn thắng trên Điện Biên Phủ.

Sứ chép trên sông Đà, năm Tân Hợi 1431, hơn năm trăm năm trước, Lê Lợi đánh thắng quân Minh rồi kéo quân ngược sông Đà quét nốt bọn tàn binh trên biên giới. Thắng trận rồi, vua Lê tác thơ vào đá ghi lại chiến công lừng lẫy.

Bia thơ ở Hào Tráng bến Suối Rút ngày nay hãy còn:

*Ba trăm thác ghềnh nguy hiểm - lời nói ấy kể chi
Nay ta chỉ thấy nước chảy thuận dòng*

Và ở Mường Lay trên Lai Châu:

*Khắc thơ vào đá núi
Trấn giữ miền tây nước Việt ta*

Công trường thủy điện sông Đà gợi nhớ những ngày qua. Trong chiến dịch Tây Bắc, tôi theo bộ đội qua sông Đà vào Châu Mộc. Ký ức tôi trở về lẫn lộn với những thời kỳ

xa xưa của lịch sử. Tưởng như trên công trường đương tấp nập những xe, những máy, những người kia, lại trông thấy các vua Lê và ông Nguyễn Trãi đương chen chân với các binh đoàn 312, 316, 308 và bao nhiêu dân công từ Thanh Hóa, cả ở hậu địch ra đương tiến vào giải phóng Tây Bắc, với cả nghìn cả vạn cán bộ, công nhân công trường thủy điện sông Đà - hôm qua và hôm nay.

Đường qua thủy điện sông Đà lên Mai Châu, đường chiến đấu, đường xây dựng, đường khí thế phát triển bất cứ ở thời kỳ nào cũng khẩn trương và trong mọi thử thách.

Đường Mai Châu, từ năm 1947, hơn ba mươi năm tôi đã có đi qua, lên châu Mai Đà, thuở ấy các giai đoạn khác nhau, mỗi thời kỳ một khác. Nhưng chưa khi nào có những sự nghiệp và công cuộc ăn làm mới mẻ như hôm nay. Không chỉ những công trình quy mô, mà, từ sáng kiến nuôi cá ao ở xóm Lác của người Thái, ở cung cách làm ăn kiểu mới của người Dao vốn du canh, du cư ở Suối Nánh, đã chứng tỏ những đổi mới to lớn ấy.

Suốt đường, nối nhau những chiếc xe cải tiến chờ sẵn. Ở Tân Lạc dưới kia và Mai Châu trên này, chỗ nào cũng từng bó mía đỏ và những mớ mớ đầu mùa vàng hây. Những đồng sản chất như gò suốt dọc đường. Sản khô phơi cả ven mặt đường nhựa. Được mùa lúa, mùa ngô, càng nhiều sản...

Trưa hôm ấy, tôi vào xóm Lác ven đường. Văn quang cảnh tĩnh vắng quen thuộc ở một làng Thái - như ở Châu

Yên, ở Mường La. Cả xóm đương ra làm đồng. Cánh đồng chiêm xanh mơn mớn. Tây Bắc làm quen với cấy chiêm đã mấy chục năm, lớp trẻ có lẽ không biết đến xưa kia quê nhà chỉ biết mặt hạt thóc nếp tháng mười. Các núi chung quanh đổ suối xuống, cánh đồng no nước. Trong xóm, nghe đôi lúc tiếng lợn ùn ùn. Nước chảy thành đường suối qua làng. Những chiếc cầu nho nhỏ. Nếp nhà sàn mới. Hoa nhãn, hoa vải, hoa xoan thơm ám. Tiếng tóp tép cá ăn nổi. Ở các ao nhà, những con trắm cò đang nổi lên ăn cỏ.

Khắp Mai Châu, giữa Chiềng Chăn cũng như ở Mai Hạ, xưa nay, mỗi nhà đều có chuồng lợn, chuồng gà, bây giờ thêm chiếc xe cái tiến để bên cột nhà sàn trước ao cá - gọi là chuồng cá cạnh chuồng gà, chuồng lợn cũng được. Những ao cá con con, khoảng hai ba thước dọc dài theo cửa sổ trên sàn trông xuống. Khoang nước ấy, nơi rửa chân lên sàn, nơi rửa rau vo gạo, ống bương dẫn nước đến, như suối chảy ngoằn ngoèo vào các ao, khắp xóm. Khách nằm gối đầu lên thành cửa vóng trên nhà nhìn xuống rõ ràng trông thấy cảnh yên vui no ấm, “cơm trên, cá dưới” mà các cụ xưa đã nói thành tục ngữ để đêm ngày mong ước.

Nhà ông Hoàng Công Thi vừa mới cất. Cột sàn, cột nhà còn thơm mùi gỗ. Cả nhà đi làm nường bông. Cái tủ gỗ lát kê giữa nhà. Người ta ở đâu cũng hay đua sắm. Nhà nào cũng có một tủ đứng, chân quỳ, cánh cửa uốn, ngăn giữa lồng kính. Tôi nói với ông Thi về nhận xét của tôi: nhà Thái Mai Châu đẹp và cao hơn nhà Thái ở Mộc Châu, Châu

Thuận. Có phải vì ảnh hưởng kiểu nhà Mường - những nhà sàn Mường to rộng, cột kê gọn ghẽ, lan can hóp đá bao quanh.

Ông Thi nói, tôi mới biết thêm một nét giao lưu nghệ thuật:

- Nhà tôi vẫn theo kiểu các cụ làm ngày trước, thợ mộc toàn anh em xuôi lên. Có người lên kinh tế mới, có nhà lên ở xen kẽ, người Thái Bình, Hà Nam. Toàn tay thợ khéo cả.

Tiếng thoi lạch cạch bên hàng xóm - nhà trung đội trưởng tự vệ Vi Văn Khôi. Khung cử bên ấy đương dệt mặt chăn. Chi đỏ, chi hoa hiên... Phong tục Thái, nhà dư dật thường sắm hàng chục chăn đệm cho khách. Nhà nào ở bản Lác cũng dư dật, phong lưu. Vẫn theo phong tục, bản Lác trồng bông, nhuộm chăn, dệt vải áo, váy, đệm và mặt nhà. Các nương bông trên đồi dương đời mưa mới, tháng sáu được hái... Bao năm nay vẫn thế.

Vi Văn Khôi cười hồn nhiên:

- Từ đời xưa, chúng tôi vẫn trồng bông dệt vải. Bây giờ nhà nước khuyến khích trồng dâu nuôi tằm, trồng bông, đúng với phong tục mà.

Niềm tự hào trong nụ cười của trung đội trưởng Vi Văn Khôi. Tôi nhận ra đây là một khám phá hòa chung niềm vui. Công cuộc làm ăn, truyền thống và cái mới hòa hợp và phát triển.

Nhưng cũng chưa dừng chân ở đây. Từ thung lũng cánh đồng Mai Châu, trên ngã ba đường Châu Mộc lên Sơn

La, đường Quan Hóa sang Thượng Thanh, chúng tôi lên vùng cao Suối Nánh. Trèo núi men sông Đà lên - quãng đường này đương được bạt sườn núi làm đường cái to. Nhưng bóng rừng vẫn quanh co âm u thê. Con Suối Nánh mùa cạn mà nước xuống thác vẫn ào ào. Như từ thuở nào. Nhưng ven sườn núi không còn lan tràn lau lách hoang dại, mà đã ngút ngàn những bụi mai phấn trắng, những cây bương lá xanh ngun ngút. Bương và mai của hợp tác xã Tân Sơn người Dao trồng.

Trên đường công tác Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc, đã bao năm, tôi thường có dịp đến với dân tộc Dao anh em. Mỗi lần, lại như thấy được bước đi của từng thời kỳ, tưởng như những cổ tích và huyền thoại không bao giờ có thể có.

Ngày đầu kháng chiến chống Pháp, tôi đã ở mấy năm các vùng Khuổi Púng, Vằng Kheo, châu Chợ Rẽ trên Bắc Cạn. Khuất nẻo quá, anh Páo ngồi trước cửa mà bị con gấu đi qua, tát một cái, mất một miếng má. Nhà không có gạo, ngô, phải ăn củ pấu cả tháng. Nhưng tinh thần vẫn là kháng chiến.

Tôi lại tới Tây Bắc, Việt Bắc, những năm đất nước chống Mỹ. Khe Lo ở Nghĩa Lộ, Viên Sơn và Châu Quế bên Văn Bàn. Máy lớp rừng quế mới ở Viên Sơn đã được hợp tác xã gây trồng. Các cô gái họ Triệu trên Sùng Đô, trên Khe Lo xuống Nghĩa Lộ học lớp kế toán hợp tác xã. Đường núi lở chỗ những hố bom đã thành bể chứa nước xanh leo lẻo. Người ta đương thử nuôi cá ở hố bom trên núi. Và lắm

thứ trong nhà, máng cỏ cho ngựa, hộp thuốc Lào, thùng đựng nước gò bằng mảnh bom và những miếng nhôm vò thùng xăng phụ máy bay Mỹ vứt xuống. Ngày hội tuyến quân trên núi cao thật nô nức. Tuổi trẻ các làng Dao đã lên đường đến tận chiến trường miền Nam. Quang cảnh chung các làng Dao hồi chống Mỹ đâu đâu cũng tương tự.

Chúng tôi về Tân Sơn, Nà Pó, Thẩm Nhan, Suối Nánh, trước đây năm năm, các xóm Dao này chưa phải là hợp tác xã Tân Sơn. Bí thư Đảng ủy Đặng Văn Tiến và chủ tịch xã kiêm chủ nhiệm Đặng Văn Ninh nói:

- Huyện Mai Châu là huyện nông lâm nghiệp thì Tân Sơn phải thành hợp tác xã nông lâm nghiệp. Năm nay, chúng tôi có ba công tác: một là kinh tế tập thể, hai là kiến thiết cơ bản, ba là tổ chức đời sống nhân dân.

Các đồng chí ấy đọc cho nghe những câu ấy như hô khẩu hiệu, lấy ra một tờ giấy trong cặp. Nhưng rồi câu chuyện rà rích cả đêm đã làm cho khách hiểu những việc làm một cách cụ thể, sinh động và thiết thực. Tinh thần và hành động của những người làm công tác cơ sở kiên quyết và thông minh. À, giải quyết kinh tế tập thể là chúng tôi làm cho cả xóm Suối Nánh này giàu có, mua sắm đồ đạc mới. Có thể thôi, mà bao đời người Dao không nghĩ ra.

Năm năm trước, chưa có được quang cảnh nào như chiều nay khách đặt chân tới xóm Suối Nánh của hợp tác xã Tân Sơn. Vẫn cái nhìn vừa quen vừa lạ lúc hoàng hôn ở một làng Dao nhà nhà sát vách lấp ló ẩn trong cây.

Văn phong tục cũ, các nhà nối nhau, chen khít, quây trên quây dưới. Nhưng cả bốn mươi hai nhà bây giờ đều vách ván gỗ, cột kê chân đá. Khác nhà cột chôn như ngày trước, chỉ ở được vài ba vụ, đất nương nhọt, cột cũng vừa xiêu, lại dọn đi núi khác. Vừa chập tối, bếp lửa đã lên ngọn. Các chị váy xúng xính ngoài nương về, lưng đeo gùi, trong có củ gừng, nắm ớt, nắm hạt rổi, lá sả, một con sóc hay một con chuột vừa sa bẫy. Đằng sau con ngựa bước lững thững, bên lưng vác cành củi lớn, một bên buộc thùng gạo vừa lấy ở máy xay sát về.

Nguồn nước của con suối Nánh từ lòng núi ra đã bao đời tự nhiên triển miên. Bây giờ nước được bắt vào ống chì, đưa ngược lên xóm, có vòi đóng mở đóng. Người ta lấy nước, đánh răng, rửa mặt. Rồi chủ nhiệm Đặng Văn Ninh đưa chúng tôi đi xem thủy điện, nguồn chạy máy lấy ở mỏ nước trong núi ra bắt vào đường máng xi măng. Năm trước, cả xóm đã xuống, đi tải, khiêng công cả trăm tấn cát, sắt thép, xi măng, máy tua-bin... mới có được đường lát xi măng, ống máng cho người thành thoi bước hôm nay. Ven lối đi, những cây phật thủ lá xanh đậm. Phật thủ được trồng thành vườn, bán để xuất khẩu. Trước Tết vừa rồi, hái được hàng tấn.

Dưới khe trước mặt, tiếng máy rền rền. Ở chốn ẩm ướt âm u ấy, nó là tiếng nói của một cái gì hiện đại, thật lạ tai. Bộ phận máy xay sát gạo ngay cạnh tua-bin và ống nước xả. Một cậu thanh niên vừa điệu thóc xuống, tra vào

phều rồi mở nước. Thoăn thoắt, thành thạo. Chợt nhớ, buổi chiều ở làng Dao mà vắng hẳn tiếng chày va công công vào thành cối gỗ. Thủy điện sông Đà sẽ đạt hai triệu ki-lô-oat với thủy điện Suối Nánh có 12 ki-lô-oat, những con số cao thấp ở hai con sông con suối khác nhau, nhưng lại cũng bằng nhau một cách thú vị. Vừa chập tối, bếp lửa đã đấm ấm hồng lên, lẫn lộn với ánh điện sáng trắng từng nhà. Ngoài đầu xóm, đám người làm nhà còn đương cửa rón khúc gỗ chò nâu và đeo chiếc cột nhà mới.

Phải, trước đây ba xóm trong hợp tác xã Tân Sơn chưa đâu có quang cảnh yên vui thế này. Chưa có trường học cấp một, lớp bổ túc cấp hai cho cán bộ hợp tác xã. Không có hội trường, trụ sở, không có nhà giữ trẻ, không có lâm thóc, lâm ngô cạnh cửa từng nhà. Không có gì hết. Bây giờ có tất cả các thứ ấy. Bí thư Đảng ủy Đặng Văn Tiến nói: “Trong đảng bộ Tân Mai của chúng tôi có cả các đảng viên người Kinh là các thầy giáo lên đây dạy học, được chi bộ kết nạp đảng đấy!” Tân Sơn bây giờ có tất cả.

Các cụ ở Suối Nánh còn kể chuyện về những cây mít cổ thụ, cây mơ, cây hồng bì to ở đầu xóm, còn sót lại hàng trăm năm trước. Đất này đã có người đến sinh sống từ nhiều đời. Người đến được vài năm, lại đi nơi khác. Lúc nào cũng mơ tưởng được nơi đâu đâu có đất tốt cho con người đỡ khó nhọc. Lại đi. Rồi người nơi khác lại đến ở chỗ người vừa bỏ đi. Những cây mít, cây chè cổ thụ ngày nay còn kể chuyện được cái cảnh người đến người đi âm

thâm như thế. Cả đời người Dao chỉ đi tìm cái nương tốt, tìm chỗ có thể ở được mãi, mà không thấy đâu tìm kiếm được điều mong ước.

Không phải chỉ là chuyện thế kỷ trước, chuyện gần gũi năm mươi năm trước đây cũng thế thôi, ở xóm Suối Nánh này.

Suối Nánh, Nà Pó và Thăm Nhan không có một bãi bằng, một mảnh ruộng nước. Xưa nay người ta chỉ phát rừng làm nương dốc. Nương hết màu, kiệt dần. Mười nhà đã phải bỏ lên các núi châu Mộc. Năm nhà nữa cũng rục rịch đi.

Nhưng không phải ai cũng muốn đi. Đi đâu cũng vô vàn cái khó. Đi đâu? Đến đâu mới cũng bờ ngõ, biết nương ngô, nương chàm thế nào. Nhưng ở lại thì không còn gì ăn. Người ở ba bốn xóm Dao này đều biết nếu thả sức phá rừng, làm một vụ có thể ăn mấy vụ, như bao đời nay người Dao vẫn làm. Như thế thì chỉ vài năm thì hết rừng. "Chúng tôi đã nhất định không đi, mà cũng không phá rừng."

Người Dao vùng Suối Nánh không phá rừng, hủy hoại rừng, không đi. Phá rừng lung tung và du cư là trái ý Nhà nước. Những lúc gian khổ nhất, ta vẫn nghe lời kháng chiến, hướng chi bây giờ. Chống Pháp, đồn bốt chẳng chịt sông Đà, hàng ngày dịch sục sạo lên núi. Thế mà cán bộ lúc nào cũng ở trong xóm. Thế mà khi mở chiến dịch, cả trung đoàn bộ đội vào đã trú quán hàng tháng ở các rừng chung quanh làng xóm bao bọc. Chiến dịch Sông Thao

1949, chiến dịch Tây Bắc 1952, rồi chiến thắng Điện Biên Phủ. Từ ngày ấy đã có cơ sở đảng của người Dao ở sâu thẳm, tưởng chừng đi vào núi thì không còn đường đi đâu nữa, nhưng thanh niên Dao ở Tân Sơn đã có mặt cả trên Trường Sơn và các chiến trường miền Nam.

Nhiều chiến sĩ hôm nay vẫn còn đương trong quân ngũ. Nhiều thương binh trở về. Có người đã nằm xuống ở chiến trường xa, tận Tây Ninh.

Bí thư Đảng ủy Đặng Văn Tiến, Chủ tịch xã Đặng Văn Ninh lo nghĩ ngày đêm. Nhất định sống bám lấy rừng. Muốn thế, phải nghĩ ra cách làm ăn mới. Các anh chịu khó mày mò đi học đến bản Trang, làng Dao bên Cao Bằng, ra các làng Dao Thanh, tận Hoàn Bó, Đám Hà tìm xem các nơi ấy bám rừng, làm nghề rừng thế nào.

Năm 1966, những ngày đầu thật gian nan. Ba xóm thành một hợp tác xã, thế quyết cùng nhau ở lại.

Chủ trương ở lại tìm cách làm nghề rừng của Suối Nánh được huyện ủy, Ủy ban huyện Mai Châu và các ngành lương thực, ngân hàng, ngoại thương của huyện, tỉnh khuyến khích, giúp đỡ.

Hướng ấy cũng chính là trọng điểm công tác các xã vùng cao của Mai Châu.

Ba xóm Suối Nánh, Nà Bó, Thẩm Nhan hợp thành hợp tác xã Tân Sơn. Các làng thấp ven sông Đà của đồng bào Mường, Thái thành hợp tác Tân Thủy từ đấy.

Ngay lúc ấy, biết bao việc không may đã xảy ra. Những

người đi săn ở Nà Bó bắn nhầm nhau, một người chết. Ở Suối Nánh, có nhà kia vào rừng hái phải lá ngón nấu canh ăn, chết bảy người. Những người tung tin ấy là ma các làng tranh nhau người, không cho hợp tác lại. Ma còn tranh nhau, còn chết nữa. Có năm nhà sợ, chuyển lên châu Mộc.

Nhưng đến năm 1970, Suối Nánh có ống chì đưa nước lên đầu xóm, nghề rừng đã vào nển nếp, các nhà này lại dọn về. Bây giờ cả 42 nhà Suối Nánh lại quây quần nguyên như ngày trước.

Định canh trên núi không có ruộng trong hoàn cảnh Tân Sơn, vừa nghề rừng vừa làm lương ăn. Đó là con đường đi.

Ban quản trị Tân Sơn quy hoạch nghiêm ngặt rừng núi của xã thành ba vùng. Vùng một, vừa làm ra cái ăn vừa trông rừng. Vùng hai, vùng rừng được chăm non, gìn giữ. Vùng ba, rừng được khai thác. Chủ nhiệm Ninh nói: “Người xấu chửi rủa chúng mày giữ lương, giữ hóp làm đòn khiêng đám ma, giữ gỗ làm quan tài chúng mày à?” Chúng tôi không trả lời. Ai cũng biết cả ba vùng ấy, nếu cứ cho phá lung tung, chỗ nào tốt ăn trước thì chỉ vài năm hết sạch. Bởi thế chúng nó chửi, nhưng chúng nó vẫn phải theo. Chúng nó cũng biết chúng tôi đương làm cái gì mới đấy, mà làm cho cả xóm.”

Có những núi, đầu tiên được phát lau, dẫn nửa làm nương, trồng sắn. Lại trồng xen vào cây bương, trồng bồ đề, trồng xoan. Cây dưới gốc lấy cái ăn, cây trên đợi thu gỗ.

Đến mùa sau, được lúa, được sắn rồi, rừng bương đã

khép tán, lại chuyển sang trồng lúa, trồng sắn nương khác. Cũng như nương trước, đã đào hết sắn, bỏ để đã khép tán, nương ấy thành nương được để nguyên trông nom thành rừng gỗ.

Hợp tác xã Tân Sơn cho người đi học vót tằm mảnh xuất khẩu. Tre nửa chỗ nào cũng có, chỉ việc gói cơm đi rừng, vót tằm mảnh ngay tại chỗ. Thế là được tiền ngoại thương trả cho.

Bắt đầu, Tân Sơn làm 303 mẫu rừng vừa trồng lúa, ngô, sắn lấy cái ăn, vừa ươm xen kẽ các thứ bương, luồng, tre, vầu, trấu, bồ đề, xoan, cày dó...

Ba vụ đã ổn, Tân Sơn nghĩ cách giải phóng đôi vai. Suối Bàn Trang trên Cao Bằng làm được thủy điện. Suối Nánh cũng bắt chước được chứ. Tân Sơn mời thủy lợi gửi cán bộ lên khảo sát rồi giúp làm. Đầu tiên, bắt nước suối vào vòi ống đưa lên đầu xóm. Nhà giữ trẻ, mẫu giáo, nhà hội trường. Làm cho vai đỡ phải gánh nặng, chủ nhiệm Ninh bảo thế, chứ không phải chỉ làm đường to mới giải phóng đôi vai. Nhưng thủy điện giải phóng đôi vai được nhiều hơn. Cả xóm Suối Nánh mắc điện, đầu cột điện đèn đường. Làng xóm khác lạ và khang trang hẳn.

Chủ nhiệm Ninh đọc cho chúng tôi nghe các thứ và số lượng bán cho nhà nước với tiền ngày công hợp tác xã. Chũ và con số trong bản thống kê cứ hoa lên.

“Năm 1977: chè, tằm mảnh, móc bẹ (làm nón), phát thủ, gỗ tròn, bương, tre nửa bồ, hạt trấu, lá dong.

Năm 1978, thêm: chè hạt, hạt bồ đề, trâu cày, mật ong.”
Bãi thơ những con số mỗi năm một thêm mới.

Tôi hỏi:

- Bây giờ hương của Tân Sơn thế nào?

Chủ nhiệm Ninh cười, vẫn vẻ hồn nhiên như mọi lúc:

- Năm nay, mua máy vò chè. Có điện rồi mà. Giải phóng đôi chân vò chè nữa. Chúng tôi bắt đầu trồng đại trà nường dong riêng. Thêm máy xay bột dong riêng. Có điện rồi, làm được nhiều thứ lắm.

- Nà Bó, Thẩm Nhan có bằng Suối Nánh không?

- Ba xóm cùng phấn đấu lên thanh toán “nhà Mán” cột chôn cột ngoãm chuyển sang làm cột nhà kê, rồi lợp ngói. Người Dao chưa được ở nhà ngói bao giờ. Có nước lên rồi, các nhà sẽ còn nuôi cá suối, như xóm Lác dưới Chiềng ấy. Tân Sơn sẽ làm thế. Chúng mình chỉ biết làm thế thôi.

Nghỉ đêm lại ở Suối Nánh. Đêm vui chuyện, có lúc bất chợt nhận ra ánh điện xanh xanh, vừa quen lại vừa ngỡ.

Nhà Bí thư Đảng ủy cũng như mọi nhà xung quanh. Nếp nhà gỗ năm gian, rộng lòng không thể dễ thấy được căn nhà toàn gỗ đẩu hạng như thế ở dưới xuôi. Vợ bí thư Tiến vấn tóc trần, váy chàm in hoa, đi guốc mộc cao, áo sơ mi kẻ hoa, ra chào khách.

Hôm qua, có đồng chí cán bộ dưới công trường thủy điện sông Đà mới đi thực tập ở Liên Xô về, kể chuyện bên Trung Á người dân tộc Tắc Dích hiện nay sung sướng thế nào, mặc đẹp thế nào. Tôi nghỉ vui một mình, rồi người ở

đây cũng chẳng khác đây. Ăn mặc như vợ bí thư Tiến đã là xưa kia không hề thấy. Những điều trông thấy đã chứng tỏ thế.

Hơn mười giờ. Cái máy thu thanh nhỏ trên bàn đã đến giờ đài Tiếng nói Việt Nam “nói chuyện với kiều bào ở xa Tổ quốc”. Câu chuyện làm ăn ở Tân Sơn đâm ám quện cả vào tiếng cô phát thanh từ thủ đô Hà Nội, nghe sao mà thân thương.

Anh Tiến, anh Ninh, các anh bảo người Dao chỉ biết làm thế. Nhưng, làm thế, đã là làm được tất cả. Nghìn năm người Dao đi phá rừng, bây giờ người Dao có làng quê, biết nuôi rừng và có nghề rừng, Tân Sơn đã tới con đường mãi mãi người Dao đi.

Đường lên Mai Châu. Công trường thủy điện sông Đà. Cơm trên cá dưới Bàn Lác. Suối Nánh đổi mới thành Tân Sơn núi mới. Đường lên Mai Châu bây giờ, đường mới.

1982

Làng mới trên núi

Tôi qua Nước Hai, tiếng súng lớn vang mặt nước sông Bàng từ trên dội xuống. Xe cam - nhông chờ lợn, chờ chiếu tập trung ở chợ. Đoàn các giới, các bà, các chị khăn áo, túi chàm mới sửa soạn lên thăm các chốt bộ đội ở Hà Quảng, ở Thông Nông.

Nếu không trông thấy những xe tải đầy các thứ ra biên giới, không thể biết được mặt trận đương khẩn trương. Bởi vì, chỉ một quang cảnh làm ăn bình thường chung quanh. Liên tiếp, ruộng thuốc lá. Cánh đồng Nước Hai, Cao Bình đương cấy. Học sinh trường phổ thông Hòa An đến trường tập nập.

Vũng Nà Quỳnh lượn quanh rặng núi Mỏ Sắt nhấp nhô.

Ban chủ nhiệm hợp tác xã Cao Thượng họp với chúng tôi ở trường học cấp hai bên đường cái.

Huyện Thông Nông có sáu hợp tác xã định canh định cư. Người Mông ở Cao Thượng, ở Tà Bốc, ở Pắc Ca. Dao ở Lũng Khìn, ở Song Lạng, ở Phia Khao Hạ. Các nhà đến Cao Thượng lâu nhất cũng mới được hai đời. Mà thật thành làng, thành hợp tác xã cũng mới từ năm tập hợp được các nhà ở hẻo lánh trên núi cao. Chốc đã ngoài mười năm. Mới năm nao chỉ hai mươi nhà, nay đã sinh sôi đông trên bảy mươi gia đình.

Làng xóm rải rác vào những mảnh nương như treo trên sườn núi. Nhưng khác những làng dân tộc Mông xưa, nay nhà cột kê chân đá chắc chắn, sau bụi chuối xanh ngát. Những cánh rừng trấu, giống trấu ba năm đã hái được quả, hoa nở trắng ngán. Lác đác, ngoài bãi cò tranh, đàn bò vàng rộm. Có nhà có 15 con bò. Hợp tác xã có ngót trăm bò, trên ba mươi mẫu ruộng bậc thang và nương hốc đá với ba trăm mẫu thông, bạch đàn, trấu. Những cảnh đẹp mắt trên là tài sản công sức làm ăn của Cao Thượng hơn mười năm qua.

Nhưng cán bộ Quyết Thành nói với chúng tôi:

- Đương nóng bùng đây. Lo lắm. Đất dốc cao, đất già quá, không nuôi nổi người nữa. Hai mươi hộ ngày trước giờ thành hơn bảy mươi hộ rồi. Chúng tôi đi Bảo Lạc, đi Hà Bắc. Chia ra, ba mươi hộ phải đi.

Ô hay, bấy lâu hợp tác xã đã cố gắng tự túc được một phần lương thực. Năm nay, Cao Thượng bán đối lưu hạt

trấu, gỗ quý, củi và có tiền công tu bổ rừng của bên lâm nghiệp. Rừng thông đã sắp cho nhựa, trấu đã được bán, cơ ngơi hợp tác xã nông lâm nghiệp định cư đã rõ ràng. Sao lại đi? Lại du canh du cư nữa?

Quyết Thành nói rõ hơn:

- Đúng rồi, chúng tôi đương làm khá, có thể sắp trả số lương thực cho Nhà nước, khỏi phải ăn nhờ. Rừng đã cho cái nuôi mình. Nhưng hạt trấu và củi đưa ra lâm nghiệp, ra ngoại thương mới chỉ được cái giấy đem về. Mà nhiều thứ bán rẻ quá, tiếc công khó nhọc. Ba cân hạt trấu, một cân gạo, một xe củi có 40 đồng, lại bảo đi sở lương thực mua gạo, sở lương thực lại cho cái giấy bảo về kho, kho chỗ này cho cái giấy bảo đi kho kia... đi mãi mà cái giấy chưa thành gạo...

Thì ra, không phải vì sản xuất khó khăn đến nỗi phải đi. Mà lại vẫn cái quan liêu phiến hà người ta. Hợp tác xã Cao Thượng đương phát triển, không phải hiện tượng đi xuống.

Về huyện Thông Nông, đi cùng Triệu Đình Khên, người Dao, trưởng ban định canh định cư huyện. Chúng tôi đã cùng một ý kiến với huyện là phải nhanh chóng gỡ ra cái khó khăn không đáng có đương cản trở công việc làm ăn của Cao Thượng.

Không, du canh du cư không bao giờ là thích thú và thói quen của người ở núi. Hợp tác xã đã quây quần trên mười năm, đã ăn nên làm ra, trong khi thực tâm ai cũng thích ở một chỗ cạnh đường, cạnh chợ, có trường học và làng xóm các dân tộc quây quần.

Sang huyện Nguyên Bình. Nguyên Bình núi cao rừng rậm, diện tích định canh định cư nhiều nhất Cao Bằng.

Hợp tác xã Thành Công của dân tộc Dao ở Bản Trang giữa thung lũng, dãy núi Phía Đén bao quanh. Những khóm nhà mái ngói đỏ, trên gác là kho thóc và ngô, trước sân chuồng bò, chuồng lợn. Đâu tràn ruộng bậc thang chan hòa nước cạnh đồi trấu chưa kếp tán, dưới gốc la liệt đỏ tía những bụi dong riềng.

Bản Trang từ lưu lạc đến định canh khác Cao Thượng. Vùng dân tộc Dao đã bao đời đốt rừng phá rẫy. Mưa trôi đất, đá cứ mọc ra, càng đói. Đời này qua đời khác, mòn mỏi.

Hợp tác xã Bản Trang được như ngày nay, có công lao của Bản Thượng Đức - Bí thư huyện - người đã làm bí thư xã Bản Trang nhiều khóa cho tới mới đây.

Thượng Đức kể:

- Có nghị quyết của Chính phủ về định canh định cư, các nhà còn ở rải rác khắp núi. Nghe tiếng gọi các xóm trong rừng họp lại, nhưng có hai xóm trên cao vẫn đi đốt nương. Không thể thế được. Chúng tôi gọi các nhà còn đốt nương xuống, chia vào ở các xóm. Ghép được đủ lao động, trung bình mỗi xóm hai mươi hộ thành 21 đội ở 21 xóm. Khoán sản xuất đến người lao động và ăn chia theo từng đội, nhưng cả xã là một hợp tác xã Thành Công mãi mới được.

Ngôi nhà trụ sở xã, tường gạch và mái ngói cũng giống

nếp trường cấp 2 ở đôi bên cạnh. Xã có nhà gửi trẻ, lớp mẫu giáo, xóm nào có trường cũng còn thiếu lớp. Các em đi học càng đông. Trường bổ túc văn hóa cho cán bộ xã - từ đội trưởng, đội phó sản xuất trở lên. Huyện cũng đặt một phân trường phổ thông lao động vừa học vừa làm tại Thành Công.

Từ 1966, ở Bàn Trang đã có trạm thủy điện 12 ki-lô-oát. Điện cho ánh sáng, chạy máy xát gạo, và đài truyền thanh từng khóm nhà. Đến 1982 khởi công xây hai trạm thủy điện 20 ki-lô-oát ở suối Phia Đén, ở Khao Càng. Đường mương dẫn nước cao hai mươi thước, dài hàng nghìn thước đã xây xong. Nhà đặt máy đã lợp mái, quét vôi, chỉ còn đợi ống và tua-bin, cuối tháng này sở thủy lợi đưa từ Hà Nội lên.

Các xóm khắp xã Thành Công đều có điện.

Bàn Thượng Đức phấn khởi quá:

- Cả huyện Nguyên Bình đang nhìn xem chủ nghĩa xã hội ở Thành Công thế nào.

Huyện Nguyên Bình có mười hai xã, toàn huyện vùng cao. Năm xã trên núi đá, trống ngô hốc đá. Ngày mùa phải đi làm rẫy rất xa, sang bên kia Phia Đén, xuống tận Chợ Rã. Hơn mười năm nay vào vận động định canh định cư, các xã Minh Tân, Bắc Hợp, Tam Kim đã tìm nguồn nước, san đồi, làm ruộng bậc thang mà đủ nước, khác nào có cánh đồng. Lại còn cửa rừng, khai thác gỗ, lấy củi. Từ 1971, trồng trấu và trúc xuất khẩu. Các xã đã theo gương Thành Công.

Hợp tác xã Bản Trang ở Thành Công từ 1981 đã tự túc được lương thực. Sang 1982, làm nghĩa vụ hai mươi tấn. 1983, hai mươi tấn thóc và 150 tấn màu (dong riêng), cùng với 70 tấn nữa bán giá thỏa thuận cho Nhà nước.

Bí thư Đảng ủy Thành Công, Chu Thăng Ích, nói:

- Định canh định cư được có ăn có bán tức là chủ nghĩa xã hội đấy. Nhưng còn bao nhiêu việc khó phải làm. Phải có được cái cày chắc chắn. Có điện, ta làm xưởng chế biến gỗ, không được để gỗ khai thác mục hỏng. Phải làm đường xe vào các xóm. Lại trường các con em đi học. Còn nhiều việc lắm mà.

Bàn Thượng Đức nói, như khoe hộ Bản Trang:

- Miến dong riêng các hàng ăn, các cửa hiệu bách hóa ở Nguyên Bình đều là dong riêng Bản Trang. Không phải chúng tôi có thủy điện chỉ để làm điện đèn đầu. Có thủy điện chạy máy xay xát, chúng tôi cần máy làm thế hơn đèn.

Tôi đã được thấy tác dụng ấy của máy xay xát ở trạm thủy điện Tân Sơn, trên Mai Châu. Khi chiếu xuống, mọi người đi làm về, trong xóm vang lên tiếng giã gạo. Có lẽ chi nghe lạ tai vui tai khách dưới ruộng ở xa tới. Nhưng đấy là bớt được công việc quá khó nhọc cho một người phụ nữ suốt ngày đi làm nương, chiều lại phải giã gạo đến khuya. Không còn thì giờ đâu học chữ, đi họp và nghỉ ngơi nữa.

Bây giờ buổi sáng đem thóc đến, chiều ở nương về, chỉ việc qua nhà xay xát nhận đò gạo của nhà mình.

Khuya hôm ấy, rời Bản Trang về huyện. Ra đến đường

lớn, hơn mười tám cây số rồi lên đèo Lê A. Sương mù dày đặc. Như trông thấy trong ánh sáng đèn xe, rục rờ những con sô của kết quả một vùng định canh định cư.

Ở Cao Bằng, định canh định cư đương làm khẩn trương, nhưng những hợp tác xã trọn vẹn như Bản Trang chưa nhiều. Mà điện làm mở rộng không kịp với số nhân khẩu tăng. Người dè, đất không dè, như ở Cao Thượng.

Định canh định cư ở những vùng nông lâm nghiệp kết hợp, cái phải lo trước nhất là những vấn đề liên quan giữa ruộng và rừng. Không được phá rừng, bởi làm ruộng bậc thang cần nước. Ở Cao Bằng hiện nay, điện nước chủ động do mương máng, sông suối và thủy điện còn chiếm một tỷ lệ thấp, ngoài ra, vẫn trông vào mưa nắng. Hàng chục vạn mẫu đối trọc cần trồng rừng phủ xanh lại để giữ nước, lấy nước.

Năm 1979, Cao Bằng bị tàn phá, cơ sở vật chất chưa hẳn phục hồi lại được. Nhưng, với nhận thức mới về tổ chức, về tiềm lực và phương hướng khai thác thế mạnh của Cao Bằng về đặc sản, đồ tương, thuốc lá và trâu bò, Cao Bằng đã tự túc được lương thực, hoàn thành căn bản định canh định cư.

Lạng Sơn có ngót hai vạn nhân khẩu, nhiều nhất là người dân tộc, các dân tộc Dao và Sán Chi trong diện vận động định canh định cư ở 11 xã hoàn toàn và 28 xã xen ghép.

Tôi đương đi giữa công cuộc vô cùng quan trọng liên quan tới đời sống yên vui, đến công cuộc bảo vệ đất nước của những tỉnh tuyến đầu.

Trụ sở Ủy ban Nhân dân xã Nà Khoái, đường ra cửa khẩu Chi Ma, đường chim bay chỉ trên nghìn thước.

Nà Khoái đương vào vụ mùa như mọi năm. Các cánh đồng chan hòa nước. Trâu kéo bừa từng đàn. Các chị áo chàm biếc vẫn đứng cắm lúa giữa ruộng, mở hội cấy.

Ở nơi sóng gió nhường ấy mà trước năm 1979, chỉ làm được bình quân chín cân lương thực một người. Đến năm 1983, đã hai mươi cân. Năm nay, Nà Khoái làm nghĩa vụ hơn bốn tấn.



Sang Lạng Sơn, tôi đã đi hai huyện Lộc Bình và Đình Lập, đến các hợp tác xã Mẫu Sơn, Nhượng Bạ, huyện Lộc Bình và lâm trường Khôn Đuống, hợp tác xã Khe Cáy huyện Đình Lập. Mỗi nơi một vẻ.

Những nơi, như Nhượng Bạ trên đường rừng sâu xuống Lục Ngạn và ở Khe Cáy, đã thấy được cách thức làm ăn lâu dài. Nhưng cũng có nơi như Mẫu Sơn chưa biết chọn trồng cây nào cho chắc, nuôi con gì có lợi để ổn định và được ở yên một nơi.

Hợp tác xã Nhượng Bạ trồng rừng kết quả có kinh nghiệm. Từ 1974, gây được phong trào cả xã. Trước kia, người ta ngại trồng rừng, lâu quá, bao giờ được cái ăn. Kiên trì trồng rừng rồi từ rừng ra nhiều cách làm ăn khác. Con sò lương thực theo đầu người mỗi năm đã nói rõ sự phát triển: 1975: chín cân, 1976: mười cân, 1977: mười

một cân... 1983: mỗi người mười bảy cân và xã làm nghĩa vụ 25 tấn.

Chủ nhiệm hợp tác xã Hoàng Văn Dấu, người Sán Chi, đưa tôi đi thăm từng khu rừng. Mùa này, khắp nơi thông lên đuôi ngựa lừa tùa. Nhưng Dấu nói, cách đây vài năm, đường vào Nhượng Bàn trở lại đối trục. Những dải ruộng rộng quanh đồi, chưa có mưa rào, mà khe nào cũng chan chứa nước. Trước trụ sở xã, dưới kia có một ao cá. Giữa ao một nếp nhà xinh xắn tám gian chạy suốt, hàng rào cúc tần bao quanh bờ - nhà trẻ của hợp tác xã. Bốn xóm, bảy đội sản xuất, năm nhà trẻ như thế.

Mỗi nhà trong xóm đều cơ ngơi tương tự nhau. Nhà mái ngói, tường trình mát rượi. Hàng sân, đàn gà lẫn lợn với đàn dê. Con dê cái vừa đẻ hôm trước, nằm giữa ổ, trệu trạo nhai cỏ. Bốn dê con còn bết lông, đã lé mắt ra trèo lên nháy rờn trên bụng con lợn nằm ếch giữa sân. Nhà nào cũng tủ, giường, bàn ghế gỗ lát chun, lát hoa. Nhà chủ nhiệm Dấu cũng hết mọi nhà.

Hướng sản xuất để có thể ở yên một chỗ của bà con dân tộc Sán Chi ở Nhượng Bàn đã rõ: trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng. Có được rừng, đồi núi đủ độ ẩm, khe và suối cả năm không kiệt nước.

Kế hoạch tổng thể của Nhượng Bàn như một bức tranh: một dải rừng thông bọc quanh xã. Các núi, các đồi trong làng trồng cây nhiều tầng, như thế, một vạt đất thu được của cải khác nhau. Cây cao mà bóng lá không cớm, dưới có trám đen, trám trắng. Lưng chừng, cây hồi, cây trấu, cây

sở chen nhau. Mặt đất trồng chè, trồng gừng. Dù trâu và hổ có khép tán, các lớp cây cỏ thấp dưới vẫn mọc được - không như trong rừng thông, quanh gốc sạch không một rúm cỏ.

Vào Nhượng Bàn, gặp bộ đội đương đắp nền đường xe lửa mỏ Na Dương ra Bàn Thỉ đầu thị xã Lạng Sơn. Ga Pò Lèn sẽ ở ngay đầu làng. Đấy lại sẽ là con đường giúp Nhượng Bàn chở củi và các sản vật khác, trám đen, trám trắng và chè, và dê, và lợn ra thành phố.

Hợp tác xã Nhượng Bàn bắt đầu khá từ công việc trồng và tu bổ rừng cho lâm nghiệp. Ai đã biết vùng này, lại càng phải khâm phục người trồng rừng. Ngày trước, từ Cao Lộc xuống Lộc Bình, có lần tôi đã qua đấy giữa những ngày giá rét, gió đông bắc tràn xuống, gào đến rợn tai quanh các lòng chảo giữa đồi trọc, người run rẩy đi nhặt phân trâu vế đốt sưởi, vế đun. Mang tiếng ở rừng mà không có một cành củi. Bây giờ công sức người đã khiến những cánh rừng phải trở lại. Và cây có lứa, rừng có tuổi, có quy hoạch, có kế hoạch, những cánh rừng mọc dần lên đã thay đổi hẳn quang cảnh và cuộc đời con người.

Nhưng không phải cứ tự nhiên rồi đâu cũng ăn nên làm ra như Nhượng Bàn.

Hợp tác xã người Dao trên Mẫu Sơn, những ống gang tải nước thừa tận nhà máy đúc ở Hải Phòng đương được lắp từ đỉnh núi xuống các xóm, sang tận Nà Khoái. Khe suối nước Mẫu Sơn rất sâu, các xóm ở lưng chừng lưng núi. Có cơ giải quyết được một phần nước.

Xã trồng hai trăm mẫu thông mà vĩ sắp lấy nhựa. Bị đốt mất 150 mẫu! Cây hiện có: cây chè mới trồng, có mười ba mẫu mạn và một số cây thuốc, xuyên khung, đương quy. Các xóm ở thấp còn làm được ruộng bậc thang. Nhưng xóm Khuổi Tăng, Khuổi Lây trên núi vẫn đi đốt rừng, phát rẫy, chưa cách nào đứng lại được.

Cái chính là tìm ra cây gì lưu niên mà đắt giá nhất. Xóm Bó Pàng trước mặt, nghe tiếng mõ trâu đặc, tiếng gà gáy xôn xao. Thấy giáo hiệu trưởng người dân tộc Dao bảo tôi: làm được vườn rừng vườn nhà, Mẫu Sơn chắc chắn làm giàu nếu được, không lâu đâu.

Mẫu Sơn của huyện Lộc Bình - cùng trên dãy Mẫu Sơn, nhưng Mẫu Sơn huyện Cao Lộc khác, Mẫu Sơn này còn nhiều dở dang. Hồ nuôi cá ở Tòng Seo phí bao nhiêu công đào, nhưng nay hồ đã trở lại bãi đá vôi nước rò rỉ, không cách nào giữ lại được. Ruộng bậc thang trên cao chưa đưa được nước tới. Cây sỡ còn mọc hoang. Đào và mạn cây chưa thành vườn nhà, vườn rừng như bên Cao Lộc. Có thể chè là thế mạnh, nhưng nương chè chưa được bao nhiêu.

Từ huyện Đình Lập ra biên giới theo đường Bản Chắt hơn hai mươi cây số.

Huyện ủy và Ủy ban đã lên công tác trên chốt cả. Chỉ còn Bàn Văn Tài, dân tộc Dao làm định canh định cư ở huyện đi với chúng tôi.

Huyện Đình Lập có năm xã Dao: Bắc Giang, Châu Sơn, Kiên Mộc, Thái Bình, Lâm Ca. Tất cả làm nghề rừng, tu bổ và khai thác.

Tôi xuống hợp tác Khe Cáy, xã Bắc Lãng. Ở đây đã gặp được câu nói “triển vọng tự túc” của Bàn Văn Tài, khi trông thấy quang cảnh đầm ấm của Khe Cáy. Quanh nhà, bờ rào chuối. Vườn kín đáo rào giậu, hàng luống su hào và rau xanh. Khắp đồi liên tiếp những nương chè, lá dầy tròn xoe như mâm xôi.

Chủ nhiệm Bàn Văn Bình mời khách thưởng thức rượu nếp cái và nói:

- Khe Cáy có cây chè trên đồi. Trong rừng trồng trầu, ở góc vườn có cây quế. Quế ven suối, đã cao bằng sào nửa, tốt mơn mớn.

- Đất này trồng quế được không?

- Được đấy, tốt lắm.

Tôi nghĩ đến cây quế quý giá. Cây quế ở Việt Bắc lan từ bên kia sông Hồng sang đông bắc, đến đây đã được đất.

Và ở ngay Lạng Sơn, các huyện Văn Quan, Văn Lãng, Tràng Định phía tây, rừng hồi bạt ngàn. Cây hồi, cây có giá trị đặc biệt xuất khẩu vào châu Âu và các nước Ả-rập. Tuy nhiên, cây hồi vẫn chưa được trồng thành đợt đại trà, chưa được có những rừng hồi lan sang các huyện phía đông đến các vùng định canh định cư.

Những rừng trồng giá trị, đem lại giàu có cho các làng xóm đương cần ở yên. Đồi chè, rừng hồi, rừng quế phải thành nét đậm chủ lực trong kế hoạch lâu dài những làng xóm như Mẫu Sơn và Khe Cáy.

Tôi đến Quảng Ninh giữa dịp hội nghị tổng kết 15 năm

công tác định canh định cư. Quảng Ninh là tỉnh có biên giới 142 kilômét, có công nghiệp lớn ngành than, có rừng, có trung du, có đồng bằng, có một huyện ở đảo và hơn 600 hòn đảo, nhưng trong 12 huyện, năm huyện thuộc diện định canh định cư. Đồng bào Dao và Sán Chỉ ở các khe bản trên triền núi và trong rừng sâu, trước kia sống phát rừng làm nương rẫy lấy cái ăn. Sau vài ba vụ, đất dốc bị trôi lở, lại kéo nhau đi nơi khác. Đời sống dựa vào thiên nhiên, vô cùng cơ cực.

Trong phong trào vận động định canh định cư tỉnh Quảng Ninh có thành tích.

Đến 1983, tỉnh đã công nhận 11 xã, 57 hợp tác xã với các loại hình và hợp tác xã nông lâm nghiệp, lâm nông nghiệp. Sắp tới, làm xong nốt 10 xã và 38 hợp tác xã định canh định cư, Quảng Ninh trở thành toàn các xã và hợp tác xã bình thường mọi mặt như mọi vùng trong cả nước.

Tôi đã có dịp đi một số xã và hợp tác xã đối mặt với biên giới từ huyện Bình Liêu có 48 kilômét.

Bình Liêu đã thâm canh cây hồi, cây quế với phương châm rừng và ruộng kết hợp hỗ trợ. Năm 1982, tỉnh chỉ còn phải giúp bốn tấn lương thực. Nhưng năm 1983, huyện Bình Liêu hoàn toàn tự túc và ngoài lương thực làm nghĩa vụ, còn bán đổi lưu.

Cả sáu xã huyện Bình Liêu đều có biên giới với huyện Đông Hưng, tỉnh Quảng Đông và huyện Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.



Từ huyện xuống qua sông Tiên Yên vào xã Tình Húc buổi sáng, các xóm rộn ràng ra cánh đồng đương vụ cấy.

Chưa ở đâu trên miền núi cao có cơ sở nuôi cá giống gồm hàng chục ao cá rộng tới 34 mẫu, như ở hợp tác xã Tình Húc. Ngay cả ở huyện Mai Châu dưới Hòa Bình, các làng bản nhà nào cũng nuôi cá nhưng cũng không có ao cá giống quy mô đến như thế. Những mặt ao giữa cánh đồng như những tấm gương long lanh bốn phía ruộng bậc thang tầng tầng vồng lên mãi các xóm trên lưng núi tận Khe Và.

Trở xuống huyện Tiên Yên, đến hợp tác xã Khe Táu. Công việc và quang cảnh canh tác ven biển lại khác hẳn trên Tình Húc. Người Khe Táu thông thạo ba nghề: làm ruộng, làm nghề rừng và ra biển làm cá. Lại một cung cách làm ăn khác của một vùng Dao đã định canh định cư giàu có.

Tôi ngồi với chủ nhiệm Dì Dấu, trong ngôi trường mới xây, tường gạch mái ngói, cột và xà lim kiên cố.

- Năm mới đến đây thôi, chỉ biết đi trồng rừng và cầm sổ đi lĩnh gạo về ăn. Ai cũng biết thế không phải lối làm ăn lâu dài. Nhưng làm thế nào bây giờ? Chúng tôi cho người về huyện Quảng Hà xin giống quế về trồng thử. Rồi biết đất này hợp với cây quế. Bây giờ đã ngoài mười năm, quế đã được bóc. Từ lâu, hợp tác xã chúng tôi đã trả lại sổ gạo Nhà nước. Khi ấy bắt đầu có thủy điện, máy xát, điện truyền thanh.

Tôi hỏi:

- Thế nhà anh bây giờ ra sao, dễ chịu không?

- Nhà mình à, cũng chưa có gì mấy. Năm ngoái bán cho Nhà nước tinh dầu quế rồi để mười nghìn đồng mua công trái. Bây giờ còn 29 con bò, con trâu...

Ôi trời! Nhà anh Dì Dầu chưa có gì mấy! Và anh Dì Dầu lại cười:

- Giá có thì giờ đi xem rừng quế, xem ao cá, xem thủy điện, thế mới là biết được tất cả hợp tác xã Khe Táu.

Tiếc đi xem nhiều cái hay, cái tốt ở đây thì còn nhiều. Cũng tiếc như hột chuyến đi vùng Đá Trắng huyện Hoàn Bồ, phía tây. Đèn dầu cũng tiếc chưa đi thêm nữa.

Ở Quảng Ninh, trong các vùng định canh định cư, đã làm được 748 kilômét đường ô tô lâm nghiệp đến các xã và 582 kilômét đường dân sinh nối các khe bản. Và ở khe bản, đâu có suối, có nước ăn, đấy đã có thủy điện. Thoạt nghe tưởng như chuyện xa xôi, khi ta nghĩ tới bỗng đứng trên các cánh rừng đỉnh núi hoang sơ mà đèn điện sáng choang. Không, đấy là sự thật hiển nhiên. Bởi điều quan trọng bậc nhất là "than đá trắng" để chạy điện, sông suối đâu cũng có và phương tiện kỹ thuật là công việc của tổ chức và đã có các vùng công nghiệp hỗ trợ. Điều tốt đẹp ấy không chỉ trong tưởng tượng. Đây là thực tế và hiện thực đời sống vùng cao ở Quảng Ninh ngày nay.

Hôm tôi đi từ Bình Liêu về Hòn Gai, dọc theo bờ sông Tiên Yên qua ngã ba Tiên Yên - Ngàn Chi, Tiến Hồng cho tôi biết:

Ở Pắc Púng cạnh ngã ra sông kia, đương thiết kế một trạm thủy điện 200 ki-lô-oát. Chúng tôi đã làm khảo sát và kết luận huyện Bình Liêu có 12 điểm làm thủy điện nhỏ được. Khi xong, cả Bình Liêu có điện.

Đời sống của các vùng định canh định cư ở Quảng Ninh, bên cạnh quang cảnh ở Bình Liêu và Tiên Yên mà tôi đã thấy, những con số ở khắp nơi thật khích lệ.

Trong 15 năm, đã xây được 95 cụm trường phổ thông cơ sở, nhiều trường xây bằng đá, bằng gạch, lợp ngói.

Số đông hợp tác xã có mức ăn từ 18 kilôgam lương thực trở lên. Khe Táu, Phú Cường, Tân Lập (Tiên Yên), Thanh Lâm, Lũng Ván, Ba Nhất (Quảng Hà), Noòng Móc, Ngàn Vàng, Lục Ngũ (Bình Liêu), Tiến Thành, Khe Hố, Tiên Phong, Bằng Lan, Khe Mười (Ba Chẽ), Tân Thanh, Tân Tiến, Tân Định (Hoành Bồ)...

Nhà ở, đồ dùng, phương tiện thông tin văn hóa khá phong phú. Hợp tác xã vùng cao Tân Thành xã Đông Quảng (Hoành Bồ) nhà nào cũng có xe đạp, bàn ghế, giường tủ gỗ quý, ai cũng biết chữ, nhà nhà chăn màn đầy đủ mùa hạ mùa đông. Hợp tác xã Quảng Lâm đã trồng tập trung hơn 400 mẫu quế, 100 mẫu sa mộc, đợt nào cũng bảo đảm dân công tái gạo lên các chốt ở Cao Ba Lanh, Pò Hèn, Thán Pún.

Tênh Tăng Phúc, chủ nhiệm hợp tác xã Thanh Lâm (Quảng Hà) - một thanh niên dân tộc Dao, có tài sáng tạo đặc biệt. Chỉ học bỏ túc văn hóa lớp ba, Phúc mày mò tự

thiết kế được trạm thủy điện Lý Sáy, cùng với máy xay xát, máy chế biến gỗ, máy thái thức ăn cho lợn và hai xóm điện sáng.

Tỉnh Tăng Phúc kết luận câu chuyện xây dựng hợp tác xã và làm thủy điện:

- Năm nay, hợp tác xã chúng tôi xin tỉnh bán cho cái máy thu hình để đi làm về ngồi xem như ở tỉnh.

Cả hội nghị cười ầm. Tiếng cười hoan nghênh. Bởi vì, đài truyền hình Quảng Ninh đã khai trương từ đầu năm 1984. Tất nhiên, con đường phải như thế, những xã viên hợp tác xã đã có điện phải được là khán giả của đài, đâu ở đồng bằng hay trên đỉnh núi, trong rừng.

Háng Bla

1

Không biết ai đã khéo cho cây thuốc phiện cái tên mỹ miều là “cây anh túc” nhưng chắc vì cái cây dữ dằn lại thuận tiện chữ nghĩa đã lâu đời cho nên người ta cứ cây thuốc phiện mà réo, nghe ra vẫn thuận tai hơn.

Năm 1952, tôi đi chiến dịch giải phóng Tây Bắc, cùng một tổ vũ trang vào trong vùng bị chiếm, khu căn cứ du kích của người Mông ở dãy núi Tà Sùa Châu Phù Yên. Đồn bắt dịch rải rác trên cánh đồng Mường Tấc từ châu lỵ ra cửa Vạn. Nhưng các làng mạc trên núi vẫn là khu du kích

đã nhiều năm bảo vệ đường giao thông bí mật từ vùng tự do ngoài Phú Thọ vào đi suốt các núi ra bến Pác Lùm, Pác Ngà sang Sơn La bên kia sông Đà.

Còn nhớ như in bảy giờ đương những tháng cuối năm núi rừng trập trùng viền quanh những nương thuốc phiện đương mùa hoa. Hoa thuốc phiện sắc sỡ các màu như những đàn bướm rong, bướm phượng khoe sắc đương bay. Không phải một cây ra hoa ngũ sắc, mà hoa tím, hoa trắng, hoa vàng, hoa hồng, là mỗi cây mỗi màu hoa mọc chen nhau.

Người Mông trồng được cây thuốc phiện vì những vùng núi cao ấy khí hậu nhiệt đới, hợp với cây thuốc. Cũng hạt thuốc phiện đem gieo ở các vùng thôn làng người Thái, cây chỉ ra hoa, không được quả. Năm vừa qua vùng Đán huyện Từ Liêm trồng cây thuốc phiện được hoa đem bán chợ giả làm hoa tuy líp, nhưng hoa mông manh chóng héo, và chắc chẳng phải ngăn cấm, cũng không ai trồng cái cây có hoa chỉ nửa buổi đã héo rũ.

Hạt thuốc phiện như hạt vừng và ở nương cũng chỉ cao như cây vừng, cây cà chua. Lá non ngắt nấu canh cũng ngọt như rau đay, rau ngọt trong rừng. Mùa xuân mưa bụi, làm kỳ một vạt đất bên sườn núi, ủ phân gà. Nương chỉ một khoảnh đất nhỏ, cây lên chỉ chút, gieo hạt mùa xuân, sang thu đã trổ hoa và ra quả. Ở Tà Sùa bảy giờ đã tàn mùa hoa đương ra những quả như quả cà chua xanh, nhưng những nương trên cao thấp thoáng còn bóng hoa, bóng quả ngậy ngắt lạ lùng.

Cuối mùa đông, quả thuốc phiện già màu xanh sẫm nổi phấn trắng. Chập tối, người ra nường cầm con dao sắc lưỡi mảnh như lá lúa khía quanh quả thuốc rồi đặt bát hứng những giọt nhựa trắng như sữa nhỏ xuống. Qua đêm, quả ra hết nhựa khô kiệt, đem bát nhựa đổ vào cái chảo đồng to đặt trên bếp. Nhựa thuốc được đem quánh lại, đen nhánh, nặn thành bánh.

Khi đã lấy hết nhựa, lại gỡ luống. Phơi đất ít ngày đợi mưa rồi làm đất nhỏ tơi, rắc phân gà, lại làm nường mới.

Từ bao giờ, thuốc phiện là của cải trong nhà, chẳng khác đồng bạc trắng. Còn hơn bạc trắng, vì bạc trắng để làm vòng bạc, thuốc phiện bán lấy tiền chi tiêu mua sắm. Đã thành tập quán, ở lâu một nơi đất nường bạc màu, phải đi tìm ở núi khác. Đàn bà đeo túi váy áo, đội cái chảo gang để thối nấu. Trẻ con xách cái kiếng, địu con dao, cái bướm. Đàn ông đeo những ông hạt giống ngô, bầu bí, hạt thuốc phiện. Không phải người Mông nào cũng hút thuốc phiện như thường tưởng nhầm. Đây là hạt giống làm ra của cải. Cũng như ở suối Giàng, ở Lũng Phìn (Hà Giang) có cả nường chè nhưng người Mông ở đấy không uống chè, những rừng chè đã có từ các đời trước. Người Dao uống chè, người Dao đã trồng những rừng chè ấy. Rồi đến khi đất nhạt, cấy lúa cây ngô xuống không nên ăn nữa, phải đi tìm đất mới, bỏ lại rừng chè. Rồi người Mông tới ở, trồng ngô và cây thuốc phiện. Những rừng chè hoang dại ngày nay lại thành cây công nghiệp đắt giá.

Đời sống hàng ngày của mỗi nhà người Mông chia ra rành rō. Cái ăn thì trông vào cây ngô ngoài nương, trong hốc đá. Người Mông ăn ngô quanh năm, Tết đến mới thổi xôi, nấu cơm. Nuôi con trâu cày nương, con trâu cày khéo, một chân đứng một chân quì trên nương dốc. Săn con thú, nuôi lợn lấy mỡ thắp đèn, thịt thì xả ra, ướp muối, treo gác bếp làm thức ăn quanh năm. Cây lanh tước sợi làm váy. Cây chàm để nhuộm áo. Nương thuốc phiện lấy tiền sắm sửa vật dụng trong nhà.

Chợ trên núi, đi vất vả cả ngày đường, con lợn nặng hàng tạ không khiêng đi bán được. Cái hời còn nhà mậu, đi mua lợn trên núi, nhà mậu phải mổ lợn tại nhà rồi khiêng thịt về, cũng không thổ linh kinh quả bí, củ khoai lang ra chợ. Nặng gầy vai mà chẳng được mấy đồng tiền. Thế nhưng chỉ đồng cân thuốc phiện đã có cả một năm bạc.

Trong nhà người Mông, đã thành nếp lâu đời, con cái chín mười tuổi đã làm nương thuốc riêng. Nương thuốc nhỏ, không rộng cả sườn đồi như nương lúa, nương ngô, ai nấy xôi bón, làm cỏ, đến vụ thì khĩa quả lấy nhựa đem chợ bán. Tiền ấy chỉ tiêu trong nhà: chai dầu, can muối, tấm vải đẹp, chỉ thêu... trai gái thì dành vốn riêng sắm sửa thất lưng điều, ô đen, tim bạc trắng đánh vòng vĩa, vòng cổ - những thú vui cần thiết của trai gái sắp đến tuổi dựng vợ, gả chồng.

Năm nào sương muối nhiều, mất mùa thuốc thì thiếu đói trông thấy.

Thời trước, nhà Doan (douane) của Pháp độc quyền mua và bán thuốc phiện và rượu. Buồn lậu thuốc thì bị phạt, tịch thu gia sản, ngồi tù. Thuốc phiện Pháp bán ra đóng vào những cái hộp tròn mạ đồng. Có khi bán sỉ cân tiểu ly vào cái hén cho người nghiện nghèo. Chỉ có các đại lý được bán, đại lý thuốc phiện cũng như đại lý rượu. Ở các phủ, huyện lỵ và trong phố, nhà đại lý được treo cái bảng sắt tây sơn chữ RA (régie alcool: ty bán rượu) và RO (régie opium: tiểu bài bán thuốc phiện).

Cũng lạ, thời kháng chiến, Pháp chiếm Tây Bắc, có các làng người Mông trên núi vẫn trồng thuốc phiện, nhưng các làng trên núi đều là khu du kích, Pháp đánh không được, nhưng dưới các chợ vùng thấp thì người Mông trên núi tự do về bán thuốc phiện, đồn Tây không xét hỏi, bắt bớ ai cả.

Năm ấy tôi ở lại Tà Sùa suốt mùa khứa thuốc phiện, trong tháng giêng ăn Tết năm mới. Ngày đêm, mùi thuốc phiện nấu, thuốc phiện hút ngào ngạt các xóm. Đến mùa thuốc hầu như ai cũng hút, chỉ hút chơi qua mùa thì thôi. Thuốc tươi mùi ngai ngái, không ngậy như thuốc hộp ngao đồng bán ở các đại lý.

Nhưng thu xong mùa thuốc, không ai hút nữa. Chỉ còn mấy người già nghiện quanh quẩn bên bàn đèn mà thôi.

Hòa bình đã lập lại trên miền Bắc, mấy năm sau tôi có dịp lên Sảng Tùng huyện Đông Văn (Hà Giang). Cả tỉnh đương mở cuộc vận động không trồng thuốc phiện, cấm

thuốc phiện. Mấy năm trước, vẫn trồng thuốc và mậu dịch thu mua. Sau nghe nói thuốc phiện ta xuất khẩu không cạnh tranh được với thuốc phiện các nước cũng của dân tộc Mông sinh sống liền biên giới nước ta. Các vùng thuốc phiện ở Vân Nam, Quý Châu Nam Trung Quốc và Bắc Lào, Thái Lan, Miến Điện đến khu vực thuốc phiện nổi tiếng thế giới gọi là khu "Tam giác vàng" - ở đấy, cả vạn quân Tàu Tưởng bại trận chạy dạt sang định cư trồng thuốc, lập nhà máy chế biến thuốc phiện trắng hêrôin.

Trong khi ta chỉ cần ít thuốc phiện dùng bào chế thuốc, mà để tràn lan người hút, người nghiện, sinh ra mọi tệ nạn xã hội. Thế là cấm. Cuộc vận động được tổ chức thành các buổi học tập đến mỗi nhà trong xóm, làm nghiêm ngặt, vừa tỉ mỉ vừa công thức. Cả xóm ở Sảng Tùng như thế. Cán bộ trên về, ra các câu hỏi: thuốc phiện có lợi gì, có hại gì? Có nên trồng thuốc phiện không, tại sao không trồng thuốc phiện? Không trồng thuốc phiện thì trồng cây gì thay vào để có tiền đi chợ mua sắm...

Lần lượt, từng người vừa nói vừa kiểm điểm, hứa hẹn. "Nhà tôi xin hứa..." vân vân... Ai cũng giơ tay: "Cán bộ đã bảo thuốc phiện hại to thế thì tôi nghe ra rồi." Có người vắn: "Nghe ra mà thấy mày quày phân gà đi đâu? Nương thuốc nhà mày ở núi nào, ai biết mà đi phạt được? Nói dối, nói dối cán bộ rồi..."

Mấy người già thì lẩm nhẩm như khấn: "Không được hút thuốc phiện, người già chóng lên "đường trời" đấy". Có các bà, các chị nhất loạt ai cũng thù ghét thuốc phiện. Thằng

chồng mới hút thì nó đi cây khỏe hơn con trâu, nhưng đến khi nghiền vào, hai vai xo lên, suốt đêm chỉ nằm quanh cái đèn, cái dục tẩu, đã sợ việc lại quên cả vợ. Cán bộ kết luận: “Không trồng thuốc phiện! Kiên quyết! Kiên quyết! Đồng ý! Đồng ý!” Người già vắn van lạy, cán bộ quyết nghị thêm sẽ hỏi cấp trên xem người già nghiền có được giữ ống hạt, trồng lấy thuốc hút, cho đến bao giờ chết thì thôi, có được không?

Có cuộc họp to cả huyện bàn về trồng cây gì cho ra tiền được như cây thuốc phiện. Tính mãi không ra nhẽ, toàn những cái khó. Củ tam thất thì vài năm mới lấy được mà trồng vườn còn khó giữ hướng chỉ làm đại trà ra ngoài rừng, không ngồi lều gác quanh năm được, kẻ trộm sẽ đào hết. Cây xuyên khung thì dỡ cả nương đem trạm xá cân chỉ được vài đồng tiền. Đậu tương không hợp đất, bón phân gà phân lợn đậu xót thối rữa. Cây đào, cây mận, nhà nào cũng sẵn đấy, nhưng không có đường vào làng, không có người lên mua. Đến mùa quả, cả lợn, cả chó, cả bò ngựa với người suốt ngày phải nhá mận đào. Còn cây quế thì nghe bên Đông Bắc trồng thành rừng chẳng phải mất một đũa phân, nhưng mười năm trở ra mới bóc được quế, mà cũng chưa ai trông thấy cây quế bao giờ.

Không bàn ra cái gì kiếm được tốt tiền như cây thuốc phiện. Vài hôm đến hạn, cán bộ vận động ở huyện ở tỉnh được tập trung lại đi việc trọng điểm khác. Huyện thì không có người chuyên trách cây, con. Xã thì chỉ ngồi ở xã, bảo sao nghe vậy. Lại thôi, lại quên đi.

Kể ra cũng đến một dạo, không nhà nào ra mặt trồng thuốc phiện. Chỉ những nhà có người già nghiện thì hàng năm lên ủy ban xin trồng đổi hạt giống, kéo để lâu dạt điếc hõng. Biết những nhà nào, chỉ biết vẫn có nương thuốc, vẫn có người lén lút lên mua. Dần dà, chẳng rõ từ mùa nào, nương thuốc phiện lại nở hoa như bướm bay quanh nhà. Người chức việc chẳng nói gì.

Đến lúc người nghiện nhiều, người buôn bị bắt nhiều, phải phạt tù nặng, bấy giờ lại cấm. Từ đầu năm, đã đốt hàng tạ thuốc tịch thu được. Chủ tịch, bí thư huyện về tận xã, trèo lên nương, đứng chủ trì mít tinh phá nương thuốc.

Mới đây, tôi lại có dịp lên Tà Sùa, lên Sảng Tùng, từ Lai Châu sang Hà Giang. Ở cuộc họp, gặp lại Mùa Chống Cự, Sùng A Lữ, cái năm xưa ở đội du kích, hăng hái giơ tay hô xóa nương thuốc, bây giờ là những ông lão ngồi trước mặt cán bộ, kêu xin được giữ ống giống: "Không có thuốc thì tao phải lên đường trời ở với tổ tiên, các con các cháu ơi!"

Tôi hỏi vui:

- Ở bên Tây, các làng làm đồn điền ăn lương trồng cây dâu ô liu, cây cam, cây bưởi lấy quả xuất khẩu. Ta làm được không?

- Nghe nói làm được đấy. Ở Púng Luông bên Mù Cang Chải, người Mông vào làm ăn lương nông trường, nhưng trồng cây quế không nên, lại thôi.

Cuộc họp lại đương bàn đến mục trồng cây gì thay cây thuốc phiện cho nhà có tiền đi chợ mua cái ăn, cái sắm.

- Cái bắp bên Sa Pa.

- Trồng rồi, cái không cuốn lá, con ngựa ăn lá xanh cũng đắng quá nhả ra.

- Còn cây xuyên khung thì sao?

- Trăm xá giải tán đã lâu, không có người về mua nữa.

- Mới đem lên cây cái đầu đem trồng thử ở Văn Chải.

- Cũng nghe nói thế.

Đến đây, cán bộ nói:

- Mời đồng bào ngày kia ra huyện dự lễ đốt tạ thuốc phiện mới bắt được.

- Phí quá nhi!

- Có cả thuốc phiện trắng.

- Ta chưa làm được thuốc trắng mà!

- Nó buôn ở nước khác đem về nước ta.

Người Mông trồng cây thuốc không phải vì nghiện, vì chơi bời, mà cái chính cây thuốc phiện là của cái quan trọng trong nhà. Nhiều người, nhất là giới phụ nữ, thù ghét thuốc phiện là đằng khác. Nhưng mà triệt một cái nhất định phải có cái khác cho có được manh áo, miếng ăn, người ta vốn đã quá nghèo. Chưa có cơ quan nào thật sự lo và chịu trách nhiệm đến nơi đến chốn vấn đề này.

Và lại an ninh, lại tệ nạn xã hội thì ngăn ngừa thế nào đòi với thuốc phiện, nghiện hút đã sinh ra từ xa xưa. Thời trước, Pháp cũng đã đối phó ráo riết. Thuốc phiện luôn biên giới xuống, không bao giờ qua các thành phố, mà nó tránh các đồn bốt, trạm gác, tắt rừng ra Đông Bắc, xuống

tàu sang Ma Cao, Hồng Kông. Không phải tự nhiên, các thị trấn Tiên Yên, Bình Liêu, Hà Cối mọc lên giữa rừng khuất nẻo - đấy có những tổ quý ăn chơi cờ bạc, nơi qua lại của những lái thuốc, lái trâu lão luyện giang hồ.

Chỉ một cây rừng ở nơi hoang sơ trong đời sống kinh tế gia đình thô lậu, nghèo nàn thành một tai họa phải là quốc sách tiêu trừ của nhiều nước và cả thế giới. Vật nhau với cây thuốc phiện không thể chỉ bị động và đối phó. Vừa khó khăn lại vừa dễ ợt: làm thế nào tước đi được cái ống giống hạt thuốc vẫn treo trên gác bếp mỗi nhà, làm thế nào?

2

Năm ấy, Háng Bla có hai cái vui lớn. Tết to vừa đến thì từ sông Hồng vào sông Đà, ở Sơn La, lên đại quân vào mở chiến dịch đánh các đồn Tây tan tác hết, cả miền Tây Bắc đất nước được giải phóng.

Về Háng Bla, tôi vào nhà đội trưởng du kích Lý Nữ Chu. Tây đã treo thưởng một tạ muối cho ai cắt được đầu Lý Nữ Chu. Thật các đồn Tây đi càn cũng chưa lần nào lên được Háng Bla. Ở xa nhìn chỉ thấy đá, không nhận ra những nếp nhà viên bên mép núi. Đến mùa, hoa thuốc phiện nở như cả vạn màu tím, màu vàng lưng núi. Bấy giờ cũng đã tàn mùa hoa, những quả thuốc to bằng quả cà bát đã lên phấn trắng. Đêm đêm ra đặt bát khía cho nhựa thuốc chảy xuống, rồi bắc chảo đồng nấu lên.

Mùi thuốc phiện ngai ngái thơm ra tận ngoài rừng. Nhà nhà nấu thuốc, đôi người hút chơi. Không phải ai cũng nghiện, mà hút vui ngày mùa, chỉ có vài người già không bỏ được mà thôi. Cái rét trên núi cao đắm mùi củi gỗ pơ-mu sưởi ấm như hương trầm. Cây pơ-mu ở núi thân thiết như cây tre dưới cánh đồng. Quý hơn cây tre, cây pơ-mu được nhiều việc hơn cây tre. Mùa thu, cây pơ-mu sắn nhựa thì hạ cây, lấy búa xẻ đẽo thành ván, vác về lợp mái nhà, dựng vách. Cái gốc, cái cành đem về làm củi đun, đốt sưởi. Cả đêm, mùi pơ-mu thơm ngào ngạt.

Tết ấy, Háng Bla thật vui. Lý Nữ Chu bảo:

- Mai xuống Khau Pha ăn Tết nữa. Bây giờ không còn Tây, đi đâu cũng có Tết.

Lại nói với vợ:

- Nhớ đem thuốc, dưới ruộng không có cái hút.

Tết giải phóng đầu tiên đến quanh triền Khau Pha ra Mường Than. Chúng tôi xuống Tú Lệ, cùng đi có Đại đội trưởng Kim Sơn đã nức tiếng du kích ở hậu địch. Hôm ở Tú Lệ đi, vợ chồng Lý Nữ Chu đưa ra tận đầu nương. Lý Nữ Chu khoe:

- Ta sắp được về tỉnh Nghĩa Lộ công tác.

Ít lâu sau, chiến sĩ dân quân toàn quốc Lý Nữ Chu về tỉnh làm Phó Chủ tịch. Một lần, tôi đến thị trấn Nghĩa Lộ, nhưng không gặp Lý Nữ Chu. Chị ấy buồn buồn nói: "Nó về Háng Bla công tác cấm trồng cây thuốc phiện". Bao giờ trở lại?" - "Chắc còn lâu. Trên ấy sắn có thuốc hút." "Cấm

cây thuốc lại hút thuốc a?" Người vợ cười: "Thấy bảo cho người già hút nốt đời mà".

Năm sau, vợ chồng Lý Nữ Chu trở về ở hẻm Háng Bla. Làng Háng Bla vẫn bên sườn đá. Những mái nhà lợp gỗ phơi-mu đen màu đất lúp xúp viền những tảng đá phơi lên những tấm vảy chàm đốm như bướm đậu. Không còn hoa thuốc phiện sặc sỡ như năm nào. Việc cấy trồng cây thuốc phiện vẫn nghiêm ngặt. Những miếng nương trồng thuốc đã cấy luống cải bên cây đào, cây mận gốc lăm bùn từng vệt. Con lợn, con dê trèo vào phá vườn, bỗng ngựa sườn, đứng cọ góc cây. Cảnh hoang sơ, buồn buồn.

Lý Nữ Chu trông sạm như ông lão, không nhanh nhẹn như hồi bên Nghĩa Lộ. Lý Nữ Chu đứng dậy, xách một cái ống trên gác bếp xuống.

- Ông hạt giống thuốc đây. Xã chiếu cố mình đã làm Phó chủ tịch tỉnh lại nghiện đã lâu, mà già rồi, được trồng lấy hút.

Tôi nghĩ xa nghĩ gần, không chỉ một mình Lý Nữ Chu - mà thống lý Chống Lầu ở Háng Chú, Mường Tắc đã về khu công tác, mà Anh hùng quân đội Sùng Phai Sinh ở Pú Nhung trên Tòa Chùa cũng về tỉnh, về khu rồi ngồi bàn ghế cả ngày không quen, cứ tha thẩn đợi nghe kèn thì cầm bát đĩa xách thêm cái phích xuống nhà bếp ăn tập thể. Ngày lại ngày, đậm buồn.

Chẳng bao lâu Chống Lầu lại về Háng Chú cưỡi ngựa lên nương. Sùng Phai Sinh thì trở lại Pú Nhung đánh trâu

đi cày. Lý Nữ Chu về Háng Bla cạnh bếp sưởi, tiêm thuốc hút. Ngồi đánh sái, hai vai so lên. Vợ Lý Nữ Chu tiến tới đi, chị nói: "Chèo lú" (trở lại) và chùi nước mắt. Chắc nhớ những ngày tưng bừng vừa qua dưới Nghĩa Lộ.

Bao nhiêu năm sau, một ngày kia, tôi lại có dịp qua Háng Bla. Tôi biết tin từ lâu vợ chồng Lý Nữ Chu đã ốm bệnh, mất cả, nhưng làng Háng Bla thì vẫn đây. Những nếp nhà ven tảng đá. Giữa bếp, trên cái kiềng cao, thạp ngò bung đương bốc khói. Bếp nhà người Mông quanh năm than củi gỗ pơ-mu thơm ấm khắp nhà.

Một chị lưng địu con, run rẩy hai chân như đưa vông, "mí nhùa, mí nhùa..." (con ơi, ơi con). Cái váy, chiếc khăn hoa đỏ ánh hồng hai má. Người thiếu phụ vừa ru con vừa trông bếp, lại vừa nghe tiếng reo ngoài đám đánh pao ngày tết ở đầu làng.

Trong phán, một người đàn ông nằm co ro bên bàn đèn. Tôi cất tiếng:

- Bạn ông Lý Nữ Chu về chơi tết đây.
- Tôi không phải Lý Nữ Chu đâu.
- Biết Lý Nữ Chu đã chết rồi.
- Ông trông tôi có già bằng bố tôi chưa?

Nói rồi cười xệch miệng như mếu. Tôi nghĩ cũng buồn cười mà không dám. Tôi kém Lý Nữ Chu một giáp. Tôi không thể nhận ra thằng bé con này ngày tết năm xưa quanh quẩn bên mâm rượu có khách đại đội trưởng Kim Sơn và tôi. Nhận ra sao được, nó nghiện oạt, đâm già quá rồi.

Tôi hỏi người vợ:

- Không được trồng cây thuốc từ lâu rồi mà?

Người vợ nói:

- Cắm rồi. Lại mới cắm đấy. Ngày trước bảo thay cây đào, cây xuyên khung, rồi chẳng có người về mua, đào phải cho lợn ăn, xuyên khung thì phơi rồi đun bếp.

Lại nói:

- Nhưng mà tôi có cần cây thuốc đâu, tôi chỉ muốn thằng chồng khỏe thôi. Nó khỏe cũng bằng nhà có con trâu, làm ruộng làm nương được thì ra tiền.

Người chồng vung cái tẩu lên, bỗng cười to:

- Hôm nọ tôi đi họp việc cắm trồng cây thuốc. Tôi giơ tay đồng ý ngay. Người ta lại bảo mày già rồi, cho giữ ống hạt giống, ngày trước bố mày cũng được ống hạt giống. Trồng lấy thuốc mà hút, không được bán. Bán thì phải đi tù. Đi tù không có thuốc hút thì mày chết.

Người vợ cười nói:

- Vì nghiện mà gầy, mà lười thế, nó hơn tuổi tôi không nhiều, nó chưa già đâu. Cho nó hút hết ống hạt giống này, sang năm tôi cắm.

Tôi bảo:

- Nó phải sợ vợ thôi. Nhưng cây đào, cây xuyên khung không ai mua thì cây gì làm ra tiền bằng thuốc phiện?

Chị trở ra vạt nương xanh rờn ngoài đầu núi:

- Cây cải dầu, cây cải dầu lên tốt lắm. Nhà nước cho hạt giống...

Rồi lại vừa rung đùi con ngái ngủ trên lưng vừa nói:

- Biết rồi mậu dịch có về mua cái dầu không? Một ông cho giống, một ông thu mua mà, hay lại bỏ quên như quả mận, quả đào...

Tết này, Háng Bla vẫn đầm ấm như năm xưa. Vợ chồng nhà ấy cũng như con cái, chúng nó mỗ lợn, đánh chấu tiết canh rồi gọi cả xóm đến ăn tết với "bạn bố tao ở Hà Nội về chơi". Tôi lại lần lượt chén cỗ khắp các nhà rồi mới đi được. Cái vui năm mới, cũng lại cái bần khoản năm mới vẫn dang dai, lần quất chưa dứt vì cái cây thuốc phiện ma quái.

3

Tôi có duyên với Sùng Đô ở Nghĩa Lộ, đã được qua lại mấy lần. Chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952, bộ đội vào trú quân ở Sùng Đô, tấn công xuống Nghĩa Lộ. Giải phóng rồi đương những ngày tết, tết cổ truyền và tết giải phóng. Tôi cũng chẳng để ý ngoài quang cảnh làng xóm từng bừng và những nương thuốc phiện sương đọng như tuyết lung linh đốm hoa hồng, hoa tím, hoa vàng.

Sau đây, nhân ngày thành lập tỉnh, tôi lại được lên Sùng Đô. Tôi đến nhà cụ Giàng Nhì Páo - mà người làng gọi là ông lão Đá, bởi vì cụ Páo lúc nào cũng như tảng đá. Ông lão ở xóm dưới bảo: "Lúc tao còn trẻ đã thấy ông Páo già như bây giờ. Ông Páo không có tuổi. Biết đếm đâu mà nhớ được". Nhưng thật ngạc nhiên, tôi vừa vào nhà, cụ Páo nói:

- À bộ đội về đánh Mường Lò đây mà.

Cụ Páo chẳng quên, cụ Páo vẫn nhớ. Cụ Páo to lớn, lực lưỡng, mặt đỏ tía như quả bồ quân, đứng cao ngang cái tai cối đá bên cửa vào.

Tôi hỏi:

- Cụ được bao nhiêu tuổi rồi?

Cụ Páo giơ ngón tay cho tôi đếm.

- Cụ năm nay tám mươi.

Cụ gật đầu. Dương tháng tám tháng chín, hoa thuốc phiện rục rở các màu như bướm bay cạnh những nương lúa chín vàng rục các sườn núi quanh xóm.

Tôi hỏi:

- Mùa này, nhà ta được nhiều thuốc hút rồi. Cụ Páo lắc đầu.

- Tao không hút.

- Sao bảo trồng thuốc phiện cho cả làng, cho người già hút?

- Không phải, đứa nghiện nói thế thôi. Đàn bà cũng ghét thằng nghiện. Nó bỏ đi cày, chẳng làm gì, lười lắm, chỉ nằm quanh cái bàn đèn.

- Thế mà ngoài nương nhiều cây thuốc phiện thế kia?

- Thuốc phiện đem chợ bán lấy tiền tiêu thôi.

Tôi rõ: Vùng cao có người nghiện chứ không phải ai cũng nghiện.

Họ Giàng đến Sùng Đô, đời cụ Páo là thứ nhất. Từ ngày

vỡ mảnh nương đầu tiên cứ đến mùa, cụ Páo lại dặt trâu ra, cày xong, lên đầu nguồn be bờ giữ cho nước xuống ruộng đều quanh năm. Năm nào cũng thế. Cũng chẳng khác nào cả đời cụ Páo ăn bột ngô. Như ông tiên trên núi, ăn hương ăn hoa.

Tôi lại lên Sùng Đô. Có Giàng A Thảo ở Sùng Đô được phong anh hùng nông nghiệp. Tôi đi viết phóng sự về sự kiện lớn này của một vùng núi (Lên Sùng Đô, phóng sự, NXB Phổ Thông 1969). Cả làng Sùng Đô được hưởng tinh thần anh hùng ấy. Bởi vì, làm nên những đổi nương giàu có, là công lao của cụ Giàng Nhìa Páo, của Chủ tịch Vàng Trờ Ký, của các trưởng xóm Giàng A Thảo, A Súa và mọi người cả xóm cả làng lập tổ đổi công giúp đỡ nhau.

Đường dốc lên, người trong nhà đã nhìn qua cửa thấy cụ Páo ra nói to:

- Bộ đội vào đánh Mường Lò đây mà.

Ngoài nương, cả sườn núi xa xa vào gần quanh lúa đương ngà vàng. Không thấy hoa thuốc phiện, trong khi vào mùa này cây thuốc đang ra hoa.

Tôi hỏi:

- Không trồng thuốc phiện à?

- Các cháu trên huyện về báo bây giờ đánh Mỹ, chỉ làm lúa rồi đi bộ đội, không năm hút thuốc, không trồng cây thuốc nữa.

- Thế thì đi chợ không có tiền.

- Có chứ. Nhiều cái lạ lắm. Trông kìa...

Cụ Páo chỉ vào bếp giữa nhà. Một mảnh nhôm to uốn cong, cái chảo rang ngô. Nhiều thứ bằng nhôm bên cái bát, cái chậu gỗ, thìa múc canh cũng bằng nhôm. Máng đựng cỏ ngoài tàu ngựa cũng bằng miếng nhôm dài.

Cụ Páo bảo:

- Sắp tối rồi. Ra mà nhặt của cái vế.

Tiếng máy bay rền rĩ vang các đầu núi.

Tôi nói:

- Phải núp đi, máy bay Mỹ đang ném bom.

Không cần. Cứ đi thôi.

Tốp máy bay ào qua. Thoạt tưởng bom rơi từng tràng. Không phải, đó là những cái thùng phụ đựng ét-xăng đeo dưới bụng, chúng nó trút thùng không xuống cho nhẹ cánh. Mỗi hôm, đàn máy bay nào về qua cũng ném thùng lung tung thế. Cụ Páo đã xuống chân nương. Ở núi bên kia cũng lộ nhỡ người ra. Cụ Páo vai vác về một xâu cả chục chiếc thùng nhôm.

Cụ nói:

- Cái này đem ra chợ cho huyện về mua. Nghe nói lại để làm vỏ tàu bay cho đi đánh nó phải không? Ta thấy nó cũng tốt tiền như thuốc phiện.

Ông Páo cười khà khà. Cái cười thật vui trên những nét nhăn văn quắc thước, chịu, không đoán tuổi cụ Páo được. Cụ Páo ăn cơm chiều với cả nhà, chỗ mâm chống trước mặt cụ đặt một bát bột ngô, một bát bột đậu rang ngựa trộn muối với ớt nướng. Cụ Páo không uống rượu. Người

Mông hái chè bán, nhưng không uống nước chè. Bây giờ lại biết không phải ai là người Mông thì đều uống rượu ngô. Cụ Páo không nói tại sao cụ không nghiện rượu, cụ lại cắt nghĩa về rừng chè: “Ngày xưa, người Dao trồng chè, rồi đến năm nhặt đất lại đi làm nương nơi khác, để cây chè lại, thế là người Dao cho người Mông được của”. Khi nào cụ Giàng Nhìa Páo cũng tính ra một sự cho mình bằng lòng.

Cụ hỏi tôi:

- Thằng Mỹ còn nhiều tàu bay không?

- Còn nhiều.

- Tao lo bộ đội bán hết tàu bay Mỹ, tao cũng hết được đi nhặt cái thùng.

- Cụ Páo còn phải nhặt thùng nhiều năm nữa, năm nay cụ bao nhiêu tuổi?

Cụ Páo giơ tám ngón tay. Từ ngày người ta bảo cụ 80 tuổi, cụ cứ nhớ thế.

Một lần nữa, tôi lại lên Sùng Đô, chả là tôi quen Nguyễn Tấn Anh, cán bộ thương nghiệp ngoài Quảng Ninh, thành tích “bắt khi, nuôi khi” cho ngoại thương đã khiến ông được danh hiệu anh hùng thương nghiệp. Nguyễn Tấn Anh về phụ trách thương nghiệp tỉnh Nghĩa Lộ, nhân tôi lên chơi.

Tôi lại lên Sùng Đô. Không thấy cụ Páo đứng cửa. Bao nhiêu năm rồi, chắc đâu người đã còn, nhưng bước vào nhà, thấy cụ Páo ngồi bên bếp sưởi. Vải cao lớn, mặt đỏ

thăm bồ quân. Nhưng hai mắt sưng húp híp đỏ như hai quả nhót, không mở ra được.

- Ai đấy?

- Bộ đội về đánh Mường Lò...

- À, bộ đội!

- Mắt cụ Páo làm sao thế?

- Bộ đội cho hộp cao dầu bảo cái này mà sốt boils thì khỏi. Hôm qua leo cây lấy mật tổ ong ngoài kia, con ong đốt vào mắt, nóng quá, sốt đấy. Tao đem dầu boils vào mắt cho chóng khỏi.

Tôi không biết nói thế nào. Boils dầu cù là Con Hồ vào mắt, ông Páo đến bị lừa mất. Tôi đi với trưởng ty thăm xưởng chè, mấy hôm sau trở lại Sùng Đô. Thấy cụ Páo ra đón ngoài cửa.

Cụ Páo nói to:

- Mắt khỏi sốt rồi.

Thế mới thần tình. Ngỡ như chính là cái tin tưởng đã làm cho cụ Páo khỏi bệnh.

Tôi hỏi rộn cụ Páo:

- Khỏi mắt rồi, nhưng bây giờ chẳng nhạt được thùng dầu đem ra chợ.

Tôi đợi câu trả lời của cụ Páo bao giờ cũng tìm ra một cách để tự bằng lòng. Quả nhiên:

- À cái xưởng chè mua chè nhiều rồi. Lại trồng quế, có cây quế đã được bóc.

Tôi lại hỏi cụ Páo:

- Năm nay cụ bao nhiêu tuổi?

Cụ Páo giơ đúng tám ngón tay. Cái nhớ nhớ quên quên cũng giống cái nhất định, cái định ninh của cụ Páo, những hồn nhiên, thành thoi. Và không nghiện rượu, không hút thuốc phiện. Trên núi cao, ở Tây Bắc, ở Việt Bắc, đâu cũng có những cụ già nhẹ tính vui tính không nhớ.

1995

Ra Đông Bắc

1

24 tháng tư, cửa sông Hà Cối

Trên con đường ven biển Đông Bắc ra Móng Cái, tôi đã nhiều lần đi qua. Từ thời Tây còn ngồi thuyền “lái thán” ngược từ Mũi Ngọc lên, lại từ khi chưa có cầu Ca Long sang thị xã và lần sau cùng trước mắt tôi, cây cầu trắng xóa vừa khánh thành, như mọc lên giữa cánh đồng còn ngổn ngang gạch đá, chưa một bóng cây.

Vùng mỏ Mông Dương năm xưa hoang vắng, người đi đường chúng tôi dừng lại giữa rừng, cẩn thận, phải tự bác

bếp thổi cơm, đun nước lã. Bây giờ Mòng Dương tấp nập, sầm uất, phố xá đen xam màu mỡ. Riêng những khẩu hiệu đỏ thắm chữ Việt chữ Nga của công ty than Việt Xô.

Qua Đầm Hàu rồi lại Đường Hoa Cương. Bờm núi Đường Hoa rợn lên tầng tầng hàng cây chè xanh ngắt. Vào đến Hà Cối, chiếc xuồng giữa phố huyện cửa sông, vẫn như Tiên Yên, như Đầm Hà, những thị trấn ven biển Đông Bắc, đường xi măng trát đến tận bờ tường và trước cửa mỗi nhà liền đường, còn nguyên những hố thấp hương. Phảng phất còn lại dấu vết bọn xâm lược hồi đầu thế kỷ: các lô cốt đã loang lở nửa tường đá và những cây phượng cổ thụ gốc sùi lên từng bành rế cạnh những giàn hoa giấy tím ngắt.

Mặt biển kể ngay đầu phố ngoài kia. Sóng nước xanh rờn bóng chiếu. Những chiếc thuyền Trà Cổ vào trú đêm - thuyền đánh tôm, chở gạch, thuyền đi Hòn Gai đưa than.

Cửa sông Hà Cối nhiều năm đã bị phù sa đùn, bây giờ thuyền bè phải đợi nước triều mới ra vào được. Cảng mới đang được xây dựng trên Quảng Phong cách đây 4 cây số trông ra đảo Cái Chiên, đảo Thoi Sanh ngoài cửa vịnh. Ở cảng Quảng Phong này, tàu lớn sẽ vào cửa Tiểu, cửa Đại, men đảo Vĩnh Thực ra khơi. Vịnh Hà Cối chỉ chít đảo. Nhìn xa xa không phân biệt được chân mây hay chân núi. Bên kia cửa Hứa đã sang Quất Động huyện Hải Ninh có dãy Trúc Bài Sơn chắn ngang tầm mắt.

Mùa thu lạnh nước và sương mù, mùa tôm và mực vào ẩn trong vịnh, nhà chài các nơi về tụ tập ở vùng biển

quanh hòn Vững, hòn Miếu, hòn Kéo, cồn Đước, cồn Cốc. Thuyền nan, thuyền ván, thuyền gắn máy từ Cát Hải, Thùỵ Nguyên, Trà Cổ đổ về. Những năm được mùa, thùy sản về mua tới trên trăm tấn tôm hùm.

Quảng Hà có bốn thứ quý xuất khẩu. Của biển: tôm và mực, của rừng: quế và củ địa liên làm thuốc.

Riêng xã Quảng Lâm, rừng quế đã được 1200 mẫu.

Chưa bao giờ Quảng Lâm đông vui như bây giờ. Nhưng Quảng Lâm cũng là nơi địa đầu sóng gió, chưa khi nào Quảng Lâm được bình yên. Quảng Lâm có 19 cây số biên giới.

Dưới sông, nghe tiếng cười và tiếng chó sủa trong ánh đèn le lói. Một đám trẻ đương lội soi cá. Gió nổi ngoài biển thổi vào. Thông reo lẫn tiếng nước triều lên có tiếng ó ách và tiếng chim chích chòe hót thánh thót trong ánh trăng đến tận khuya.

25 tháng tư

Đường lên biên giới, khoảng mười cây sô. Hợp tác xã Thanh Lâm ở giữa xã. Lần này tôi gặp lại chủ nhiệm Tăng Tăng Phúc ở ngay tại rừng ruộng quê anh, nhà anh.

Vừa mưa xong, ven đường, những luống đậu đen xanh đen bốc lên, các chị đi làm đồng về, áo chàm dài, vạt thêu chỉ đỏ rực rỡ.

Xã có 304 hộ (Dao, Thanh Phán, Sán Dìu, Sán Chỉ, Tày) chưa kể 26 cô người Kinh lấy chồng ở đây, mà biểu

đồ thống kê dân số coi như các cô đi làm dâu, đã hòa vào gia đình dân tộc. Ba hợp tác xã nông lâm nghiệp. Bắt đầu từ 1978 định cư thành bốn xóm ở Làng Váng, Lý Kháng, Bình Hồ, Tài Coóng Mỹ.

Khi Quảng Lâm mới vận động chia người xuống định cư ở Thanh Lâm không ai muốn, bởi chủ nhiệm Tăng Tăng Phúc đã làm được thủy điện trên rừng Bình Hồ từ 1960. Nhưng đến khi Tăng Tăng Phúc xung phong xuống Thanh Lâm, thế là mọi người đều theo.

Con người này nhanh nhạy lạ lùng, Phúc chỉ vọc vạch đọc thông viết thạo, chưa bao giờ ra khỏi rừng, không biết gì về điện. Nhưng Phúc hay bắt chước, tò mò, khéo tay, chịu khó học hỏi. Một lần Phúc được đi tham quan trạm thủy điện bèn Cao Bằng. Thế là, trở về, Phúc xuống công ty Điện lực, ty Thủy Lợi, dưới Hòn Gai, Phúc được các cơ quan hứa giúp. Phúc về tận Hà Nội, đến xí nghiệp được học cách nấu lọc tinh dầu quế. Ai đã trông thấy Phúc, có thể tin ngay một người như Phúc thì cái gì cũng làm được. Phúc nhỏ nhắn, đôi mắt đặc biệt tinh nhanh. Cái ngày bắt tay làm thủy điện Bình Hồ, Phúc đi xin, đi mua sắt vụn, làm bể lò rèn, đúc lấy trục ổ bi. Phúc vào mỏ Cẩm Phả xin vòng bi thái của xe goòng. Chi phải nhờ các anh Thủy lợi cho cánh quạt tua-bin.

Rồi hợp tác xã Thanh Lâm bỏ công khơi suối, đắp máng nước dài bốn cây số. Thanh Lâm đã có điện, cũng như Bình Hồ - những dòng điện đầu tiên tự làm ra trong lòng suối.

Đêm qua, ngủ nhà Tăng Tăng Phúc. Mấy năm nay mới lại có dịp ngủ đêm ở lại làng Dao. Nhưng mà cảm tưởng làng Dao bây giờ, ở Viên Sơn bên Văn Bàn hay ở Tân Sơn dưới Mai Châu, cũng như ở đây; chỉ còn phảng phất đôi nét nơi vẻ mặt con người và công việc, chứ quang cảnh thì khác hẳn ngày trước.

Vùng trăng mười bảy đã lên trên núi Đục. Tiếng gà gáy ngoài sân (không phải gà gáy dưới đầu giường như năm xưa ở Phong Thổ, ở Vàng Kheo), vợ Phúc, vẫn người đàn bà Dao muôn thuở chăm làm, gần nửa đêm còn lúi húi dưới bếp và sáng sớm dậy từ lúc nào, đã thấy ngôi lịch kịch bẫm bèo, nhóm lửa.

Nhà thủy điện Lý Xáy ngay đầu xóm, đơn giản đến không ngờ. Tôi đã được xem thủy điện ở suối Nánh huyện Mai Châu và ở Bản Trang bên huyện Nguyên Bình, các ty thủy lợi về làm cho, có hệ gạch, có tường đá, có dề bờ xi măng kiên cố. Nhưng thủy điện ở xóm Lý Xáy của Thanh Lâm, hầu như cái thật cần mới làm, không xây cất, dẻo gọt gì hình thức. Mương máng đắp con trạch, đất chèn đá từ suối ra. Nhà che máy ép chỉ như mái lán. Điện chạy máy cửa xẻ gỗ đặt giữa bãi cỏ. Tài tình nhất cái phanh hơi, rất nhạy, do Phúc nghĩ ra cách hãm thế, không bắt chước ở đâu. Dây curoa nối từng đoạn, có chỗ buộc chèo, mà chạy rầm rầm. Hỏi mới biết đấy là những cái dây nhà máy đã vứt đi, xin ở mỏ Vàng Danh.



Thế là thủy điện Lý Xáy công suất 12 ki-lô-oát giải quyết được đủ các thứ cần thiết: xát gạo, cửa gỗ, hơn 200 ngọn điện các nhà, trụ sở, trường học và đài truyền thanh, không bao giờ ách tắc, hỏng bởi tất cả do tay chủ nhiệm Phúc sáng tạo ra cả.

Có khách xa, anh em về gặp mặt đông đủ, ở nhà Tăng Tăng Phúc. Châu Tắc Mệnh, bí thư Đảng ủy xã, Chin Sáng Hiêng, Nềnh A Dương, chủ tịch và phó chủ tịch xã. Nhìn lại lần nữa, cảnh và người quanh mình, không đâu vương vấn bóng dáng tiêu điều những làng Dao lang thang trên núi. Nhà Phúc, cũng như các nhà trong xóm, mái lợp ngói đã cũ, lên rêu xanh xám. Mọi cái, mọi chỗ tương tự thế, chỉ cách thức làm ăn nếp sống mới và phong lưu. Cái thùng tôn, chiếc chảo đại cất tinh dầu quế gác trên kho áp mái. Cuối sân, chuồng gà bên chuồng lợn. Trước cửa bếp, giếng nước xây thành đá. Đặc biệt mới sau vườn chuối, có cái ao thả cá chép, cá trắm.

27 tháng tư

Buổi chiều, có Lý A Coong huyện đội phó cùng về huyện. Khi còn làm xã đội trưởng xã nhà, hơn hai mươi năm trước, Lý A Coong đã được phong danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang toàn quốc về thành tích bắt đặc vụ Tàu Tưởng Giới Thạch. Chưa bao giờ Thanh Lâm đây có bình yên là như vậy! Và năm ấy, Tăng Tăng Phúc mới 19 tuổi, đã mày mò làm được thủy điện Bình Hồ. Bây giờ xã

Quảng Lâm có 3 hợp tác xã Bình Hồ, Lồng Ván và hợp tác xã Thanh Lâm được phong danh hiệu anh hùng, cả ba đều lên thụy điện dâng hoàng.

Chẳng mấy lâu nữa thôi, các thể hệ trẻ và mai sau chỉ còn hiểu được nghĩa các làng Dao du canh, du cư ở bảo tàng huyện. Tôi nghĩ thế trong đêm nay, khi lại trở về cửa sông Hà Cối. Bóng biển ngoài kia xanh mờ. Vẫn như thấy lại đêm qua, giữa rừng, từng bưng trụ sở hợp tác xã Thanh Lâm, xung quanh, nhà nhà sáng điện đập lúa, xát đồ, bó quế.

2

Trà Cổ, tháng 11

Đông Bắc! Đông Bắc! Những con chữ chỉ phương hướng bình thường phía nam phía bắc, nhưng với mỗi ai khác, ở quăng nào, nơi nào, những chữ ấy lại là cái ngữ, cái nhớ. Tôi cũng chưa được bao giờ đến phía rừng kia vào huyện Ba Chẽ, tới khu du lịch hậu địch, những Hải Chi, Cường Lợi và vượt nữa lên Chi Lăng mà ngày ấy Trần Đăng đã ở đấy ra rồi kể lại, anh bị phi bắn bị thương một ngón chân, không chết, đến khi lên Lạng Sơn lại ngã xuống ở Bản Trại. Lại kia, đại đội trưởng Phan Phú, nhật ký anh viết lúc tiểu đoàn Lũng Vài, tiểu đoàn Bình Ca tập trung vượt những Đá Cốc, Đá Bạc vào Đông Bắc đánh đồn An Châu. “Lửa

An Châu đã tàn. Sương mù xuống dày đặc..." Nửa đêm, ở trận ra, đến quang đường nhựa, Phan Phú tưởng tượng: "Cũng con đường này, cách đây hơn một nghìn cây số... ở một quang nào đấy, nếu rẽ về phía dãy Trường Sơn, thì người ta sẽ đi thẳng tới nhà tôi. Ôi Đông Bắc! Đông Bắc! Những nơi đã đến, chưa đến... trước kia và sau này, bây giờ... trăm nỗi ngổn ngang."

Con ghe, con ngán nường, hơi rượu đêm Trà Cổ trong tiếng gió sóng đánh vào lưng tường cái nhà trọ không có người.

Bãi biển mùa lạnh vắng đến ngán ngơ. Những chiếc mảng vầu đã nằm úp trong chân rừng phi lao. Bờ cát mênh mông nhớn nhơ không biết đường men đến đàng cửa sông Ca Long vòng chân Mũi Ngọc dưới kia, và trên này, chỗ lùm cây xanh mờ gặp một nhánh nữa, hai cửa sông ôm bãi Trà Cổ, còn đi xa hơn hai mươi cây số tới huyện lỵ Phòng Thành, cảng hiện đại Trung Quốc đương xây.

Tôi nghenh đầu trông thấy một người đàn ông đi xe đạp bên mép cát, mặt ngược lên trời, đạp mãi vào mù khơi đến mất bóng. Cái bóng người cuối cùng của làng biển tan đi trong sương mờ, còn lại tôi nằm nhìn lên trời, chẳng biết tôi đương bây giờ hay tôi đương xưa kia.

Trời Trà Cổ vừa quen vừa lạ. Nghìn năm trước hay năm mươi năm trước, chắc vẫn thế này. Nước đã xuống xa, tiếng nước thì thảo, tiếng con hà, con ngao gặm nhấm trong kẽ đá, bận hay không bận, bận gì đến tôi! Nhưng không.

Tiếng đập nhẹ nhẹ đằng sau tảng đá. Không phải vào đá, thoáng nghe biết có người đương gõ con hà phía ấy.

Người đàn bà quần ướt lưng ống lom khom tay đập cái vỏ gộc tre chốc lại gỡ ra một màng vỏ hà vỡ nhột nhột. Như từ đời thuở nào thì cứ chập tối lại ra bờ biển moi con hà về nấu bát canh tối.

Tôi hỏi:

- À cái người vừa rồi đập xe đi đâu?

- Đi bắt con ngán. Cửa sông đằng kia bây giờ ngán đương ra. Kiếm được miếng ăn nhọc lắm ông ạ.

- À con ngán...

Ai đã đặt tên những con họ sò họ hến ấy là con ngao, con ngán. Có phải người lính thú trần thủ lưu đồn năm năm “chém tre dẫn gỗ... hữu thân, hữu khố...”, nuốt mãi con giun, cái dế, nước mặn nước lợ, thờ dài mà rửa nó cái tên ngao, tên ngán, rồi thành một tiếng than thân, ngao ngán nỏi, ngao ngán nhé. Và cũng không biết ông giáo Nguyễn Công Hoan ngày trước đã ra nơi cuối đất này ngồi bảo học ở trường làng đình Trà Cổ trong kia thì ông giáo đào đâu ra học trò ở cái nơi đến bây giờ vẫn “kiếm được miếng ăn nhọc nhằn lắm ông ạ”.

Có một lần, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng và tôi đã nhờ xe cùng ông bạn Vạn Lịch ra chơi đây. Chúng tôi nghỉ nhà khách bên mép nước - nhà nghỉ của huyện Phòng Thành sang làm nhờ cho cán bộ an dưỡng. Nhà hai tầng khang trang, các cửa sổ chỉ lắp kính, đêm trăng trong nhà cũng

sáng như ngoài bãi - bây giờ sóng rào rào bốn bề, hỏi chẳng ai biết hay mà chẳng muốn nói cái nhà cửa kính năm ấy ở chỗ nào.

Nguyễn Tuấn bảo:

- Thu xếp ta lên Móng Cái thôi.
- Mai đi sớm, gần lắm, chỉ năm cây số.
- Sáng quá, không ngủ được thì ở đây chỉ tốn rượu.

Nguyễn hỏi tôi:

- Máy đèn Móng Cái bao giờ chưa?
- Vài ba lần, trừ ngày trước.

Nguyễn cười tủm.

- Mình chưa biết mặt mũi Móng Cái đâu!
- Ông nói thế nào?
- Thật!

Quái, tôi vẫn nhớ ở báo Tiểu thuyết Thứ bảy Nguyễn Tuấn in một cái ký, rõ ràng dưới hàng tit có một câu: Tặng ông Nguyễn Ngọc Côn nhà máy điện phố Clamorgan Mong Cai. Tôi nói lại với Nguyễn thế. Ông gật gù:

- Vì, ở Hà Nội mình quen Ký Côn. Để tặng làm mối cho nó mời ra chơi. Thế nhưng cũng chưa khi nào.

Ra thế. Năm trước, đọc hồi ký của nhạc sĩ Phạm Duy thấy kể thuở lưu lạc ra Móng Cái làm thợ nhà đèn ăn cơm trọ nhà ông Ký Côn. Vậy mà cái duyên được đến Móng Cái đã không dễ. Tôi cũng tương tự ông Phạm Duy đi kiếm cơm, tôi đương làm chân ký quèn của nhà giày Bata ở Hà Nội, ông chủ thỉnh thoảng đi tính số hàng của đại lý

ngoài này. Còn nhà văn được tiếng là hay xé dịch tuy đã có lời nhủ khéo người ta cho ra ngao du nơi biên ải tỵ tỵ mà đợi đến bây giờ vẫn chưa có hồi âm, giới ạ.

Nguyễn dọa vậy thôi, chúng tôi vẫn chịu khó ở cái nhà buống lồng kính đến sáng hôm sau mới lên Móng Cái. Và lên đây ông Nguyễn cũng không buồn nhắc tới cái phố Clamorgan, tìm dấu vết cái nhà đèn nọ. Ông đương thích thú được huyện đội đưa đi xem cái lò cốt ba tầng trước cửa đình Voòng A Sáng - tên tướng cướp chỉ huy trung đoàn ngụy Nùng đã theo Pháp vào Nam, mỗi tầng lò cốt đặt một bàn thờ dán giấy hồng điều trang kim và bát bình hương, buộc hàng tùm cái bùa hộ mệnh. Những tò mò ấy đương thời sự và lịch sử hơn một chút kỷ niệm còn côi chưa chát.

Tôi còn sẵn cái để mà nhớ. Tôi nhớ tàu thủy hãng Tây Đức chạy guồng, mất hai đêm hai ngày từ bến Bính men biển qua Hạ Long rồi Bái Tử Long tàu màn xếp ở Mũi Ngọc. Khách vào Móng Cái xuống ngồi lái thán - một thứ dò dọc biển Đông Bắc chắc chắn như thuyền gỗ, lái thán ngược sông Ca Long, người gò lưng kéo chèo trên bờ, từ chiều đến nửa đêm mới tới Móng Cái.

Trên gờ tảng đá chiếu nay, tôi nghiêng mặt như còn phảng phất Mũi Ngọc năm ấy, chiếc xe tải nhà binh ra đón lính dưới tàu. Khoang ô tô trống không, những người lê dương da đen leo lên nóc xe, nắm cống kênh nóc rượu tu cả chai. Bấy giờ đạo quan binh tỉnh Móng Cái đương

nhộn nhịp. Bên kia cầu Bắc Luân, quân Tưởng Giới Thạch đóng ở Đông Hưng. Chập tối vẫn nghe tàu bay trện ngoài biển ầm ầm vào qua trên trời. Chẳng biết máy bay Nhật hay máy bay Mỹ. Có ông Tàu nằm hút thuốc phiện bên đầu cầu giờ cái dọc tẩu lên, hét: "Tà lờ, cái tẩu này kéo nó xuống xem tàu bay thẳng nào".

Mọi cái đương chuyển động dữ dội ở nơi địa đầu tranh hùng này. Ông chủ tạp hóa đại lý giày rù tôi ra tắm ở Trà Cổ. Lần đầu tiên tôi chơi bãi biển là đây. Suýt nữa thì chết đuối. Bãi rộng mênh mang ra mãi mà cát vẫn phẳng lù. Đến khi con sóng ngất trời ập tới chạy vào không kịp. May được vợ chồng ông ấy tóm tay mới không bị sóng lôi ra. Ít lâu sau, anh Nhượng người làm cửa hàng về Hà Nội cho tôi biết: cả nhà ông chủ bị Quốc dân đảng giết, chỉ có Nhượng chạy thoát. Tôi không hỏi thêm. Tôi đã biết Nhượng là Việt Minh.

Tôi lại đã đến Móng Cái 1954 khi mới giải phóng.

Thị trấn quân khu Tiên Yên tan hoang, người lên đồn hỏi của, vác xuống những cái thùng không. Dưới phố, san sát nhà tường quét vôi trắng, đường lát xi măng - phố Tàu, còn cả tứ điểm và sông bạc. Chập tối, người đàn bà ngồi trước cửa ngâm hai chân vào chiếc thùng gỗ đựng nước nóng, tay cầm cái tai cối đá quay nước bột làm đậu phụ. Chân tường suốt phố nhà nào cũng đốt từng nắm hương dò rục. Cảnh thanh bình đã trở lại. Sông Ca Long vừa trong vừa mát. Đường mang thành lấm cát để đi.

Sông Ca Long và con đường cát pha ngoài thành Mang Nhai vẫn thế, nhưng mà thời thế thì không thế. Một lần kia, tôi lại ra Móng Cái. Nhưng chỉ dám đứng bên này sông. Suốt từ Hà Cối, đường vắng đến rợn chân. Một dãy những lò bát bên bờ cao như lò gạch không còn. Tất cả chìm đắm trong ngút ngàn hoa lau xám. Hôm trước qua Hòn Gai, nhà thơ Trần Nhuận Minh nói tôi mới để ý cái cây lau, hoa lau, rừng lau Đông Bắc. Xưa nay, tôi thấy hoa lau vùng cao trên Mèo Vạc, Lũng Cú lúa thưa ven suối, mùa hoa nở mùa hoa rã đều trắng như bông. Rừng lau trên huyện lỵ Hải Ninh hoang tàn thân cao, hoa mờ mịt cả vùng, giữa trưa mà u ám như đã sang chiều.

Nay mới lại ra Móng Cái. Suối Tiên Yên, suối Hà Cối thẳng đường xe. Uống cốc bia hơi Hạ Long rồi qua đập tràn. Năm nào, xuống phà Quất Đông sang Quất Tây, lại ngồi ngóp mấy phà nữa, khách với nhà phà cùng ưỡn ngực nắm dây cáp đô ta kéo phà, sau đến cái phà sông Ca Long nước xiết nhất mùa lũ...

Những mái lợp ngói âm dương mới mà nhợt nhạt như đại nắng bao đời đứng bên cây rơm chân lênh khênh góc vườn. Luống chè đồi ở Đường Hoa vừa xén cảnh phơi rạ đợi mưa xuống này mằm, như đầu đứa con trai mới húi. Dãy Thập Vạn Đại Sơn trùng điệp đằng xa nhòe xuống thị trấn Mông Dương khác lạ. Vào cánh đồng còn cách sông Ca Long cả chục cây số, làng xóm bằng phẳng sau chân tre như vẫn yên hàn thế, không biết vừa trải cơn tao loạn. Nhưng những quả đồi ven đường dò ối, xe ủi hùng hục san

thành bãi. Dòng chữ xanh lá mạ trên tấm biển: Chào quý khách thăm Hải Ninh! Chào quý khách... Thị trấn Móng Cái đương thành cửa khẩu đặc khu buôn bán lớn. Cơ ngơi và kho hàng của nhiều công ty các tỉnh các nước ở những quả đồi đương san đó mọc ra. Trông sang Móng Cái xôn xao những chợ, những nhà, những người và xe tải, ba gác, xe máy tấp nập. Cũ như ngõ ngàng...

Nhà trọ Ngọc giữa phố ra cửa khẩu. Người đi quần áo không thể nhớ màu tươi hay ù dột, không có người thanh thản, người bách bộ, ai cũng lam lũ vội tất tả. Ngã ba, ngã năm xe ôm, xe ba gác loáng thoáng lướt qua những cây sữa, cây bàng trên các vỉa hè đất chưa bó thêm. Xung quanh chen lấn, bẽ bộn. Nhà trọ ba tầng, lưng lơ hai bên đằng sau, những đám ngổ dại, bụi hoa bìm xanh lét nhua nhúa leo lên tường. Trong ao, ếch ương, châu chàng uôm oạp đối đáp suốt đêm. Sáng ra, giữa ô cửa tầng ba, những cái quần lót và nịt ngực màu hồng phơi trên sợi dây thép loằng ngoằng như những cái cười méo. Dưới đường rầm rập xe ba gác chạt những gói hàng đã đóng thành giấy vuông vắn, những người đội mũ bảo hộ bóng nhoáng như chú bộ ngựa nghênh đầu các bác xe ôm hóng khách trên bến. Sáng ra, nháo nhào bát phở, đĩa bánh cuốn, nắm xôi, nuốt lấy được. Chẳng ai nhắc đến món phở chua lạ vị, khi ra vùng này. Không sao, không sao, bà kia mặc áo bông hoa, đi dép tông, bụi trắng hai mắt cá chân, ai nhìn ai đâu. Vội ngồi ghếch lên, hai người ba người níu nhau sau cái xe, mãi miết vào chợ, xuống kho dưới bến.

Kìa đã ra tới cầu Bắc Luân sang thị trấn Đông Hưng. Tôi không thanh thản được như các bạn. Cái người tôi khi hai mươi tuổi lại thao láo mắt ngó lên. Cầu nhỏ, nhưng thanh sắt ngày nào một màu xám nhạt như những cầu cống bấy giờ, anh Nhưỡng và tôi sang. Hai bên sông qua lại suốt ngày, chín giờ tối thì cầu đóng. Nhưng quá nửa đêm, còn men bờ lên phía Thán Phú, chỗ ấy khi nước cạn, lội về Móng Cái được, mà nước to thì gọi đò chờ lậu. Ngủ chui qua đêm bên Đông Hưng, có người đút tiền rồi vẫn cụt đầu. Những đám lính, đám người cỡi trần bị thùng trời lốc thốc một dây lẫn lộn giữa đường.

Đầu cầu, cao ngất ngưỡng bức áp phích vải vẽ ông Tưởng Giới Thạch mặc võ phục, vai ngù vàng, đeo kiếm, đầu hơi quả dừa, chiếc mũ thống chế đặt trên cái kỷ bên cạnh. Người đi chui dưới bức tranh. Cái hồi tôi qua cầu bên này chưa có hình thống chế Pê Tanh. Rồi về sau, hai đầu cầu còn nhón nháo nữa, chẳng biết có lão Pê Tanh đứng đăng đối với lão Tưởng không.

Cái nhà tường đất tôi như hũ, đường lát đá tảng nhộp nháp. Không có xe cộ, chỉ những cái kiệu hai người phu khiêng, như kiệu đăng sơn ngày trước các cụ đi chùa Hương. Một nhà hai tầng, tầng dưới, đám chơi mạt chược, tiếng xoa gạt rào rào, cô “hồi thág” hô véo von như hát. Trên gác, cao lâu và thanh lâu, đúng cách nói: ăn và chơi, ăn chơi. Giữa nhà, kê dãy bàn ăn. Nửa đêm, người uông rượu, ăn xiu mại. Sau lưng hai bên tường trở từng ngăn,

phơ phất cái màn cửa vài điều. Các mục tử bà áo xanh trứng sáo lân la thì thảo từng bản. Có người buông cái thìa, mục giắt tay vào một ngăn. Cứ tấp nập, cứ dập dề.

Sau này, xem tiểu thuyết *Kim Bình Mai* có tay anh chị Tây Môn Khánh ngang ngược cùng bọn thủ tặc, thấy ở cái trấn nhỏ tận cùng này xưa cũng tựa tựa.

Đông Hưng

Bên cầu Bắc Luân có một cây si cổ thụ. Ngấn nào biến cố rồi chiếc cầu sắt đã gục trong bụi lau, cái nhà tiệm hút ở chỗ nào, nhưng dòng nước và cây cổ thụ vẫn như kẻ nằm người đứng chứng kiến.

Các cô các cậu đạp xe lôi túa ra đón khách. Hết những chiếc xe đạp lôi ở Kong Pong Chuang hay ở Vĩnh Long. Chỉ khác các thị tứ ở phương nam ấy cái xe dựng người ngồi như thuyền thúng đằng sau đây có thùng xe, ghế đệm, lúi được đồ lễ và hàng chục người.

Các ông, các bà đi xe.

Một cô xe lôi chào.

Ồ, tiếng Việt sôi quá.

Bố mẹ cháu trước ở bên Hà Cối.

Khi bố mẹ chạy sang đây còn mới khoảng lên ba lên bốn.

Thị trấn Đông Hưng tươi tỉnh như người sáng ra vừa rửa mặt. Nếu bên kia bộn rộn như trời dậy quên rửa mặt thì đây phong độ đầu ra đầy. Các phố cũ quanh co đường phải phá đi, làm mới khu vực mới đã cao cao lên rồi. Chợt nhận ra không thấy rồi rít xe ôm, xe ba càng. Chỉ có xe tải, xe lôi và những chiếc xe đạp thùng thình.

Tôi nói:

Muốn đi xe ôm ...

Không có xe ôm. Không bán ét-xăng mà.

Cách giải quyết ách tắc cũng lạ, nhẹ như không. Tôi vào các phố cũ quanh co. Hao hao như Đâm Hà, Tiên Yên, những bức tường xếp đá quét vôi trắng, mái ngói âm dương bạc xác xơ. Lỗ cửa sổ áp mặt đất, rãnh nước mọc cây thài lài tía, trông vào thấy quần áo vắt bể bộn lên cái thùng gỗ, trong bóng tối sâm sẫm, một lão bà ngồi trầm ngâm, không biết đang dấm chân nước nóng hay lúi húi làm gì.

Ngôi nhà hai tầng, tường dương bị phá. Biết đâu, nhà ấy trong cái phố kín bưng này chẳng đã là tòa lầu xanh, lầu hồng ấy. Vì, ngày xưa con mắt thơ dại ngờ nghệch thì cái chuôm cũng là cái hồ, mà quán rượu nào cũng nguy nga bằng cái đình. Nhưng rồi xung quanh nhộn nhịp đã lại kéo tôi vào những hàng ngày của cái phố ngỗ ngang.

Sau bức tường nửa kín nửa hở, những lồng sắt nhốt mấy con chó, con mèo con. Lái mua trong làng ra hay buồn bên kia sông sang. Con mèo, con chó nuôi làm cảnh hay sắp

đem ra Ma Cao bán cho cao lâu hằm rửa mặn, món "tiểu hổ" thịt mèo rán.

Ông lão đẩy cái thùng tô nô lăn bánh lọc cọc, ông già bán khoai lang nướng. Chậu than hoa đặt dưới đáy thùng, dây nắp kín. Tôi mua một củ khoai. Không phải vì củ khoai nướng, khoai bùi thơm nức, mà bỗng nghĩ về cái đêm mò lên đàng Thán Pún lội về bên Móng Cái. Suốt phố, cửa đóng im ỉm, gặp một người cắp thùng khoai môn vào bán trong lò bát cho thợ ăn đêm. Cái ăn cái nhớ, nhưng củ khoai lang này nhạt quá. Mà nếu khoai bây giờ có ngọt thì cũng không biết mùi vị nữa đâu.

Mấy bước đã sang khu nhà, chợ mới. Đây cách thủ đô Bắc Kinh đến hàng vạn cây số, cái chợ thị trấn biên cương mà cũng khá bé thế, ngăn nắp. Ở chợ trên thành phố Quảng Châu sạp hàng hay có bàn thờ thần Tài. Đây không có, nhưng các bàn thờ nhà hàng phòng cháy mà thấp điện bóng nhỏ, tiết khói hương nghi ngút.

Các bàn thịt cá rau muối, những thực bếp núc và lều quán ăn ngoài bãi trống. Vào chợ, khóa xe đạp, người nhà chợ trông. Hàng bán sang Móng Cái chất ngập các quầy kho. Người khuôn từng kiện vải. Dưới kia, những tải quýt bắc lên cân rồi xe lôi kéo ra bờ sông. Những quả quýt chín vàng ối này làm sao quả nào cũng nguyên cuống lá tươi, thường nhan nhản via hè Hà Nội, đến đây tôi mới biết là hoa quả bên này.

Trên giá có bày bán hàng Móng Cái sang. Những bịch đựng muối ăn, giấy vải Bitit, sữa ông thọ, xà phòng bột...

Tôi không hỏi con số ở đây nhưng biết trên các cửa khẩu Cô Nam và Chi Ma ở Lạng Sơn, 11 tấn xà phòng bột bán sang biên giới tháng chín. Báo đăng, ở Móng Cái, hàng xuất nhiều gấp đôi hàng nhập, mà tôi chỉ nhìn thấy mấy thứ ấy.

Ngoài hè, chất ngất như đồng rơm, những bó cải bẹ mụp xanh. Rau cải bọc ni-lông, giấy bóng ném trên xe xuống, người đã công đi thoăn thoắt.

Cải xuống thuyền sang Móng Cái.

Dạo một vòng xe lồi phố cũ sang phố mới, khu cửa hàng quốc doanh và công sở. Ngoài kia, đồng gò mấp mô, nhìn qua sông sang thị trấn Móng Cái. Những lò bát, xưởng dệt vài ngày trước đem về bán các chợ ở Hà Nội gọi là bát Móng Cái, vài Móng Cái thô rẻ tiền kẻ ô xanh.

Buổi trưa, lên lầu uống bia, nhăm nháp Mao Đài nhìn phong cảnh trên sông. Hoặc vào quán trong chợ. Hay đến tiệm cơm bụi cạnh bãi có đám hát, đám xiếc, đã vui ăn lại vui mát vui tai. Các cô các cậu xe lồi vừa đạp xe đưa đi chọn vừa mách như thế.

Trên bãi cỏ, một gánh múa võ, làm xiếc, có thể cả hát nữa. Trong nhà bạt vang ra tiếng phèng phèng, thanh la lóc bốc xoàng... lóc bốc xoàng... xoàng... đình tại. Chúng tôi ngồi gian giữa một dãy đến mười mấy hàng ăn không vách ngăn, bàn liền khít cái thùng đựng nước treo lơ lửng trần nhà thông vôi cao su qua trên đầu khách xuống giữa bếp khói ngào ngạt.



Các món lợn xộn, cá sông rán, xách trần, canh cải, vịt quay phải gọi mua hàng khác. Được món “khau nhục” ăn cơm. Thịt lợn kho, châm kim miếng bì rồi ninh lên, mềm như bóng bì. Năm trước, hai ông cháu tôi buổi sáng ăn xôi trắng với khâu nhục ở nhà trọ chùa Đông Đào Cát Bà, vẫn nhớ.

Gánh hát rong, xiếc rong, võ rong kia vui hoa cả mắt, mặc dầu chỉ ngồi trong quán nhìn sang. Gánh du hí này đi kiếm ăn các làng xóm trong vùng, lâu lâu mới trở lại thị trấn. Mình chẳng còn ở thời say mê gánh xiếc ông già và chú bé trong tiểu thuyết Hecto Malôc, nhưng cũng khiến tôi trở lại những ngày tháng dữ dội và mơ mộng đấu kháng chiến, những đoàn kịch lưu động qua các làng quanh thành phố. Chúng tôi nay đây mai đó chẳng cần biết ngày kia đi đâu.

Nhưng trông đám giang hồ mãi võ cò con này thì chỉ vừa buồn cười vừa thương thương cái sống gay go phức tạp ở thời buổi thôn quê mấp mé thị thành thôi. Người đàn ông mặc áo vàng ống tay rộng, để lòi cái ngực chẳng lấy gì làm nở, chỉ có cái đầu trọc lóc mới mé hơn cả. Chốc chốc, mấy người ra đối nhau đứng sắp hàng trước cửa bạt, tay lăm lăm cầm binh khí chắc bằng gỗ: Xà mâu, thanh đại đao, ngọn phượng thiên họa kích, thiên trượng... oai như võ sĩ có hạng những phái Sơn Đông, phái Thiếu Lâm. Đây là các thanh niên trong làng không phải đương đi tu học võ và chưa chắc đã thuộc nổi một đường quyền. Ánh sáng thành phố tung bừng lên bốn phía chân trời, người ta đâm ra ngán ruộng đồng và thêm đi, bất cứ đi cách nào.

Trên mảnh cốt trước rạp, gài miếng giấy thiếc óng ánh tấm ảnh những tay võ và những nữ tài tử ở đâu không ở gánh này. Tiếng thanh la xoảng, xoảng, xoảng... người mới ra đây, ra đây. Trước nền phòng đóm vàng lòe loẹt, một tốp năm cô gái đứng giơ cánh tay, lắc lắc, uốn éo, nháy nháy. Cái lạ, các cô như là cời trần mà không trông thấy chũm vú, không có mông, dưới rón quẩn lua tua mảnh mảnh sợi ni-lông xanh đỏ. Các cô nhỏ người lẳng nhẳng như cây chuối, cây nứa. Cũng hẳn là mới ở làng ra, tóc còn xén cùm, chưa tiến đâu để uốn xòe lên được. Nếu nhìn gần chắc sẽ thấy cái chân lúc múa giơ gót lên còn nè miếng. Tôi có gặp trên thành phố đặc khu Thẩm Quyến những cô hầu bàn áo lụa đỏ rất xinh, mà hai bàn chân đi làm đồng còn mốc sần như da trăn. Tôi đã hỏi ở Quảng Châu: “Thành phố Quảng Châu đông tới sáu triệu. Vấn đề dân ở nông thôn ra thì thế nào?”, những người có trách nhiệm trả lời: “Mở mang hiện đại cũng rất nhiều việc cần người trong làng. Chúng tôi cho ghi tên ở làng. Có việc thì gọi, không được ra sống lang thang.”

Tôi lại đã thấy ngoài đảo Cát Bà chỗ cửa hang sang bãi tắm Cát Cò, các cô bán hàng mậu dịch, lúc rời ra cạnh vòi nước, xát xà phòng cọ chân. Chưa không đoán được sao các cô cọ chân cả ngày, chẳng mấy khi soi gương, lau mặt. Rồi nhớ những ngày mùa đông ở trong làng, bà ngoại tôi, mẹ tôi cứ chập tới ngồi dấm chân nước nóng ngâm lá ngải cứu cho chân nè đỡ buốt. Các cô gái trong làng núi mới ra phố cứ kỳ hai chân cho đến múp mít hồng thơm mùi xà

phòng thiên lý. Lại ngồi thì bàn chân, mu chân ai bóng đỏ, rồi dấm lưng nhau, cười nắc nẻ. Chẳng cứ các cô ở đảo mà trong khách sạn thành phố Hạ Long, khách sạn Thăng Lợi Hà Nội thường các cô nhà phòng hay đẩy lưng nhau chạy rào rào ngoài cửa, cười đùa như ở bờ vườn, bờ ruộng lên.

Các nhà sư dõm mãi võ, các cô bé lon ton, như bướm bay, chuồn chuồn bay. Không khó chịu, mà lại cảm tưởng thoáng mát về những phố xá biên thùý đương vỡ da vỡ thịt. Đó cũng là đôi nét của thời điểm. Nhẹ nhàng đi khỏi thì quên, không vướng víu bắn mắt như những cái dây dợ nịt ngực treo phơi cửa gác nhà hàng bên Móng Cái.

Trên mặt sông, từng đoàn thuyền nối nhau sang các bến trạm hàng. Vải hoa, quần áo may sẵn, những khiêng quýt vàng ối cả cuống lá tươi, những sọt cải mướp xanh eo éo. Sao không thấy những đọt dưa ngon bán ở các chợ Hà Nội như những trái quýt vàng?

Hỏi được biết câu trả lời lý thú. Dưa này, người Hà Cối mua về muối từng thập rồi lại quảy sang bán bên Đông Hưng. Đã thành nghề phụ ngày nông nhàn, ở Đường Hoa, ở Quất Đông, Quất Tây đi mua cải bên ấy về muối dưa rồi lại bán về bên ấy. Việc ăn làm lâu đời của hai bên sông đã thân thuộc đến cả quả cà, cái dưa.

Chỉ còn cây si cổ thụ vẫn đấy. Cái lều có ông già nghiện nằm giờ dọc tầu kêu: "Tả lợ, tôi kéo tầu bay xuống hẳn biển đã lâu."

Bãi Cháy

Tôi muốn nghỉ lại trong phòng cả ngày. Không phải mùa đông ưa một mình, mà tôi cũng hay thích ác ôn, có một năm đại hàn, tôi với Nguyễn Văn Bổng đã ẩn náu cả tháng trên hồ Núi Cốc. Cũng không phải vì cô tiếp tân dọa ngoài biển hôm nay rét lắm, trông ra chỉ thấy bóng đôi ba cái tàu nước ngoài đậu đợi ăn than. Không phải vì nhàm mắt. Đi Hạ Long thì đến bao nhiêu đời cho biết chán.

Chỉ vì tôi không ưa những cách đi bây giờ. Tàu, thuyền gần máy, xinh xịch giữa đêm thanh vắng sông Hương, tác ráng xô xẻ nước sông Sài Gòn chẳng biết hôm nay người chơi miệt vườn đồng bằng Cửu Long vào các sông rạch thì đi đò, chèo ghe hay xuống máy. Ở đây, tôi ngán cái tàu ẩm

âm sùi bọt mép chạy một vòng, không thấy phương trời bao la, quanh vắng dàu. Không ai để ý cái thú lênh đênh các mép đảo, cá tươi mua dưới thuyền chài, sáng ra màn sương tháng bảy tháng tám băng lảng như khói, như bụi mưa. Đến Hạ Long được vậy mới thỏa. Cũng ghi lại để ao ước và như than vãn chứ chẳng bao giờ có.

Nhưng mà lần này ra vịnh gặp những chẳng ngờ. Đến thăm hang Trời, một cái hang mới được tìm ra, thì thôi thôi, xếp lại những Đầu Gỗ, Trinh Nữ, Bồ Nâu... Đã lên hang Trời và tới tất cả. Mà lạ thay, quả núi rồng ruột ấy đứng ngay bên lối vào vịnh. Thế mà phải đến một ngày thấy ra do tình cờ bố con ông chài Lạp leo lên.

Gọi là Thiên Cung, là hang Trời, cửa Trời, nhà Trời đều như nhau, bởi vì trên các phía sườn núi trở ra những sáu cửa hổng cho ánh sáng trời tuôn vào. Quả núi đã lừng lững giữa các núi Con Gà, núi Bình Hương, núi Bàu Rượu, cả triệu triệu người đã dong qua, đã ngắm nghía mà không nhìn thấu được vào lòng núi. Anh Tuấn hướng dẫn kể: "Cơ quan trách nhiệm đặt tên hang là động Thiên Cung rồi sửa sang lối lên, bán vé, đón du khách."

Các hang núi đá vôi khác nhau nhưng, cũng lại tương tự nhau. Ở hang Trời nhũ đá không nhỏ thành giọt xuống giữa động mà in hình nước chảy dòng dòng, cuộn cuộn, lướt lướt trên vách. Người vào động xem mặc sức tưởng tượng ra mọi hình thù theo các giấc mơ và tâm tư của mình. Đây kia, cái đầu người chống tay ngồi tư lự... Đây

ông tiên râu dài dương bay... Rõ ràng đầu con sư tử... Người đẹp trán trướng bên suối... Và đại đế đều như những hòn núi đá rỗng ở Ba Bể lõm vào là hang Puông, ở Pác Pó có dòng suối lặn xuống sâu thăm rồi nguồn lên mở ra cửa ngọn nước, ở cộng hòa Grudia trong đá treo đèn điện sáng bát ngát, và ở Phong Nha, ở Bích Động hay là cả những quả núi cô đơn nhỏ bé giữa đồng ruộng cũng có đường lên Trời, hang Các Cớ, hang Luồn, những cảnh sắc chùa Trâm, chùa Thày.

Chúng tôi trèo tới trước một mô đá nhô tròn như lưng con trâu mộng, dễ nằm ngả người ra được. Trong ánh đèn pin nổi lên những hàng chữ khắc:

Moller

Evbergt

3/4/1904

Nét tạc mờ lặn vào mặt đá.

Nghĩa là cách đây chín mươi hai năm có hai người Đức tên là Moller và Evbergt đã lên hang này, đến tảng đá này và tạc tên với ngày tháng năm họ tới đây. Các nhà chuyên môn rồi sẽ trả lời một cách khoa học cho người đời. Nhưng mà thế là thế nào, cứ những cái trông thấy đã lạ lùng rồi mà chẳng hiểu sao.

Những người Đức lên tận đây đã ngót trăm năm. Ô hay, nói là năm 1914 còn có thể đoán dựa. Cái năm bắt đầu chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đế quốc Đức đã cất công cho người sang tận Đông Dương xúi giục các họ Mèo sinh

sống ở biên giới Bắc Lào và Việt Nam nổi lên chống Pháp. Lúc ấy, trong binh đội lính thuộc địa đi đánh dẹp có cố đạo Pháp Savina, một vua Mèo già ở Sapa làm cố vấn, đã họp với các vua Mèo thật ở Luông Phabăng. Mới rõ ra cái kế hiểm của vua nước Đức. Vì, năm 1914 tới đây còn có lý. Có thể có những biệt kích người Đức đã ém trong hang này, rình đánh tàu Pháp ra vào vịnh. Chứ du khách nào năm 1904 đã lên đây mà sau không ai biết nữa, hay có thể là tù khổ sai, là lính lê dương người Đức trốn tránh. Biết đâu, tìm trong hang, dễ thường còn thấy xương cốt.

Để rồi lần nào lại lên hang Trời xem 04 hay 14. Thật có là 1914 đi chẳng nữa thì cũng là những con số kỳ lạ.

Cái tàu phải gió lại réo ình ình trở vào bờ. Nhưng lúc ấy tôi quên rửa nó. Tôi lại nhớ bằng quơ một chuyện thật xa, cái năm 1962, trên sông ba mặt trước Hoàng cung dưới cầu Chang Va ở Phnôm Pênh, một chiếc ca nô máy đuổi tôm phóng rẽ nước. Tôi đi chơi sông với Kuch An con rể nhà bách hóa Pignon giàu nứt tiếng một thời ở Nam Định. Cái vui cái buồn cứ nhớ lâu. Cũng là bỗng không chắc vẫn phảng phất sông nước và số phận những người Đức ven trời.

Chùa Giải Oan

Đường về qua Vàng Danh. Vàng Danh, Đông Triều đệ tứ chiến khu nổi tiếng tiền khởi nghĩa 1945 đây. Máng than vùn vụt trên lườn núi xa xa.

Những hàng quán ven đường. Quán thịt rừng, quán làm thịt rừng mới đủ nghĩa. Các hàng thịt chó đều yết bảng đề tao nhã “quán thịt cây”. Có lẽ rừng phủ quanh đây, con chó, con cây, con cáo, có họ hàng gần chằng. Không thể lẫn, con chó nhà gia súc, mà con cây hương, con chó sói nhưng vẫn là thịt rừng, hai bên đường nhiều quán thịt rừng nói theo cách nói tiêu cực của ngôn ngữ bảo vệ thiên nhiên và muông thú, gọi là những quán thịt rừng mới thực rõ.

Một cái lông sắt to nhất rần. Khách đứng nhìn chọn, rần ráo lắm lì buồn như nước chảy, những con mai gấm mai

ghi mà cũng chui tịt vào khoang trong, biết sợ người ta trở tay bảo chủ quán bắt lột da nó, một con rắn dài bằng đòn gánh, mình mốc nâu, đầu vuông, ngóc cổ mở cọc cọc vào nan sắt. Nó tên là hổ mang ngựa. Chưa được trông thấy hổ mang ngựa mốc thếch đầu vuông kỳ quái thế này bao giờ. “Mời ông xơi con hổ ngựa. Nuốt sống quả tim nó, khỏe hơn ngựa, ông ơi!” - “Xin lần sau tôi thử nhé!” - “Vâng ạ.”

Chúng tôi không ăn rắn hổ mang ngựa. Đường còn xa, tạm dùng cà hươu, chắc thịt rừng chính hiệu không phải gà công nghiệp nướng ra gà rừng trên nơi nghỉ mát phường Tam Đảo.

Đội kiểm lâm rừng Yên Tử được tăng lên là đội để đạt cấp lương hành chính, kỳ tình đội chỉ có bốn mống mà đêm ngày phải tuần phòng cả những cánh rừng mênh mông giáp ba tỉnh. Thế thì người đi đường còn được nhắm rượu nhiều con mang, con báo thứ thiệt.

- Những cửa rừng bà chủ tậu tận đâu?

Bà chủ quán nhanh nhẩu chỉ trước mặt:

- Trong kia thôi ạ.

Chân rừng chân núi âm u ngay cuối mấy cánh ruộng rộc sau lưng phố. Tôi lại hỏi:

- Ông nhà ta làm bên lâm nghiệp?

Bà chủ quán vốn mau miệng thế mà chỉ nhìn lại khách rồi lặng im. Về ngán câu lơ m vô ý hay các lão công an, thuê vụ này dò dẫm. Tôi phải hỏi đùa:

- Khi nào thì nhà có thịt hùm?

Tôi đã đoán sai. Bà chủ quán tươi cười đáp ngay:

- Phải đặt trước ạ. Hiếm lắm, ông ấy mà về...

Hỏi nữa thì miếng cấy hương mát ngon, và đến lượt tôi im. Lát sau, bà chủ quán đưa khách sang gian bên cho xem những hũ rượu ngâm toàn tính cái bao tử, cái hột dái con sơn dương, những bình rượu đựng chim bìm bịp lửa cũng ngâm toàn tính lông cánh xoa ra đỏ hắt như chim đương bay trong rượu hoàng hôn. Con bìm bịp, con thắm thì cứ chập tối ra đầu rừng cất tiếng kêu chiều, buồn quá, người đi chạnh lòng nghe tiếng suối, tiếng gió. Bây giờ những con bìm bịp lửa về nằm trong rượu làm thuốc chữa bệnh đau xương.

Không biết có phải nỗi buồn chim thú ấy đưa chúng tôi lên Yên Tử trong mưa núi đêm, mà lại dừng chân bờ suối Giải Oan giải oan cho mọi sinh linh trên đời. Thung lũng mờ mịt, giọt tranh thánh thót xuống vườn cái nhà chùa, như mưa dầm.

Vào khuya, ánh cây nến đỏ chập chờn, lung lay, đầu giường lốm ngổm oan hồn những con hổ mang ngựa đầu vuông, con cấy hương, con bìm bịp lửa, ông ba mươi đương bị đéo xương nấu cao, hình như lẫn tiếng chuông, tiếng mõ vắng vắng. Không, đêm nay sư thấy Đàm Yến còn lưu lại ngoài kia, chưa về. Chỉ có tiếng chim khảm khắc phảng phất gọi nhau trong mưa.

Từ Cửa Ông ngược lên đã nhìn thấy triền Yên Tử. Cửa Ông dưới Cẩm Phả và ngoài khơi Tiên Yên, đảo Mũi Chùa

đương xây càng lớn nội địa ta đặt tên bất chước người Pháp: Point de Pagode và đảo Chapeau Chinois nữa, có còn tên Tây không? Những người đi biển đặt bao nhiêu tên trong vịnh Bái Tử Long, ra tới cửa Vân Đồn thì Cửa Ông đền Thượng đền Hạ, cửa Vạn Hoa cũng chỉ thần linh và quan tuần ty trông coi thuyền buồm thuyền chài, chỉ có trên Yên Tử đôi ra mới thấy cả thuyền biển Đông vào.

Người xưa ý thức được công cuộc giữ đất phía biển ấy, bảy trăm năm trước, thời Trần đã tìm ra được cái Vọng hải đài Yên Tử này. Thái thượng hoàng Trần Thái Tông ra Yên Tử quy y, vừa thỉnh chuông vừa phóng tâm mắt ra khơi cảnh giới. Điều quan trọng này đã được phát ra trong bài tựa kinh khóa hư lục của ông. Hai trăm năm nhà Trần, ba lần diệt Nguyên Mông, các trận đấu đã ác liệt xảy ra ven biển, Mang Nhai vào cửa Đại Bàng, rồi Vân Đồn, bến Rừng...

Đời Trần thật nhìn xa, biết đâu cái nguyên cớ chẳng vì tổ tiên họ Trần vốn nghề chài ở Đông Triều, sau mới đi xuống Thiên Trường, và nhà Trần có gia phong độc đáo: nhà vua ngoài bốn mươi tuổi thì xuống tóc lên Yên Tử, vua mẹ ra tu ở các chùa ven hồ Tây. Năm đời thịnh trị nhất nhà Trần, các thái thượng hoàng để ngôi lại cho con rồi đi ẩn trên Yên Tử. Thái Tông viết khóa hư lục đến Nhân Tông tu Yên Tử rồi mất ở am Ngọa Vân, triết thuyết Phật nhà Trần đến đấy đã sáng lập nên phái Trúc Lâm, một phái thiền gắn đạo với đời, đất nước và con người.



Từ chân núi lên, cả vùng Yên Tử gồm mười hai ngôi chùa và tháp. Mỗi bước một sự tích, một thế kỷ, những thế kỷ gập ghềnh khúc khuỷu thuở nào đã khuất cả lên mây.

Đường ra cửa khẩu Móng Cái dưới kia bây giờ chỉ qua một phà Bãi Cháy, còn cả 327 cây số đường liền. Trước mặt đường đổi thay tới tới, chỉ có những cái xa xưa thì tàn phai đi. Di tích Yên Tử, thắng cảnh và lịch sử chỉ còn ở trang sách và lòng người.

Những con suối ở Yên Tử hiểm trở cũng khác lạ. Mỗi hòn cuội nhẵn nhụi to bằng đá tảng, không biết nước chảy bào mòn hay thiên thạch sa xuống. Thời xưa, Thái thượng hoàng bỏ ngôi ra Yên Tử, bao nhiêu cung tần mỹ nữ rước vua dời Thăng Long vào núi. Đến con suối này thì được lệnh cho về. Nhưng ai cũng đứng lại và tất cả gieo mình xuống suối. Vì thế mà có chùa Giải Oan, chẳng biết chuyện xưa rồi đời sau thêm thắt, đơm đặt đến đâu những thương tâm này.

Chùa Giải Oan tọa lạc bên sườn núi, u ẩn như ngôi chùa quê. Sư thầy Đàm Yến trụ trì ở ngôi chùa mà “xa xưa thì rêu phong, tàn tạ”. Được tiếng, nhưng chùa thì bán bạch. Đã đành, vẻ đẹp chùa chiến cốt ở am thanh cảnh vắng. Vắng cảnh thanh vắng mới thấu hết được tinh túy. Suối Yến, chùa Hương không cốt ở đông vui tháng bảy hội mà khách chân tâm chơi chùa vào mùa hoa mơ trắng tinh từ đỉnh núi xuống khe đá. Chùa Tuyết trong Hương Sơn không phải cái tên tình cờ. Nhưng vào Yên Tử mà thiên

nhiên kỳ vi khôn cùng, chỉ càng cảm thấy hiu hắt trước đổ nát, những cột trụ xây lại ngô nghê, chấp nhặt lều lán thám quan hội, ven suối mấy quán cơm nhà trọ, mái tranh giương nửa choán cả gian, chân giường và cột vầu cắm xuống đất, trên cái phen trước cửa bày bán mấy lọ rượu ngâm rễ cây đào trên núi, một bó lá và củ địa liên, mã đề... Nghe nói vào dịp đông khách về chùa, trai tráng trong làng ra ngồi đợi người thuê giặt, thuê công trên dốc. Quang cảnh thâm nghiêm, thiêng liêng Yên Tử xưa đâu. Bây giờ mười mấy ngôi chùa vắng quanh chẳng đủ người đèn nhang, có chùa đến tuần rằm mừng một mới được nén hương. Những năm trước, thấy Yến còn ở trên chùa Một Mái. Chùa mái đá, đàn chim ngoài vách cũng nghe thuộc tiếng mõ, thầy ngồi tụng kinh sớm, con liều tiểu lấm lờn mà lại lảng lạng bay vào đậu bên vai. Khuya sớm ở đây nhà chùa chỉ có mình thầy với một vài già và một chị người làng dưới. Chị ấy đang đỡ đường chống con, hàng năm khi nông nhàn thì lên hầu hạ nhà chùa, đến mùa đông áng lại về. Trong núi, lúc nào cũng như đương mưa, trông ra chẳng thấy gì.

Thầy Yến năm nay tuổi bốn mươi tám. Trộm thầy, được biết trước kia người làm công nhân nhà máy hoa quả dưới tỉnh. Cơ duyên đưa thầy vào cửa Phật. Người thông tuệ lắm. Thuộc sự tích các chùa Yên Tử như đọc trong sách ra. Trong xống áo thiên già nâu sòng đậm bạc, trắng ngần bàn tay búp măng sữa móng đặt trên vạt áo phin màu gụ.

Các bạn tôi, chân giày vải, tay gậy, ở chùa trên xuống. Từ chùa Giải Oan lên chùa Đồng cao nhất qua chùa Hoa Yên, chùa Một Mái, khu tháp và một dốc đường rừng. Dốc cao, chẳng biết mưa núi hay sương sa, gió hun hút ngoài bể Đông thổi vào, bay người đi được. Những cây rừng cổ thụ bên đường, rễ và thân đổ hắt.

Thầy Yến nói:

- Cây xích rừng quý nhất, cổ nhất Yên Tử còn lại. Các sư tổ đã đem được cây xích rừng này bên nước Phật về.

- Bạch thầy, cái giếng thông đỏ ta cũng mới tìm thấy trên núi Ngọc Linh trong Lâm Đồng. Chiết dầu nó chữa được ung thư. Vàng, quý lắm.

Nhà sư không trả lời, hàng mi nhỏ như khép nhìn vào hư vô. Tôi lỡ một câu khoe không phải chỗ.

Bên thêm chùa dốc, sư thầy vái:

- Thưa cụ, được tiết ấm trời sang năm, cụ lên lễ Phật ngắm cây xích rừng.

- Lạy Phật.

1997

Quảng Châu

Hà Nội - Quảng Châu, *E Việt Nam* bay một tiếng ba mươi phút. Cát cánh bờ sông Hồng chân Tam Đảo, uống một lon bia thì trông thấy thành phố Quảng Châu bên sông Châu Giang với núi Bạch Vân mùa đông mù mịt. Trong các phương tiện đi lại ngày nay, con ngựa, con thuyền, cái tàu thủy, tàu hỏa, chiếc xe và đôi chân người ta thì cái tàu bay đã khiến kẻ lữ hành nhãng mất cảm tưởng xa gần nơi đến nơi đi.

Không phải, Quảng Châu tôi chưa bao giờ được tới mà đã sẵn gần gũi rồi. Dầu cho dọc đường dưới kia có nhọc nhằn ngày đi đêm nghỉ biết mấy thì phương trời này không phải từ hồng hoang.

Khi mới biết mặt chữ, những trang vỡ lòng đã cho chúng tôi thuộc lòng những Lĩnh Nam, những Ngũ Lĩnh, những Lĩnh Nam trích quái, những quân quan tuần thú phương Nam trong sử sách mà bao nhiêu năm về sau còn cảm thấy trập trùng thiên sơn vạn thủy khi nghe bài hát Nhị Lang Sơn. Thành Phiên Ngung bây giờ là một thị trấn vệ tinh của Quảng Châu. Trên đại lộ giữa Quảng Châu hiện đại, năm 1983 mới phát hiện mộ Nam Việt Vương - mối tình bi thảm My Châu Trọng - Thủy nguồn gốc từ đây.

Công viên đôi Hoàng Hoa, mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái (1904-1924), bia khắc năm ông hy sinh, tôi khi đó mới chập chững biết đi. Trước mặt, doi đất Sa Diện bờ Châu Giang, địa phận tò giới Pháp - Anh ngày trước, khách sạn Victoria vẫn như xưa. Phạm Hồng Thái ném bom Meclanh - toàn quyền Đông Dương rồi băng ra sông Châu - chỗ ấy ngã ba kênh đào, liệt sĩ đã bỏ mình giữa nơi sông nước mệnh mang này. Đến đây, hôm nay mới thấy, nhưng chúng tôi đã nghe được kỳ tích anh hùng Phạm Hồng Thái từ tuổi thanh niên. Lịch sử thế nào, con người và thời gian thì vừa ngắn ngủi vừa lâu dài.

Nơi Bác Hồ đã sáng lập và làm báo Việt Nam Thanh niên Cách mệnh Đồng chí Hội ở phố Văn Minh, một phố cũ như Hàng Đường, Hàng Giấy Hà Nội. Nhà ở và cửa hàng chen khít, một cổng ngách sâu vào nhà trong. Nghĩ về hang đá Pác Pó ở rừng Hà Quảng Cao Bằng hơn hai mươi năm sau. Thì đây đã là một hang Pác Pó giữa nơi phồn hoa, Người vì lý tưởng, sá gì ở chỗ nào, thế nào.

Không phải vì đường bay gần mà bởi chưa bao giờ thấy xa. Từ thành phố xuống huyện Phạt Sơn tạt ra cảng Phòng Thành, mà từ Phòng Thành sang Mũi Ngọc bên Trà Cổ, một dải bờ cát ven biển. Ở Phạt Sơn có chi họ Đường, chợ Chu đã lâu đời chuyển vùng xuống các châu Bắc Sơn, Trảng Xá bên Lạng Sơn, Thái Nguyên. Nhiều phen cơ sở cách mạng ở Phạt Sơn bị khủng bố trắng, các chiến sĩ cộng sản Trung Quốc đã sang nấu mình bên kia biên giới. Cũng như đầu thập kỷ 40, trong khởi nghĩa Bắc Sơn, trung đội đệ nhị Cứu quốc quân Việt Nam đã rút lên biên giới, trú chân ở Phạt Sơn, cho đến khi Bác Hồ qua Hoa Nam về Pác Bó, người đã chỉ thị cho trung đội trở về gây lại cơ sở du kích từ đông bắc lên.

Biết ngán nào chìm nổi của nỗi niềm đất nước và đời người, đây chỉ là khoảnh khắc chấp nối bất chợt mà thôi. Trong kháng chiến chống Pháp, tôi ở Việt Bắc làm phóng viên báo. Thời chiến, không có đường thư, tin tức chỉ nhận nhau. Thấy tờ báo, như thấy mặt người. Tôi nhận được thư của cả những người không quen biết nhờ chuyển. Có thư rất xa, tận Sài Gòn, thư của bạn bè cùng trang lứa, đi Vệ quốc đoàn.

Có anh Hợp và chị Na. Họ đều tưởng như chỉ tôi có thể nhận thư, chuyển thư được. Biết làm sao với một tệp thư của hai người. Cô Na đem con bé tản cư lên làm đôi trống sẵn ở trung du. Anh Hợp ở một đơn vị chủ lực. Năm ấy bộ đội ra chiến trường Đông Bắc. Bước vào thu đông năm

1950, Hồng quân Trung Hoa tấn công vũ bão xuống Hoa Nam. Bộ đội Việt Nam tiến lên hội quân đón bạn, chặn tàn binh Quốc dân đảng, đuổi chúng dạt sang miền rừng hoang vu bắc Miến Điện. Ở chiến dịch ấy, nhà văn Trần Đăng đã hy sinh và nhiều đồng đội đã ngã xuống. Có thể có chiến sĩ Hợp người làng tôi. Vì từ dạo ấy không nhận được thư Hợp nữa. Người ta như có thần, không hiểu thế nào mà cô Na cũng biết tin Hợp đi chiến dịch ra biên giới. Người làng tôi kể rằng Na địu con lặn lội sang đông bắc. Tôi cũng không bao giờ còn nhận được thư Na. Cô Na trôi dạt tận đâu, cô đã hóa đá Vọng Phu đứng bóng con ở mòm núi trên Kỳ Lừa Đồng Đăng hay cô là hòn đá trông chống trên núi ngoài Phòng Thành, ở Giang Bình, bờ biển Đông. Bao nhiêu mưa nắng đã qua.

Ký ức tôi mờ mờ làn mưa bụi Quảng Châu, đèn đường sáng sớm vừa tắt, trên phố trước mặt, xe đạp, xe máy, ô tô nhộn nhịp trẻ con đến trường, người đi làm. Tôi còn mang máng khi chú dì tôi lại sang Còn Minh, bấy giờ tôi khoảng lên mười, cái Nhâm và cái Châu độ năm, sáu tuổi. Tôi hỏi: “Chúng mày đi đâu?” Chúng nó ngo ngoắt nói: “Em về Vân Nam”. Sáng sớm ấy hình như mưa dầm hay cũng mưa bụi mờ mịt thế này, tiếng còi tàu hỏa rầu rĩ rúc qua cầu Long Biên ngược Lào Cai. Chú Phụng tôi làm y tá ở lãnh sự Pháp bên Còn Minh. Chú dì sang Vân Nam từ khi chưa có tôi và hai em Nhâm, Châu đều được sinh ở bên ấy. Mẹ đẻ cái Châu ở ga Ổ Minh Châu, đặt tên là Châu. Ông bà toan trở về ở quê. Nhưng của cái chẳng có bao, ông lại nghiện

hút, bà buôn xuôi ngược đường Vân Nam đi biệt cả tháng đường như cũng chẳng mấy lời lai, thế là được ít lâu, vợ chồng con cái lại bỗng bế nhau trở lên Côn Minh.

Ông bà mất đã lâu ở bên ấy. Sang Vân Nam, dì tôi sinh được cậu con trai, em Phùng Gia Bảo mà tôi thường nhận được thư. Bảo chưa được thấy đất nước, cũng không biết tiếng Việt. Bây giờ Bảo đã ngoài năm mươi, vợ con ở Côn Minh. Cái Nhâm, cái Châu rời sang Quảng Châu, lấy chồng người làm thợ xe, người lái xe tải. Cũng tuổi bảy mươi cả, có còn thì cũng đã tóc bạc da mồi. Tôi chỉ biết mình có người ruột thịt ở thành phố này mà không còn bao giờ gặp, cái buồn thế nào khó nói lên lời. Không nghĩ có khi được đến Quảng Châu, mà chúng nó đi từ khi còn chưa đến tuổi biết chữ, có lẽ cũng đã quên hết tiếng quê rồi.

Lại cũng còn bao nông nổi. Ông khách Sồi ngày trước bán thịt lợn ở chợ. Cái gia đình người Quảng Đông này đến ở xóm nách đình làng đã mấy đời. Chú Lâm con rể làm hàng phở đầu dốc chợ. Năm 1954, khi tôi trở về Hà Nội, gặp lại chú Lâm, mở quán bánh cuốn ở phố Hàng Giấy. Hỏi thăm, ông bà Sồi mất đã lâu, chôn ở tha ma Mả Mái đầu đồng làng tôi. Ít lâu sau, vợ chồng chú Lâm cũng về cả Quảng Châu. Hơn mười năm đã qua, biết bây giờ ở đâu, những người đã ngụ gần hết đời ở quê tôi.

Thành phố Quảng Châu đây đã một nghìn tuổi mà đương sức xuân. Các dòng cầu vượt kẻ vòng kẻ thẳng chẳng chịt trung tâm, như mọi đô thị lớn trên thế giới.

Những công trình xây cất đồ sộ, vuông vức, quy mô. Trên hè phố, cô thiếu nữ váy chên, đóng chân mảnh mai, tay cầm điện thoại di động, bước nhanh.

Tôi ghi: tỉnh Quảng Đông sáu mươi sáu triệu dân, mấy năm nay, nhiều người các huyện ra thành phố. Dân số thành phố Quảng Châu sáu triệu, có 34 trường đại học. Ngồi cái xe xinh xinh như xe loan cho cô gái áo hồng yếu điệu lái dạo trong công viên Trung Hoa Gấm Vóc, thăm bảo tàng từ đường dòng tổ họ Trần, ra sông Thấm Quyển nhìn nhà tầng trên phố phường Hồng Kông bên kia. Đâu cũng ngan ngát mùi hoa mộc.

Mười lăm năm trước, chỉ mười nhà chài ven sông Thấm Quyển, bây giờ là thành phố Thấm Quyển, ba triệu rưỡi người khắp nước tới định cư. Ngày 1 tháng 7 năm 1997 tới đây, chính phủ Anh phải trả lại cho Trung Quốc đất Hồng Kông. Thật thích ứng đèn tài tình, thè là đã nguy nga kế nhau hai thành phố Hồng Kông - Thấm Quyển, khác nào đương đứng đầu cầu Trường Giang giữa hai thành phố Vũ Xương, Hán Khẩu. Dường như bên kia cũng thoàng sang mùi hoa mộc. Những cây mộc trong chậu cảnh, những gốc mộc cổ thụ. Hoa trắng như hạt nếp đơm xôi trong khe lá. Ở nước ta, cây mộc thanh cảnh trước sân, trong hiên nhà hậu chùa. Hương mộc tinh khiết vương ra ngoài lối đi. Cây mộc Quảng Châu được trồng nển nếp, như một nét trang trí và sinh hoạt. Cái tự nhiên thành hương đồng cỏ nội gần bó xa xưa với hôm nay. Ý thức quê kiểng như thế

thể hiện tế nhị mọi nơi. Ở những đại từ điểm Bàn Khê trong Quảng Châu, ở cao lầu Tinh Đô ngoài Thẩm Quyến, trên lối ven núi khu du lịch Bạch Vân, trong công viên tĩnh mịch các cụ ngồi đánh cờ nghe chim khướu hót ở Sa Diện, đâu cũng những bồn lớn um tùm cây móc diêu, cây song, cây mây trông đứng đót, lá xanh ngán ngất, như vừa đánh ở bờ rào ngoài vườn đem vào.

Cả đến thố ngời và thiên nhiên trong quang cảnh hiện đại cũng được an bài giữa phong tục và truyền thống. Đường cầu vượt cao tốc 161 cây sô Quảng Châu - Thẩm Quyến, xe chạy một giờ 140 cây. Ngòi nhà 67 tầng ở Thẩm Quyến lừng lững cao nhất Trung Quốc. Quảng Châu đương xây hầm đường tàu điện ngầm. Các cửa hàng lớn mặt phố và dưới lòng đất, gian tầng ngăn có người bán hàng hợp với khách chưa quen siêu thị nhiều tầng kiểu mới. Ở tửu quán, trong phòng tiệc Quý Tân thượng hạng hay vào quán bụi Dương Minh trà tiền suất đi lấy thức ăn thức uống, cô nhà bàn áo hoa đào, trước cửa quán thướt tha rặng lệ liễu, bồ liễu, khách ngõ vào thủy đình nào trong Hồng Lâu Mộng. Trên tường leo những dây móng rồng mùa đông còn đậm lá, vãn đầu dây thoang thoàng hương hoa mộc mà Quảng Châu gọi là quế hoa.

Thành phố mới, cực mới, mà dung dị dượm bóng xưa. Hãy tưởng tượng khi ta viếng mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái trên đồi Hoàng Hoa, thì nhìn thấy sau lãng một rặng tre gai thường có ở lũy tre làng. Cây ngái, cây si, gốc và cành sần

sùi cổ quái. Ven lối, bờ rào đâm bụi chẳng khác ở Nghệ An, có những bụi cây dày và có đuôi phượng, có tiếng chim khướu thánh thót trên cành cây chàng ràng hạt rụng dò lay láy. Hoa cỏ và con chim quê ta. Không biết có phải đây là những lần thăm mộ, con của Người là cụ Phạm Thành Nguyệt đã đưa sang như phong tục ta trồng cỏ trồng hoa ngày táo mộ, hay những người ngưỡng mộ gương liệt sĩ đã chăm lo phần mộ cho Người nằm xa quê được như ở đất quê.

Sáng sớm tôi ăn sáng trong hàng văn thân, nhìn người đông đúc qua lại ngoài phố. Cụ già xách lồng chim khướu, trời lạnh che mảnh vải trắng, đi dạo vườn hoa. Trong mái đình, tiếng thanh la nạo bạt “lốc bốc xoảng... bốc xoảng”, như ngày nào xem tuồng Tàu ở trong nhà hội quán phố Hàng Buồm, ở cao lầu đường Cây Mai trong Chợ Lớn. Cứ cảm thấy ngỡ ngợ như sắp gặp ông bà Sỏi bán thịt lợn, nhà chú Lâm hàng phở đầu dốc chợ. Ở Bắc Kinh, ở Liêu Ninh, những khuôn mặt trắng phương phi của người Hoa Trung, Hoa Bắc khác vẻ thanh tú mà lại khắc khổ của người phương Nam, tôi trông ai cũng như quen quen. Có bà cụ áo bông xanh bạc vai, người thấp bé, ngược nhìn tôi rồi lẩm bẩm chẳng biết nói gì. Có phải đây là em Nhâm, em Châu tôi? Có phải nó nhìn ông lão vẻ hao hao anh nó ngày xưa? Làm sao có thể thế được, nhưng tôi cứ ngỡ.

Ở nhà hàng Bàn Khê, bạn mời khai vị rượu Thiệu Hưng. Cái rượu Chiết Giang thường gặp trong sách Lỗ Tấn. Mới biết rượu Thiệu Hưng là loại rượu cho ngày rét mướt áp

Tết Nguyên Đán, siêu rượu bắc ở hỏa lò ra uống nóng, mỗi chén lại ngâm một quả ô mai. Tôi dừng dừng nỗi niềm được nếm cái Thiệu Hưng quê nhà của đại văn hào. Nhấp ngụm rượu, tôi bỗng nghĩ đến tấm áo xường xám màu hoa đào đã cất bao nhiêu năm trong cái rỏ mây của bà Mã Pháy ở Lũng Nghiu, Khơ Đa biên giới Lạng Sơn. Năm xưa, cái áo xường xám màu hoa đào đẹp nhất, Mã Pháy đã mặc mỗi khi đi với Phùng Trí Kiên, có biệt danh là Mã Gậy, ông cũng lấy họ của Mã Pháy, khi hai người ra Hồng Kông, vào Quảng Châu. Bà lão Tường Lâm trong truyện Lỗ Tấn đã uống rượu Thiệu Hưng vào ngày áp Tết, ngoài kia tiếng pháo nổ trong tuyết sa. Cái mụ cô hồn Tường Lâm vô phúc và những Mã Pháy, những cái Nhâm cái Châu, những tôi, nhớ mà không bao giờ ai còn gặp lại ai, mà bà lão Mã Pháy vẫn giữ cái áo, mụ Tường Lâm vẫn hỏi người ta rằng người chết có linh hồn không, mà tôi vẫn ngâm ngùi về tuổi thơ những đâu đâu.

Rượu Thiệu Hưng! Rượu Thiệu Hưng! Lỗ Tấn, ông ác lắm, ông viết cho người ta nhớ làm gì. Trời Quảng Châu chát ngát nhà nhà lên trong mưa bụi, mưa trắng mờ bóng trắng râm vắn vự trong sương, cái rét se lòng lại khiến phải hâm thêm cái rượu nóng Thiệu Hưng.

1996.

CHÙA GIẢI OAN

Tô Hoài

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: TƯỜNG VÂN

Bìa: TRÍ ĐỨC

Minh họa: KIM NGÂN

Sửa bản in: TƯỜNG VÂN

Kỹ thuật in: ANH ĐÀO

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 602, số 209 Giảng Võ, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Khổ: 13 cm x 20 cm, số: 441-2011/CXB/05-112/Tre

Quyết định xuất bản số 282A/QĐ-Tre, ngày 12 tháng 5 năm 2011

In 2.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2011

Các tác phẩm nổi tiếng:

Dế Mèn phiêu lưu kí (1941)

O Chuột (1947)

Nhà nghèo (1947)

Truyện Tây Bắc (1953)

Miền Tây (1967)

Cát bụi chân ai (1992)

Chuyện cũ Hà Nội (2004)

Ba người khác (2006)

